**TUẦN 1**

**TOÁN**

**TRÊN – DƯỚI. PHẢI – TRÁI. TRƯỚC SAU. Ở GIỮA**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Yêu cầu cần đạt:**

- Xác định được vị trí: *Trên, dưới, phải, trái, trước, sau, ở giữa* trong tình huống cụ thể và có thể diễn đạt được bằng ngôn ngữ.

- Thực hành trải nghiệm sử dụng các từ ngữ: *Trên, dưới, phải, trái, trước, sau, ở giữa* để mô tả vị trí tương đối các đối tượng cụ thể trong các tình huống thực tế.

**2. Phẩm chất:**

- Học sinh tích cực, hứng thú, chăm chỉ thực hiện các yêu cầu của giáo viên nêu ra.

**3. Năng lực:**

- Học sinh quan sát và trình bày được kết quả quan sát thông qua các hoạt động học.

- Học sinh nghe hiểu và trình bày được vấn đề toán học do giáo viên đưa ra.

**- Vận dụng được kiến thức kĩ năng được hình thành trong bài học để giải quyết vấn đề thực tiễn.**

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Giáo viên:**

- Giáo án.

- Tranh tình huống.

- Bộ đồ dùng Toán 1.

- Bảng nhóm: Dùng trong hoạt động thực hành luyện tập.

**2. Học sinh:**

- Vở, SGK

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| **A. Hoạt động khởi động.** |  |
| - Theo dõi  - HS làm quen với tên gọi, đặc điểm các đồ dùng học toán  - HS làm quen với các quy định  - HS xem và chia sẻ những gì các em thấy trong SGK | - GV giới thiệu: Học toán lớp 1, chúng ta sữ được học số, học các phép tính, các hình đơn giản và thực hành lắp ghép, đo độ dài, xem đồng hồ, xem lịch.  - GV hướng dẫn HS làm quen với bộ đồ dùng để học toán.  - GV hướng dẫn học sinh các hoạt động cá nhân, nhóm, cách phát biểu.  - GV cho HS xem tranh khởi động trong SGK. |
| **B. Hoạt động hình thành kiến thức.** |  |
| - HS chia nhóm theo bàn  - HS làm việc nhóm  - HS trong nhóm lần lượt nói về vị trí các vật.  Ví dụ: Bạn gái đứng sau cây;  - Đại diện các nhóm lần lượt lên trình bày.  - HS theo dõi  - HS nhắc lại vị trí của các bạn trong hình.  - HS theo dõi. | - GV cho HS chia lớp theo nhóm bàn  - GV cho HS quan sát tranh vẽ trong khung kiến thức (trang 6).  - GV đưa ra yêu cầu các nhóm sử dụng các từ *Trên, dưới, phải, trái, trước, sau, ở giữa* để nói về vị trí của các sự vật trong bức tranh.  - GV gọi HS lên bảng chỉ vào từng bức tranh nhỏ trong khung kiến thức và nói về vị trí các bạn trong tranh.  - GV nhận xét  - GV cho vài HS nhắc lại  - GV chú ý học sinh khi miêu tả vị trí cần xác định rõ vị trí của các sự vật khi so sánh với nhau. |
| **C. Hoạt động thực hành luyện tập.** |  |
| **Bài 1.** Dùng các từ*Trên, dưới, phải, trái, trước, sau, ở giữa* để nói về bức tranh sau.  - HS quan sát  - 2 HS nhắc lại yêu cầu bài  - Làm việc nhóm  - Đại diện các nhóm lên báo cáo, HS khác theo dõi, nhận xét  - HS kể  + Cặp sách, giỏ đựng rác  + Bút chì, thước kẻ, hộp bút, quyển sách  + Bút chì, thước kẻ  + Hộp bút  - HS thực hiện | - GV chiếu bức tranh bài tập 1 lên màn hình.  - GV hướng dẫn HS tìm hiểu yêu cầu của bài.  - GV yêu cầu HS trao đổi thảo luận theo nhóm bàn.  - GV gọi các nhóm lên báo cáo  - GV nhận xét chung.  - GV yêu cầu HS quan sát tranh trả lời theo yêu cầu :  + Kể tên những vật ở dưới gậm bàn.  + Kể tên những vật ở trên bàn  + Trên bàn có những vật nào bên trái bạn gái?  + Trên bàn có những vật nào bên phải bạn gái?  - GV hướng dẫn HS thao tác : lấy và đặt bút chì ở giữa, bên trái là tẩy, bên phải là hộp bút.  - GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn. |
| **Bài 2.** Bạn nhỏ trong tranh muốn đến trường thì phải rẽ sang bên nào? Muốn đến bưu điện thì phải rẽ sang bên nào?  - HS quan sát  - 2 HS nhắc lại yêu cầu bài  - Làm việc nhóm  **+** Bạn nhỏ trong tranh muốn đến trường thì phải rẽ sang bên phải.  **+** Bạn nhỏ trong tranh muốn đến bưu điện thì phải rẽ sang bên trái.  - Đại diện các nhóm lên báo cáo, HS khác theo dõi, nhận xét  **Bài 3.** a)Thực hiện lần lượt các động tác sau.  b) Trả lời câu hỏi: phía trước, phía sau, bên phải, bên trái em là bạn nào?  - HS quan sát  - 2 HS nhắc lại yêu cầu bài  - HS chơi trò chơi : Thực hiện các yêu cầu của GV  - HS trả lời  **D. Hoạt động vận dụng** | - GV chiếu bức tranh bài tập 2 lên màn hình.  - GV hướng dẫn HS tìm hiểu yêu cầu của bài.  - GV yêu cầu HS trao đổi thảo luận theo nhóm bàn theo hướng dẫn :  **+** Bạn nhỏ trong tranh muốn đến trường thì phải rẽ sang bên nào?  **+** Bạn nhỏ trong tranh muốn đến bưu điện thì phải rẽ sang bên nào?  - GV cho các nhóm lên báo cáo kết quả thảo luận.  - GV cùng HS nhận xét  - GV chiếu bức tranh bài tập 1 lên màn hình.  - GV hướng dẫn HS tìm hiểu yêu cầu của bài.  - GV yêu cầu HS đứng dậy lắng nghe và thực hiện yêu cầu của Gv qua trò chơi “Làm theo tôi nói, không làm theo tôi làm”:  + Giơ tay trái.  + Giơ tay phải.  + Vỗ nhẹ tay trái vào vai phải.  + Vỗ nhẹ tay phải vào vai trái.  - GV nhận xét  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Phía trước, phía sau, bên trái, bên phải em là bạn nào.  - GV nhận xét |
| - Trả lời  - HS trả lời theo vốn sống của bản thân  - Đi bên phải  - HS trả lời | - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?  - Những điều em học hôm nay giúp ích gì được cho em trong cuộc sống.  - Khi tham gia giao thông em đi đường bên nào?  - Khi lên xuống cầu thang em đi bên nào? |
| **E. Củng cố, dặn dò** |  |
| - Lắng nghe  - Lắng nghe | - Trong cuộc sống có rất nhiều quy tắc liên quan đến “phải - trái” khi mọi người làm việc theo các quy tắc thì cuộc sống trở nên có trật tự.  - Về nhà, các em tìm hiểu thêm những quy định liên quan đến “phải - trái”. |

**TOÁN**

**HÌNH VUÔNG – HÌNH TRÒN**

**HÌNH TAM GIÁC- HÌNH CHỮ NHẬT**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Yêu cầu cần đạt:**

- Nhận biết được hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật. Gọi đúng tên các hình đó.

- Nhận ra được hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật từ các vật thật.

- Ghép được các hình đã biết thành hình mới.

**2. Phẩm chất:**

- Học sinh tích cực, hứng thú, chăm chỉ thực hiện các yêu cầu của giáo viên nêu ra.

**3. Năng lực:**

- Học sinh phát triển năng lực mô hình hóa toán học thông qua việc quan sát, nhận dạng và phân loại hình.

- Học sinh phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học thông qua việc quan sát, nhận dạng và phân loại hình.

**-** Học sinh phát triển năng lực sử dụng công cụ và phương tiện học toán thông qua việc lắp ghép tạo hình mới.

**-** Học sinh phát triển năng lực giao tiếp toán học thông qua việc trình bày ý tưởng, đặt và trả lời câu hỏi.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Giáo viên:**

- Các thẻ hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật có kích thước, màu sắc khác nhau.

**2. Học sinh:**

- Vở, SGK

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| **A. Hoạt động khởi động.** |  |
| - Học sinh xem tranh và chia sẻ cặp đôi về hình dạng các đồ vật trong tranh  - Đại diện các nhóm lên chia sẻ :  + Mặt đồng hồ hình tròn  + Lá cờ có dạng hình tam giác | - Cho học sinh xem tranh khởi động và làm việc theo nhóm đôi.  - Cho học sinh các nhóm lên chia sẻ  - Giáo viên nhận xét chung |
| **B. Hoạt động hình thành kiến thức.** |  |
| *1. Nhận biết hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật.*  \* Hoạt động cá nhân:  - Học sinh lấy trong bộ đồ dùng các đồ vật theo yêu cầu.  - Học sinh quan sát và nêu : Hình vuông  - Học sinh quan sát và nêu : Hình vuông  - Học sinh quan sát và nêu : Hình tròn  - Học sinh quan sát và nêu : Hình tam giác  - Học sinh quan sát và nêu : Hình chữ nhật | - Lấy ra một nhóm các đồ vật có hình dạng và màu sắc khác nhau: hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật.  - Giáo viên quan sát, giúp đỡ học sinh.  - GV lấy ra lần lượt từng tấm bìa hình vuông (với các kích thước màu sắc khác nhau) yêu cầu học sinh gọi tên hình đó.  - GV lấy ra lần lượt từng tấm bìa hình tròn (với các kích thước màu sắc khác nhau) yêu cầu học sinh gọi tên hình đó.  - GV lấy ra lần lượt từng tấm bìa hình tam giác (với các kích thước màu sắc khác nhau) yêu cầu học sinh gọi tên hình đó.  - GV lấy ra lần lượt từng tấm bìa hình chữ nhật (với các kích thước màu sắc khác nhau) yêu cầu học sinh gọi tên hình đó. |
| - Học sinh làm việc theo nhóm 4 : Học sinh trong nhóm tên các đồ vật có dạng hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật.  - Đại diện các nhóm lên chia sẻ trước lớp.  - Các nhóm cùng giáo viên nhận xét | \* Hoạt động nhóm:  - Giáo viên yêu cầu học sinh kể tên các đồ vật trong thực tế có dạng hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật.  - Giáo viên gọi học sinh lên chia sẻ trước lớp.  - Giáo viên cho các nhóm nhận xét.  - Giáo viên nhận xét. |
| **C. Hoạt động thực hành luyện tập.** |  |
| **Bài 1.** Kể tên cácđồ vật trong hình vẽ có dạng hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật.  - Học sinh lắng nghe và nhắc lại yêu cầu  - Học sinh xem hình vẽ và nói cho bạn nghe đồ vật nào có dạng hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật.  - Đại diện các nhóm lên chia sẻ :  + Bức ảnh hình vuông  + Cái đĩa nhạc, biển báo giao thông hình tròn  + Cái phong bì thư hình chữ nhật  + Biển báo giao thông hình tam giác | - Giáo viên nêu yêu cầu của bài  - Giáo viên cho học sinh thực hiện theo cặp.  - Gọi các nhóm lên chia sẻ  - Giáo viên hướng dẫn HS cách nói đủ câu, cách nói cho bạn nghe và lắng nghe bạn nói. |
| **Bài 2.** Hình tam giác có màu gì?Hình vuông có màu gì?Gọi tên các hình có màu đỏ.  - 2 HS nhắc lại yêu cầu của bài  - 1 HS nêu câu hỏi, 1 HS trả lời  - HS sửa cách đặt câu hỏi, cách trả lời  - Các nhóm báo cáo kết quả | - Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập  - Giáo viên cho học sinh làm việc theo nhóm đôi  - GV rèn HS cách đặt câu hỏi, cách trả lời, cách quan sát và phân loại hình theo màu sắc, hình dạng.  - GV cho học sinh các nhóm báo cáo kết quả làm việc.  - GV khuyến kích HS diễn đạt bằng ngôn ngữ của mình |
| **Bài 3.** Ghép hình em thích  - 2 HS nhắc lại yêu cầu của bài tập  - Các nhóm lựa chọn hình định lắp ghép, suy nghĩ, sử dụng các hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật để ghép các hình đã lựa chọn.  - Các nhóm lên trưng bày và chia sẻ sản phẩm của nhóm | - Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập  - GV cho học sinh làm việc nhóm  - Giáo viên cho các nhóm lên chia sẻ các hình ghép của nhóm  - GV khuyến khích HS đặt câu hỏi cho nhóm bạn. |
| **D. Hoạt động vận dụng** |  |
| **Bài 4.** Kể tên các đồ vật trong thực tế có dạng hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật.  - 2 HS nhắc lại yêu cầu của bài tập  - Hs quan sát và chia sẻ nhóm đôi  - HS lên chia sẻ  **E. Củng cố, dặn dò**  - HS trả lời | - Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập  - Giáo viên cho học sinh quan sát và chia sẻ các đồ vật xung quanh có dạng hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật. |
|  |
| - Bài học hôm nay, em biết được thêm được điều gì? |

**TOÁN**

**CÁC SỐ 1, 2, 3**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Yêu cầu cần đạt:**

**- Biết cách đếm các nhóm đồ vật có số lượng đến 3. Thông qua đó, HS nhận biết được số lượng , hình thành biểu tượng về các số 1, 2, 3.**

**- Đọc, viết được các số 1, 2, 3.**

**- Lập được các nhóm đồ vật có số lượng 1, 2, 3.**

**2. Phẩm chất:**

- Học sinh tích cực, hứng thú, chăm chỉ thực hiện các yêu cầu của giáo viên nêu ra.

**3. Năng lực:**

- Học sinh phát triển năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy và lập luận toán học thông qua hoạt động quan sát tranh, đếm số lượng, nêu số tương ứng….

-Học sinh phát triển năng lực giao tiếp toán học thông qua việc đếm, sử dụng các số để biểu thị số lượng, trao đổi với bạn về số lượng của sự vật trong tranh.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Giáo viên:**

- Tranh tình huống

- Một số chấm tròn, thẻ số 1, 2, 3 (trong bộ đồ dùng toán học)

- Một số đồ dùng quen thuộc với học sinh : 1 bút chì, 3 que tính, 2 quyển vở,…

**2. Học sinh:**

- Vở, SGK

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| **A. Hoạt động khởi động.** |  |
| - HS làm việc nhóm đôi: cùng quan sát và chia sẻ trong nhóm :  + 1 con mèo  + 2 con chim  + 3 bông hoa  - Các nhóm lần lượt lên chia sẻ | - GV cho HS quan sát tranh khởi động trang 10 SGK và làm việc nhóm đôi về số lượng các sự vật trong tranh.  - GV theo dõi, giúp đỡ học sinh  - GV gọi một vài cặp lên chia sẻ trước lớp  - Giáo viên nhận xét chung |
| **B. Hoạt động hình thành kiến thức.** |  |
| ***1. Hình thành các số 1, 2, 3***  ***\* Quan sát***  - HS đếm số con mèo và số chấm tròn | - GV yêu cầu HS đếm số con vật và số chấm tròn ở dòng thứ nhất của khung kiến thức.  - Có mấy con mèo? Mấy chấm tròn?  - Vậy ta có số mấy?  - GV giới thiệu số 1 |
| - Có 1 con mèo, 1 chấm tròn  - Ta có số 1.  - HS quan sát, một vài học sinh nhắc lại |
| - Có 2 con chim, 2 chấm tròn  - Ta có số 2.  - HS quan sát, một vài học sinh nhắc lại | - Có mấy con chim? Mấy chấm tròn?  - Vậy ta có số mấy?  - GV giới thiệu số 2 |
| - Có 3 bông hoa, 3 chấm tròn  - Ta có số 3.  - HS quan sát, một vài học sinh nhắc lại | - Có mấy bông hoa? Mấy chấm tròn?  - Vậy ta có số mấy?  - GV giới thiệu số 3 |
| ***\* Nhận biết số 1, 2, 3*** |  |
| - HS làm việc cá nhân lấy 1 que tính rồi đếm : 1 | - GV yêu cầu học sinh lấy ra 1 que tính rồi đếm số que tính lấy ra. |
| - HS làm việc cá nhân lấy 2 que tính rồi đếm : 1, 2 | - GV yêu cầu học sinh lấy ra 2 que tính rồi đếm số que tính lấy ra. |
| - HS làm việc cá nhân lấy 3 que tính rồi đếm : 1, 2, 3 | - GV yêu cầu học sinh lấy ra 3 que tính rồi đếm số que tính lấy ra. |
| - HS làm việc cá nhân : nghe tiếng vỗ tay lấy thẻ có ghi số 2 | - Giáo viên vỗ tay 2 cái yêu cầu học sinh lấy thẻ có ghi số tương ứng với tiếng vỗ tay |
| - HS làm việc cá nhân : nghe tiếng vỗ tay lấy thẻ có ghi số 1 | - Giáo viên vỗ tay 1 cái yêu cầu học sinh lấy thẻ có ghi số tương ứng với tiếng vỗ tay |
| - HS làm việc cá nhân : nghe tiếng vỗ tay lấy thẻ có ghi số 3 | - Giáo viên vỗ tay 3 cái yêu cầu học sinh lấy thẻ có ghi số tương ứng với tiếng vỗ tay |
| ***2. Viết các số 1, 2, 3*** |  |
| *\* Viết số 1*  - Học sinh theo dõi và quan sát  - HS tập viết số 1 theo hướng dẫn | - GV viết mẫu kết hợp hướng dẫn học sinh viết:  + Số 1 cao 4 li. Gồm 2 nét : nét 1 là thẳng xiên và nét 2 là thẳng đứng.  + Cách viết:  Nét 1: Đặt bút trên đường kẻ 4, viết nét thẳng xiên đến đường kẻ 5 thì dừng lại.  Nét 2: Từ điểm dừng bút của nét 1, chuyển hướng bút viết nét thẳng đứng xuống phía dưới đến đường kẻ 1 thì dừng lại.  - GV cho học sinh viết bảng con |
| *\* Viết số 2*  - Học sinh theo dõi và quan sát  - Viết theo hướng dẫn  - HS tập viết số 2 | - GV viết mẫu kết hợp hướng dẫn học sinh viết :  + Số 2 cao 4 li. Gồm 2 nét : Nét 1 là kết hợp của hai nét cơ bản: cong trên và thẳng xiên. Nét 2 là thẳng ngang  + Cách viết:  Nét 1: Đặt bút trên đường kẻ 4, viết nét cong trên nối với nét thẳng xiên ( từ trên xuống dưới, từ phải sang trái) đến đường kẻ 1 thì dừng lại.  Nét 2: Từ điểm dừng bút của nét 1, chuyển hướng bút viết nét thẳng ngang (trùng đường kẻ 1) bằng độ rộng của nét cong trên.  - GV cho học sinh viết bảng con |
| *\* Viết số 3*  - Học sinh theo dõi và quan sát  - Viết theo hướng dẫn  - HS tập viết số 3 | - GV viết mẫu kết hợp hướng dẫn học sinh viết :  + Số 2 cao 4 li. Gồm 3 nét : 3 nét. Nét 1 là thẳng ngang, nét 2: thẳng xiên và nét 3: cong phải  + Cách viết:  + Nét 1: Đặt bút trên đường kẻ 5, viết nét thẳng ngang (trùng đường kẻ 5) bằng một nửa chiều cao thì dừng lại.  + Nét 2: Từ điểm dừng bút của nét 1, chuyển hướng bút viết nét thẳng xiên đển khoảng giữa đường kẻ 3 và đường kẻ 4 thì dừng lại.  + Nét 3: Từ điểm dừng bút của nét 2 chuyển hướng bút viết nét cong phải xuống đến đường kẻ 1 rồi lượn lên đến đường kẻ 2 thì dừng lại.  - GV cho học sinh viết bảng con |
| - HS viết cá nhân  - HS lắng nghe | - GV cho học sinh viết các số 1, 2, 3  \* GV đưa ra một số trường hợp viết sai, viết ngược để nhắc nhở học sinh tránh những lỗi sai đó. |
| **C. Hoạt động thực hành luyện tập.** |  |
| **Bài 1. Số ?** |  |
| - 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu bài  - HS đếm số lượng các con vật có trong bài rồi đọc số tương ứng.  - HS thay nhau chỉ vào từng hình nói :  + Hai con mèo. Đặt thẻ số 2  + Một con chó. Đặt thẻ số 1  + Ba con lợn. Đặt thẻ số 3 | - GV nêu yêu cầu bài tập  - GV cho học sinh làm việc cá nhân  - GV cho học sinh làm việc nhóm đôi trao đổi với bạn về số lượng.  - GV theo dõi, giúp đỡ các nhóm |
| **Bài 2. Lấy hình phù hợp (theo mẫu)** |  |
| + Có 1 chấm tròn  + Ghi số 1  - HS làm các phần còn lại theo hướng dẫn của giáo viên | - GV hướng dẫn HS làm mẫu  + Quan sát hình đầu tiên có mấy chấm tròn?  + 1 chấm tròn ghi số mấy?  - GV cho học sinh làm phần còn lại qua các thao tác:  + Đọc số ghi dưới mỗi hình, xác định số lượng chấm tròn cần lấy cho đúng với yêu cầu của bài.  + Lấy số chấm tròn cho đủ số lượng, đếm kiểm tra lại  + Chia sẻ sản phẩm với bạn, nói cho bạn nghe kết quả. |
| **Bài 3. Số ?** |  |
| - 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu  - HS đếm các khối lập phương rồi đọc số tương ứng.  - HS thi đếm từ 1 đến 3 và đếm từ 3 đến 1 | - GV nêu yêu cầu bài tập  - GV cho học sinh làm bài cá nhân  - GV tổ chức cho học sinh thi đếm 1-3 và 3-1  - GV cùng HS nhận xét tuyên dương |
| **D. Hoạt động vận dụng** |  |
| **Bài 4. Số ?** |  |
| - 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu  - HS quan sát tranh suy nghĩ, nói cho bạn nghe số lượng của quyển sách, cái kéo, bút chì, tẩy có trong hình.  - Các nhóm lần lượt lên chia sẻ  + Có 3 quyển sách  + Có 2 cái kéo  + Có 3 bút chì  + Có 1 cục tẩy | - GV nêu yêu cầu bài tập  - GV cho học sinh làm việc nhóm đôi  - GV cho các nhóm lên chia sẻ trước lớp  - GV cùng học sinh nhận xét |
| **E. Củng cố, dặn dò** |  |
| - HS trả lời  - Hs trả lời | - Bài học hôm nay chúng ta biết thêm được điều gì?  - Từ ngữ toán học nào em cần chú ý. |

**TUẦN 2**

**TOÁN**

**CÁC SỐ 4, 5, 6**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Yêu cầu cần đạt:**

- Biết cách đếm các nhóm đồ vật có số lượng đến 6. Thông qua đó, HS nhận biết được số lượng, hình thành biểu tượng về các số 4, 5, 6.

- Đọc, viết được các số 4, 5, 6.

- Lập được các nhóm đồ vật có số lượng 4, 5, 6.

**2. Phẩm chất:**

- Học sinh tích cực, hứng thú, chăm chỉ thực hiện các yêu cầu của giáo viên nêu ra.

**3. Năng lực:**

- Học sinh phát triển năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy và lập luận toán học thông qua hoạt động quan sát tranh, đếm số lượng, nêu số tương ứng….

- Học sinh phát triển năng lực giao tiếp toán học thông qua việc đếm, sử dụng các số để biểu thị số lượng, trao đổi với bạn về số lượng của sự vật trong tranh.

**II. CHUẨN BỊ:**

**- Tranh tình huống**

**- Một số chấm tròn, hình vuông; các thẻ số từ 1 đến 6 trong bộ đồ dùng Toán 1.**

- Vở, SGK

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| **A. Hoạt động khởi động.** |  |
| - HS làm việc nhóm đôi: cùng quan sát và chia sẻ trong nhóm :  + 4 bông hoa  + 5 con vịt  + 6 quả táo  - Các nhóm lần lượt lên chia sẻ | - GV cho HS quan sát tranh khởi động trang 10 SGK và làm việc nhóm đôi về số lượng các sự vật trong tranh.  - GV theo dõi, giúp đỡ học sinh  - GV gọi một vài cặp lên chia sẻ trước lớp  - Giáo viên nhận xét chung |
| **B. Hoạt động hình thành kiến thức.** |  |
| ***1. Hình thành các số 4, 5, 6.***  ***\* Quan sát***  - HS đếm số con mèo và số chấm tròn | - GV yêu cầu HS đếm số con vật và số chấm tròn ở dòng thứ nhất của khung kiến thức. |
| - Có 4 con mèo, 4 chấm tròn  - Ta có số 4.  - HS quan sát, một vài học sinh nhắc lại | - Có mấy bông hoa? Mấy chấm tròn?  - Vậy ta có số mấy?  - GV giới thiệu số 4 |
| - Có 5 con chim, 5 chấm tròn  - Ta có số 5.  - HS quan sát, một vài học sinh nhắc lại | - Có mấy con vịt? Mấy chấm tròn?  - Vậy ta có số mấy?  - GV giới thiệu số 5 |
| - Có 5 quả táo, 5 chấm tròn  - Ta có số 5.  - HS quan sát, một vài học sinh nhắc lại | - Có mấy quả táo? Mấy chấm tròn?  - Vậy ta có số mấy?  - GV giới thiệu số 3 |
| ***\* Nhận biết số 4, 5, 6.***  - HS làm việc cá nhân lấy 4 que tính rồi đếm : 1, 2, 3, 4  - HS làm việc cá nhân lấy 5 que tính rồi đếm : 1, 2, 3, 4, 5  - HS làm việc cá nhân lấy 6 que tính rồi đếm : 1, 2, 3, 4, 5, 6  - HS làm việc cá nhân : nghe tiếng vỗ tay lấy thẻ có ghi số 6 |  |
| - GV yêu cầu học sinh lấy ra 4 que tính rồi đếm số que tính lấy ra. |
| - GV yêu cầu học sinh lấy ra 5 que tính rồi đếm số que tính lấy ra. |
| - GV yêu cầu học sinh lấy ra 6 que tính rồi đếm số que tính lấy ra. |
| - Giáo viên vỗ tay 6 cái yêu cầu học sinh lấy thẻ có ghi số tương ứng với tiếng vỗ tay |
| - HS làm việc cá nhân : nghe tiếng vỗ tay lấy thẻ có ghi số 4 | - Giáo viên vỗ tay 4 cái yêu cầu học sinh lấy thẻ có ghi số tương ứng với tiếng vỗ tay |
| - HS làm việc cá nhân : nghe tiếng vỗ tay lấy thẻ có ghi số 5 | - Giáo viên vỗ tay 5 cái yêu cầu học sinh lấy thẻ có ghi số tương ứng với tiếng vỗ tay |
| ***2. Viết các số 4, 5, 6.*** |  |
| *\* Viết số 4*  - Học sinh theo dõi và quan sát  - Viết theo hướng dẫn  - HS tập viết số 4 | - GV viết mẫu kết hợp hướng dẫn học sinh viết :  + Số 4 cao: 4 li ( 5 đường kẻ ngang). Gồm 3 nét: Nét 1: thẳng xiên, nét 2: thẳng ngang và nét 3: thẳng đứng.  + Cách viết:  + Nét 1: Đặt bút trên đường kẻ 5, viết nét thẳng xiên (từ trên xuống dưới) đến đường kẻ 2 thì dừng lại.  + Nét 2: Từ điểm dừng bút của nét 1 chuyển hướng bút viết nét thẳng ngang rộng hơn một nửa chiều cao một chút thì dừng lại.  + Nét 3: Từ điểm dừng bút của nét 2, lia bút lên đường kẻ 4 viết nét thẳng đứng từ trên xuống (cắt ngang nét 2) đến đường kẻ 1 thì dừng lại.  - GV cho học sinh viết bảng con |
| *\* Viết số 5*  - Học sinh theo dõi và quan sát  - Viết theo hướng dẫn  - HS tập viết số 5 | - GV viết mẫu kết hợp hướng dẫn học sinh viết :  + Số 4 cao: 4 li (5 đường kẻ ngang). Gồm 3 nét. Nét 1: thẳng ngang, nét 2: thẳng đứng và nét 3: cong phải.  + Cách viết:  Cách viết số 5  + Nét 1: Đặt bút trên đường kẻ 5 viết nét thẳng ngang (trùng đường kẻ 5) bằng một nửa chiều cao thì dừng lại.  + Nét 2: Từ điểm dừng bút của nét 1, lia bút trở lại điểm đặt bút của nét 1, viết nét thẳng đứng đến đường kẻ 3 thì dừng lại.  + Nét 3: Từ điểm dừng bút của nét 2 chuyển hướng bút viết nét cong phải đến đường kẻ 2 thì dừng lại.  - GV cho học sinh viết bảng con |
| *\* Viết số 6*  - Học sinh theo dõi và quan sát  - Viết theo hướng dẫn  - HS tập viết số 6 | - GV viết mẫu kết hợp hướng dẫn học sinh viết :  + Số 6 cao 4 li. Gồm 1 nét. Nét viết chữ số 6 là kết hợp của 2 nét cơ bản: cong trên và cong kín.  + Cách viết:  Đặt bút trên đường kẻ 4, viết nét cong trên (từ phải sang trái), đến đường kẻ 2 thì viết tiếp nét cong kín. Khi chạm vào nét cong thì dừng lại.  - GV cho học sinh viết bảng con |
| - HS viết cá nhân  - HS lắng nghe | - GV cho học sinh viết các số 4, 5, 6  \* GV đưa ra một số trường hợp viết sai, viết ngược để nhắc nhở học sinh tránh những lỗi sai đó. |
| **C. Hoạt động thực hành luyện tập.** |  |
| **Bài 1. Số ?** |  |
| - 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu bài  - HS đếm số lượng mỗi loại quả có trong bài rồi đọc số tương ứng.  - HS thay nhau chỉ vào từng hình nói :  + 5 quả cà. Đặt thẻ số 5  + 4 quả dưa. Đặt thẻ số 4  + 6 củ cà rốt. Đặt thẻ số 6 | - GV nêu yêu cầu bài tập  - GV cho học sinh làm việc cá nhân  - GV cho học sinh làm việc nhóm đôi trao đổi với bạn về số lượng.  - GV theo dõi, giúp đỡ các nhóm |
| **Bài 2. Lấy hình phù hợp (theo mẫu)** |  |
| + Có 3 ô vuông  + Ghi số 3  - HS làm các phần còn lại theo hướng dẫn của giáo viên lấy | - GV hướng dẫn HS làm mẫu  + Quan sát hình đầu tiên có mấy ô vuông?  + 3 ô vuông ghi số mấy?  - GV cho học sinh làm phần còn lại qua các thao tác:  + Đọc số ghi dưới mỗi hình, xác định số lượng ô vuông cần lấy cho đúng với yêu cầu của bài.  + Lấy số ô vuông cho đủ số lượng, đếm kiểm tra lại  + Chia sẻ sản phẩm với bạn, nói cho bạn nghe kết quả. |
| **Bài 3. Số ?** |  |
| - 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu  - HS đếm các khối lập phương rồi đọc số tương ứng.  - HS thi đếm từ 1 đến 6 và đếm từ 6 đến 1 | - GV nêu yêu cầu bài tập  - GV cho học sinh làm bài cá nhân  - GV tổ chức cho học sinh thi đếm 1-6 và 6-1  - GV cùng HS nhận xét tuyên dương |
| **D. Hoạt động vận dụng** |  |
| **Bài 4. Số ?** |  |
| - 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu  - HS quan sát tranh suy nghĩ, nói cho bạn nghe số lượng của quyển sách, cái kéo, bút chì, tẩy có trong hình.  - Các nhóm lần lượt lên chia sẻ  + Có 4 cái nồi  + Có 5 cái ly  + Có 6 quả thanh long  + Có 4 cái đĩa | - GV nêu yêu cầu bài tập  - GV cho học sinh làm việc nhóm đôi  - GV cho các nhóm lên chia sẻ trước lớp  - GV cùng học sinh nhận xét |
| **E. Củng cố, dặn dò** |  |
| - HS trả lời  - Hs trả lời | - Bài học hôm nay chúng ta biết thêm được điều gì?  - Từ ngữ toán học nào em cần chú ý. |

**TOÁN**

**CÁC SỐ 7, 8, 9**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Yêu cầu cần đạt:**

- Biết cách đếm các nhóm đồ vật có số lượng đến 9. Thông qua đó, HS nhận biết được số lượng, hình thành biểu tượng về các số 7, 8, 9

- Đọc, viết được các số 7, 8, 9.

- Lập được các nhóm đồ vật có số lượng 7, 8, 9.

**2. Phẩm chất:**

- Học sinh tích cực, hứng thú, chăm chỉ thực hiện các yêu cầu của giáo viên nêu ra.

**3. Năng lực:**

- Học sinh phát triển năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy và lập luận toán học thông qua hoạt động quan sát tranh, đếm số lượng, nêu số tương ứng….

- Học sinh phát triển năng lực giao tiếp toán học thông qua việc đếm, sử dụng các số để biểu thị số lượng, trao đổi với bạn về số lượng của sự vật trong tranh.

**II. CHUẨN BỊ:**

**- Tranh tình huống**

**- Một số que tính, chấm tròn, hình tam giác; thẻ số từ 1 đến 9 trong bộ đồ dùng Toán 1.**

- Vở, SGK

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| **A. Hoạt động khởi động.** |  |
| - HS làm việc nhóm đôi: cùng quan sát và chia sẻ trong nhóm :  + 7 cái trống  + 8 máy bay  + 9 ô tô  - Các nhóm lần lượt lên chia sẻ | - GV cho HS quan sát tranh khởi động trang 10 SGK và làm việc nhóm đôi về số lượng các sự vật trong tranh.  - GV theo dõi, giúp đỡ học sinh  - GV gọi một vài cặp lên chia sẻ trước lớp  - Giáo viên nhận xét chung |
| **B. Hoạt động hình thành kiến thức.** |  |
| ***1. Hình thành các số 7, 8, 9.***  ***\* Quan sát***  - HS đếm số con mèo và số chấm tròn | - GV yêu cầu HS đếm số con vật và số chấm tròn ở dòng thứ nhất của khung kiến thức. |
| - Có 7 cái trống, 7 chấm tròn  - Ta có số 7.  - HS quan sát, một vài học sinh nhắc lại | - Có mấy cái trống? Mấy chấm tròn?  - Vậy ta có số mấy?  - GV giới thiệu số 7 |
| - Có 8 máy bay, 8 chấm tròn  - Ta có số 8.  - HS quan sát, một vài học sinh nhắc lại | - Có mấy máy bay? Mấy chấm tròn?  - Vậy ta có số mấy?  - GV giới thiệu số 8. |
| - Có 9 ô tô, 9 chấm tròn  - Ta có số 9.  - HS quan sát, một vài học sinh nhắc lại | - Có mấy ô tô? Mấy chấm tròn?  - Vậy ta có số mấy?  - GV giới thiệu số 9. |
| ***\* Nhận biết số 7, 8, 9.*** |  |
| - HS làm việc cá nhân lấy 7 que tính rồi đếm : 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7. | - GV yêu cầu học sinh lấy ra 7 que tính rồi đếm số que tính lấy ra. |
| - HS làm việc cá nhân lấy 8 que tính rồi đếm : 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8. | - GV yêu cầu học sinh lấy ra 8 que tính rồi đếm số que tính lấy ra. |
| - HS làm việc cá nhân lấy 9 que tính rồi đếm : 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9. | - GV yêu cầu học sinh lấy ra 9 que tính rồi đếm số que tính lấy ra. |
| - HS làm việc cá nhân : nghe tiếng vỗ tay lấy thẻ có ghi số 7 | - Giáo viên vỗ tay 7 cái yêu cầu học sinh lấy thẻ có ghi số tương ứng với tiếng vỗ tay |
| - HS làm việc cá nhân : nghe tiếng vỗ tay lấy thẻ có ghi số 8. | - Giáo viên vỗ tay 8 cái yêu cầu học sinh lấy thẻ có ghi số tương ứng với tiếng vỗ tay |
| - HS làm việc cá nhân : nghe tiếng vỗ tay lấy thẻ có ghi số 9. | - Giáo viên vỗ tay 9 cái yêu cầu học sinh lấy thẻ có ghi số tương ứng với tiếng vỗ tay |
| ***2. Viết các số 7, 8, 9.*** |  |
| *\* Viết số 7*  - Học sinh theo dõi và quan sát  - Viết theo hướng dẫn  - HS tập viết số 7 | - GV viết mẫu kết hợp hướng dẫn học sinh viết :  + Số 7 cao: 4 li ( 5 đường kẻ ngang). Gồm 3 nét. Nét 1: thẳng ngang, nét 2: thẳng xiên và nét 3: thẳng ngang (ngắn).  + Cách viết:  + Nét 1: Đặt bút trên đường kẻ 5 viết nét thẳng ngang (trùng đường kẻ 5) bằng một nửa chiều cao thì dừng lại.  + Nét 2: Từ điểm dừng bút của nét 1, chuyển hướng bút viết nét thẳng xiên (từ trên xuống dưới, từ phải sang trái) đến đường kẻ 1 thì dừng lại.  + Nét 3: Từ điểm dừng bút của nét 2, lia bút lên khoảng giữa, viết nét thẳng ngang ngắn trên đường kẻ 3 (cắt ngang nét 2).  - GV cho học sinh viết bảng con  - GV viết mẫu kết hợp hướng dẫn học sinh viết :  + Số 4 cao: 4 li (5 đường kẻ ngang). Gồm 2 nét. Nét 1: cong kín, nét 2: cong dưới.  + Cách viết:  + Nét 1: Đặt bút trên đường kẻ 5  một chút, viết nét cong kín (từ phải sang trái). Khi chạm vào điểm xuất phát thì dừng lại.  + Nét 2: Từ điểm dừng bút của nét 1, rê bút trở xuống viết nét cong dưới đến đường kẻ 2 thì dừng lại.  - GV cho học sinh viết bảng con  - GV viết mẫu kết hợp hướng dẫn học sinh viết :  + Số 6 cao 4 li. Gồm 2 nét. Nét 1: cong kín, nét 2: cong dưới.  + Cách viết:  + Nét 1: Đặt bút trên đường kẻ 5 một chút, viết nét cong kín (từ phải sang trái). Khi chạm vào điểm xuất phát thì dừng lại.  + Nét 2: Từ điểm dừng bút của nét 1, rê bút trở xuống viết nét cong dưới, đến đường kẻ 2 thì dừng lại.  - GV cho học sinh viết bảng con  - GV cho học sinh viết các số 7, 8, 9.  \* GV đưa ra một số trường hợp viết sai, viết ngược để nhắc nhở học sinh tránh những lỗi sai đó.  - GV nêu yêu cầu bài tập  - GV cho học sinh làm việc cá nhân  - GV cho học sinh làm việc nhóm đôi trao đổi với bạn về số lượng.  - GV theo dõi, giúp đỡ các nhóm  - GV hướng dẫn HS làm mẫu  + Quan sát hình đầu tiên có mấy tam giác?  + 4 tam giác ghi số mấy?  - GV cho học sinh làm phần còn lại qua các thao tác:  + Đọc số ghi dưới mỗi hình, xác định số lượng tam giác cần lấy cho đúng với yêu cầu của bài.  + Lấy số tam giác cho đủ số lượng, đếm kiểm tra lại  + Chia sẻ sản phẩm với bạn, nói cho bạn nghe kết quả.  - GV nêu yêu cầu bài tập  - GV cho học sinh làm bài cá nhân  - GV tổ chức cho học sinh thi đếm 1-9 và 9-1  - GV cùng HS nhận xét tuyên dương  **D. Hoạt động vận dụng**  **Bài 4. Số ?**  - GV nêu yêu cầu bài tập  - GV cho học sinh làm việc nhóm đôi  - GV cho các nhóm lên chia sẻ trước lớp  - GV cùng học sinh nhận xét  **E. Củng cố, dặn dò**  - Bài học hôm nay chúng ta biết thêm được điều gì?  - Từ ngữ toán học nào em cần chú ý. |
| *\* Viết số 8*  - Học sinh theo dõi và quan sát  - Viết theo hướng dẫn  *\* Viết số 9*  - HS tập viết số 8  - Học sinh theo dõi và quan sát  - Viết theo hướng dẫn  - HS tập viết số 9  - HS viết cá nhân  - HS lắng nghe  **C. Hoạt động thực hành luyện tập.**  **Bài 1. Số ?**  - 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu bài  - HS đếm số lượng mỗi loại đồ chơi có trong bài rồi đọc số tương ứng.  - HS thay nhau chỉ vào từng hình nói :  + 8 con gấu. Đặt thẻ số 8  + 7 đèn ông sao. Đặt thẻ số 7  + 9 ô tô. Đặt thẻ số 9  **Bài 2. Lấy hình phù hợp (theo mẫu)**  + Có 4 tam giác  + Ghi số 4  - HS làm các phần còn lại theo hướng dẫn của giáo viên lấy  **Bài 3. Số ?**  - 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu  - HS đếm các khối lập phương rồi đọc số tương ứng.  - HS thi đếm từ 1 đến 9 và đếm từ 9 đến 1  - 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu  - HS quan sát tranh suy nghĩ, nói cho bạn nghe số lượng của quyển sách, cái kéo, bút chì, tẩy có trong hình.  - Các nhóm lần lượt lên chia sẻ  + Có 8 hộp quà  + Có 9 quả bóng  + Có 7 quyển sách  - HS trả lời  - Hs trả lời |

**TOÁN**

**SỐ 0**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Yêu cầu cần đạt:**

- Bước đầu hiểu ý nghĩa của số 0.

- Đọc, viết số 0.

- Nhận biết vị trí số 0 trong dãy các số từ 0 – 9.

**2. Phẩm chất:**

- Học sinh tích cực, hứng thú, chăm chỉ thực hiện các yêu cầu của giáo viên nêu ra.

**3. Năng lực:**

- Thông qua các hoạt động quan sát tranh, đếm số lượng, nhận biết số 0 trong các tình huống thực tiễn, học sinh có cơ hội được phát triển năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy và lập luận toán học.

**-** Thông qua việc sử dụng số 0 để biểu thị số lượng, trao đổi chia sẻ với bạn các ví dụ về số 0 trong thực tiễn, học sinh có cơ hội được phát triển năng lực mô hình hóa toán học, năng lực giao tiếp toán học.

**II. CHUẨN BỊ:**

**- Tranh tình huống, các thẻ số từ 0 – 9.**

- Vở, SGK

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| **A. Hoạt động khởi động.** |  |
| - HS quan sát tranh trên màn hình.  - HS đếm số cá trong xô của mỗi bạn mèo và nói số cá của mỗi bạn:  + Bạn mèo thứ nhất có 3 con cá.  + Bạn mèo thứ hai có 2 con cá.  + Bạn mèo thứ ba có 1 con cá.  + Bạn mèo thứ tư có không có con cá nào. | - Giáo viên trình chiếu tranh khởi động SGK Toán 1 trang 16.  - Yêu cầu học sinh làm việc nhóm đôi: nói cho bạn nghe bức tranh vẽ gì.  - Giáo viên theo dõi, giúp đỡ các nhóm |
| **B. Hoạt động hình thành kiến thức.** |  |
| **1. Hình thành số 0.** |  |
| **\* Quan sát khung kiến thức.** |  |
| - HS đếm và trả lời :  + Xô màu xanh nước biển có 3 con cá. Ta có số 3.  + Xô màu hồng có 2 con cá. Ta có số 2.  + Xô màu xanh lá cây có 1 con cá. Ta có số 1.  + Xô màu cam không có con cá nào. Ta có số 0.  - HS lần lượt lấy các tấm thẻ số 3, 2, 1, 0 | - GV yêu cầu HS đếm số cá trong mỗi xô và đọc số tương ứng.  - GV yêu cầu học sinh lần lượt lấy ra các thẻ tương ứng với số cá của mỗi bạn mèo. |
| **\* Quan sát thêm một số tình huống xuất hiện số 0.**  - HS quan sát. | - GV trình chiếu hình ảnh 2 đĩa táo. |
| - Đĩa thứ nhất có 3 quả táo, đĩa thứ hai không có quả nào.  - Ta có số 3 và số 0. | - Mỗi đĩa có mấy quả táo?  - Vậy ta có các số nào? |
| - HS xác định số 5 và số 0 | - GV làm tương tự với chiếc lọ có 5 cái kẹo, một chiếc không có cái kẹo nào. |
| - Lắng nghe.  - HS chơi thử 1 lần  - HS chơi trò chơi trong 3 phút. | \* Trò chơi: Tập tầm vông, tay không tay có.  - GV giới thiệu trò chơi: Chủ trò dùng một vật nhỏ lén bỏ vào lòng một bàn tay rồi nắm lại và khoanh tay tròn trước ngực. Chủ trò vừa quay vừa đọc: “Tập tầm vông, tay không tay có.Tập tầm vó, tay có tay không. Tay nào có, tay nào không? Tay nào không, tay nào có? Hết câi ai đoán đúng sẽ được thưởng.  - GV cho học sinh chơi thử.  - GV cho HS chơi theo nhóm đôi. |
| **2. Viết số 0**  - Học sinh theo dõi và quan sát  - Viết theo hướng dẫn  - HS tập viết số 0 | - GV viết mẫu kết hợp hướng dẫn học sinh viết :  + Số 0 cao 4 li ( 5 đường kẻ ngang). Gồm 1 nét. Nét viết chữ số 0 là nét cong kín (chiều cao gấp đôi chiều rộng).  + Cách viết số 0:  Đặt bút phía dưới đường kẻ 5 một chút, viết nét cong kín (từ phải sang trái). Dừng bút ở điểm xuất phát.  Chú ý: Nét cong kín có chiều cao gấp đôi chiều rộng.  - GV cho học sinh viết bảng con |
|  | - GV nhận xét. |
| **C. Hoạt động thực hành luyện tập.** |  |
| **Bài 1. a) Mỗi rổ có mấy con?**  **b)Mỗi hộp có mấy chiếc bút?** |  |
| - 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu bài  - HS đếm số con chó bông có trong mỗi rổ đọc số tương ứng cho bạn :  a) 2, 1, 3, 0 con.  b) 5, 4, 0, 2 cái bút chì.  - Đại diện một vài nhóm lên chia sẻ.  - HS đánh giá sự chia sẻ của các nhóm. | - GV nêu yêu cầu bài tập  - GV cho học sinh làm việc nhóm đôi.  - Gọi HS lên chia sẻ trước lớp. |
| **Bài 2. Số ?** |  |
| - 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu  - HS tìm quy luật rồi điền các số còn thiếu vào ô trống.  - HS thi đếm từ 0 đến 9 và đếm từ 9 đến 0. | - GV nêu yêu cầu bài tập  - GV cho học sinh làm bài cá nhân  - GV tổ chức cho học sinh thi đếm 0-9 và 9-0.  - GV cùng HS nhận xét tuyên dương |
| **D. Hoạt động vận dụng** |  |
| **Bài 3. Tìm số 0 trên mỗi đồ vật sau.** |  |
| - 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu  - HS tìm số 0 ở các đồ vật trong bài 3 rồi nói cho bạn nghe rồi đổi vai.  - HS kể :số 0 trên quạt điện, số 0 trên máy tính, số 0 trong bộ đồ dùng học toán.  - Biểu diễn không có gì ở đó | - GV nêu yêu cầu bài tập  - GV cho học sinh làm bài theo cặp.  - GV yêu cầu học sinh kể tên các đồ vật có số 0 mà em biết xung quanh mình.  - Người ta dùng số 0 trong các tình huống trên để biểu diễn điều gì?  - GV cùng HS nhận xét. |
| **E. Củng cố, dặn dò** |  |
| - Trả lời  - Trả lời  - Trả lời  - Trả lời | - Bài học hôm nay, em biết thêm điều gì?  - Từ ngữ toán học nào em cần chú ý?  - Số 0 giống hình gì?  - Về nhà em cùng người thân tìm thêm các ví dụ có số 0 trong cuộc sống để hôm sau chia sẻ với các bạn. |

**TUẦN 3**

**TOÁN**

**SỐ 10**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Yêu cầu cần đạt:**

- Biết cách đếm các đồ vật có số lượng đến 10. Thông qua đó, HS nhận biết được số lượng, hình thành biểu tượng về số 10.

- Đọc, viết số 10.

- Nhận biết vị trí số 0 trong dãy các số từ 0 – 10.

**2. Phẩm chất:**

- Học sinh tích cực, hứng thú, chăm chỉ thực hiện các yêu cầu của giáo viên nêu ra.

**3. Năng lực:**

- Thông qua các hoạt động quan sát tranh, đếm số lượng, nhận biết số 10 trong các tình huống thực tiễn, học sinh có cơ hội được phát triển năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy và lập luận toán học.

**-** Thông qua việc sử dụng số 10 để biểu thị số lượng, trao đổi chia sẻ với bạn các ví dụ về số 0 trong thực tiễn, học sinh có cơ hội được phát triển năng lực mô hình hóa toán học, năng lực giao tiếp toán học.

**II. CHUẨN BỊ:**

**- Tranh tình huống.**

**- Một số chấm tròn, que tính, hình tam giác trong bộ đồ dùng Toán 1.**

- Vở, SGK

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| **A. Hoạt động khởi động.** |  |
| - HS quan sát tranh trên màn hình.  - HS đếm số quả mỗi loại rồi trao đổi với bạn:  + Có 5 quả xoài  + Có 6 quả cam  + Có 8 quả na  + Có 9 quả lê | - Giáo viên trình chiếu tranh khởi động SGK Toán 1 trang 18.  - Yêu cầu học sinh làm việc nhóm đôi: nói cho bạn nghe bức tranh vẽ gì.  - Giáo viên theo dõi, giúp đỡ các nhóm. |
| **B. Hoạt động hình thành kiến thức.** |  |
| **1. Hình thành số 10.** |  |
| **\* Quan sát khung kiến thức.** |  |
| - HS đếm và trả lời :  + Có 10 quả táo, có 10 chấm tròn. Số 10.  + Xô màu hồng có 2 con cá. Ta có số 2.  - HS lấy thẻ số trong bộ đồ dùng gài số 10.  - HS lấy nhóm đồ vật số lượng là 10 (que tính, chấm tròn) rồi đếm.  - HS ở dưới theo dõi và nhận xét.  **2. Viết số 10** | - GV yêu cầu HS đếm số quả táo và số chấm tròn.  - GV yêu cầu học sinh lần lượt lấy ra các thẻ tương ứng với số 10.  - GV yêu cầu HS lấy 10 đồ vật bất kì trong bộ đồ dùng toán rồi đếm.  - Y/C HS lên bảng đếm |
| - Học sinh theo dõi và quan sát  + Gồm có 2 chữ số.  + Chữ số 1 và chữ số 0  + Chữ số 1 đứng trước, chữ số 0 đứng sau.  + Vài HS lên chia sẻ cách viết  - HS tập viết số 0 | - GV viết mẫu kết hợp hướng dẫn học sinh viết số 10:  + Số 10 gồm có mấy chữ số? Là các chữ số nào?  + Số 10 gồm có các chữ số nào?  + Chữ số nào đứng trước, chữ số nào đứng sau?  + GV yêu cầu HS nêu lại quy trình viết chữ số 1 và chữ số 0.  - GV cho học sinh viết bảng con |
|  | - GV nhận xét, sửa cho HS. |
| **C. Hoạt động thực hành luyện tập.** |  |
| **Bài 1. a. Số ?** |  |
| - 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu bài  - HS đếm số quả có trong mỗi hình đọc số tương ứng cho bạn :  + 8 quả na  + 9 quả lê  + 10 quả măng cụt  - Đại diện một vài nhóm lên chia sẻ.  - HS đánh giá sự chia sẻ của các nhóm. | - GV nêu yêu cầu bài tập  - GV cho học sinh làm việc nhóm đôi.  - Gọi HS lên chia sẻ trước lớp. |
| **b. Chọn số thích hợp:**  - 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu bài  - HS đếm số quả có trong mỗi hình rồi chọn số thích hợp có trong ô:  + 6 quả cam  + 8 quả chuối  + 10 quả xoài  - 3 HS lên chia sẻ trước lớp | - GV nêu yêu cầu bài tập  - GV cho học sinh làm việc cá nhân  - Gọi HS lên chia sẻ trước lớp.  - GV cùng học sinh nhận xét phần chia sẻ của bạn. |
| **Bài 2. Lấy số hình phù hợp (theo mẫu)** |  |
| - 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu.  + Là số 8  + Lấy 8 ô vuông nhỏ trong bộ đồ dùng bỏ vào trong khung hình  - HS lần lượt lấy 9 rồi 10 ô vuông nhỏ bỏ vào trong từng khung hình.  - HS báo cáo kết quả làm việc. | - GV nêu yêu cầu bài tập  - GV hướng dẫn HS làm mẫu:  + Bên dưới ô đầu tiên là số mẫy?  + Tiếp theo ta phải làm gì?  - GV cho học sinh làm bài cá nhân  - GV cho HS lần lượt lên chia sẻ kết quả  - GV cùng HS nhận xét tuyên dương |
| **Bài 3. Số ?** |  |
| - 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu  - HS tìm quy luật rồi điền các số còn thiếu vào ô trống.  - HS thi đếm từ 0 đến 10 và đếm từ 10 đến 0. | - GV nêu yêu cầu bài tập  - GV cho học sinh làm bài cá nhân  - GV tổ chức cho học sinh thi đếm 0-10 và 10-0.  - GV cùng HS nhận xét tuyên dương |
| **D. Hoạt động vận dụng** |  |
| **Bài 4. Đếm và chỉ ra 10 bông hoa mỗi loại.** |  |
| - 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu  - HS dếm đủ 10 bông hoa mỗi loại rồi chia sẻ với bạn cách đếm.  - HS kể | - GV nêu yêu cầu bài tập  - GV cho học sinh làm bài theo cặp.  - GV yêu cầu học sinh kể tên các 10 đồ vật có xung quanh mình.  - GV cùng HS nhận xét. |
| **E. Củng cố, dặn dò**  - Trả lời  - Trả lời   * Lắng nghe |  |
| - Bài học hôm nay, em biết thêm điều gì?  - Từ ngữ toán học nào em cần chú ý?  - Về nhà em cùng người thân tìm thêm các ví dụ có số 10 trong cuộc sống để hôm sau chia sẻ với các bạn. |

**TOÁN**

**LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Yêu cầu cần đạt:**

- Nhận biết được số lượng trong phạm vi 10. Biết đọc, viết các số trong phạm vi 10, thứ tự vị trí của mỗi số trong dãy số từ 0 – 10.

- Lập được các nhóm có đến 10 đồ vật.

- Nhận dạng và gọi đúng tên hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật.

**2. Phẩm chất:**

- Học sinh tích cực, hứng thú, chăm chỉ thực hiện các yêu cầu của giáo viên nêu ra.

**3. Năng lực:**

- Thông qua các hoạt động: đếm số lượng nêu số tương ứng hoặc với mỗi số lấy tương ứng số lượng đồ vật. Học sinh có cơ hội được phát triển năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học.

**-** Thông qua việc tìm quy luật xếp hình đơn giản, liên hệ thực tế tìm những con vật có 2 chân, 4 chân,… Học sinh có cơ hội được phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học.

**II. CHUẨN BỊ:**

**- Bộ đồ dùng Toán 1**

- Vở, SGK

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| **A. Hoạt động khởi động.** |  |
| ***\* Trò chơi : Tôi cần, tôi cần.***  - HS nghe hướng dẫn chơi  - HS chơi thử.  - HS chơi | - Giáo viên hướng dẫn cách chơi: chọn 2-3 đội chơi, mỗi đội 3-5 người chơi. Quản trò nêu yêu cầu. Chẳng hạn: “Tôi cần 3 cái bút chì”. Nhóm nào lấy đủ 3 chiếc bút chì nhanh nhất được 2 điểm. Nhóm nào được 10 điểm trước sẽ thắng cuộc.  - GV cho học sinh chơi thử.  - GV cho học sinh chơi |
| **B. Hoạt động thực hành luyện tập.** |  |
| **Bài 1. Mỗi chậu có mấy bông hoa?** |  |
| - 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu bài  - HS đếm số bông hoa và trả lời  + Chậu hoa mầu hồng có 10 bông hoa.  + Chậu hoa mầu xanh có 9 bông hoa.  + Chậu hoa mầu vàng không có bông hoa nào.  - Một vài HS lên chia sẻ.  - HS đánh giá sự chia sẻ của các bạn. | - GV nêu yêu cầu bài tập  - GV cho học sinh làm việc cá nhân.  - Gọi HS lên chia sẻ trước lớp. |
| **Bài 2. Trò chơi “Lấy cho đủ số hình”** |  |
| - 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu.  - Lắng nghe  - HS chơi trong vòng 5 phút  - HS báo cáo kết quả làm việc. | - GV nêu yêu cầu bài tập  - GV hướng dẫn HS cách chơi: Chia lớp thành các nhóm 4. 2 bạn lấy ra 2 số trong phạm vi 10, 2 bạn còn lại lấy ra số đồ vật tương ứng có trong bộ đồ dùng học toán.  Sau đó đổi vai. Bạn nào làm nhanh và đúng bạn đó chiến thắng.  - GV cho học sinh chơi theo nhóm bốn  - GV cho HS lần lượt lên chia sẻ kết quả  - GV cùng HS nhận xét tuyên dương |
| **Bài 3. Số ?** |  |
| - 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu  - HS tìm quy luật rồi điền các số còn thiếu vào ô trống.  - HS đọc | - GV nêu yêu cầu bài tập  - GV cho học sinh làm bài cá nhân  - GV tổ chức cho học sinh đọc các số trong bài  - GV cùng HS nhận xét tuyên dương |
| **C. Hoạt động vận dụng** |  |
| **Bài 4. Đếm số chân của mỗi con vật sau.** |  |
| - 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu  - HS lắng nghe    - HS quan sát và kể số chân con vật được chỉ định | - GV nêu yêu cầu bài tập  - GV cho học sinh chơi trò chơi: Đố bạn  - GV phổ biến luật chơi: Một bạn lên chỉ vào hình các con vật chỉ định 1 bạn bất kì nói số chân của con vật đó.  - GV cho HS chơi thử  - GV cho HS chơi  - GV cùng HS nhận xét. |
| **Bài 3. Tìm hình phù hợp.** |  |
| - 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu  - HS tìm quy luật rồi xác định hình phù họp vào ô trống.  - HS nêu kết quả a. Tam giác màu đỏ  b. hình chữ nhật màu xanh, hình chữ nhật màu vàng | - GV nêu yêu cầu bài tập  - GV cho học sinh làm bài cá nhân  - GV tổ chức cho học sinh lên báo cáo kết quả  - GV cùng HS nhận xét tuyên dương |
| **D. Củng cố, dặn dò** |  |
| - Trả lời  - Trả lời   * Lắng nghe | - Bài học hôm nay, em biết thêm điều gì?  - Từ ngữ toán học nào em cần chú ý?  - Về nhà em cùng người thân tìm thêm các ví dụ có số 10 trong cuộc sống để hôm sau chia sẻ với các bạn. |

**TOÁN**

**NHIỀU HƠN, ÍT HƠN, BẰNG NHAU**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Yêu cầu cần đạt:**

- Biết so sánh số lượng của hai nhóm đồ vật.

- Biết sử dụng từ *nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau* khi so sánh về số lượng.

**2. Phẩm chất:**

- Học sinh tích cực, hứng thú, chăm chỉ thực hiện các yêu cầu của giáo viên nêu ra.

**3. Năng lực:**

- Thông qua việc đặt tương ứng 1 – 1 để so sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng, học sinh có cơ hội được phát triển năng lực mô hình hóa, năng lực tư duy và lập luận toán học.

**-** Thông qua việc quan sát tranh tình huống, trao đổi, nhận xét chia sẻ ý kiến, sử dụng các từ *nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau* để mô tả, diễn đạt so sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng, học sinh có cơ hội được phát triển năng lực giao tiếp toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Giáo viên:**

**- Các thẻ bìa : cái cốc, 6 cái đĩa, 5 cái thìa, 6 cái bát; thẻ đúng, thẻ sai**

**- Một số tình huống đơn giản lên quan đến *nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau.***

**2. Học sinh:**

- Vở, SGK

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| **A. Hoạt động khởi động.** |  |
| - HS quan sát  - HS trao đổi những điều quan sát được:  + 6 bạn gấu đang ngồi ở bàn ăn.  + Trên bàn có 6 cái bát, 7 cái cốc,…  - HS trao đổi | - Giáo viên trình chiếu tranh khởi động ở trang 22 SGK .  - Yêu cầu học sinh trao đổi cặp đôi những điều mình quan sát được từ bức tranh.  - Yêu cầu học sinh nhận xét về số bạn gấu so với số bát, số cốc hay số thìa có trên bàn.  - GV theo dõi giúp đỡ các nhóm. Khuyến khích học sinh trao đổi theo ý hiều và ngôn ngữ của mình. |
| **B. Hoạt động hình thành kiến thức.** |  |
| - HS quan sát  - HS thực hiện lấy 6 thẻ bát và 7 thẻ cốc để lên bàn.  - HS trao đổi theo cặp : Số cốc nhiều hơn số bát.  + HS vẽ theo  - Thừa ra 1 cái  - HS nhắc lại | \* GV treo tranh lên bảng.  - GV gắn lên bảng và yêu cầu học sinh lấy thẻ bát và thẻ cốc tương ứng để lên bàn.  - Yêu cầu học sinh trao đổi cặp đôi nói cho nhau nghe số bát nhiều hơn số cốc hay số cốc nhiều hơn số bát?  - GV hướng dẫn HS cách xác định số cốc nhiều hơn số bát.  + Vẽ đường nối tương ứng thẻ bát và cốc.  + Ta thấy số cốc thừa ra mấy cái?  + Chứng tỏ số cốc đã ***nhiều hơn*** số bát hay số bát ***ít hơn*** số cốc. |
| - Theo dõi.  - HS theo tác lấy thẻ  - HS vẽ đường nối so sánh và đưa ra kết luận.  - Số bát đã ***nhiều hơn*** số thìa hay số thìa ***ít hơn*** số bát. | \* GV treo tranh lên bảng.  - GV gắn lên bảng và yêu cầu học sinh lấy thẻ bát và thẻ thìa tương ứng để lên bàn.rồi so sánh số lượng 2 loại.  - GV cho HS làm việc theo cặp so sánh như lần trước.  - Yêu cầu các nhóm báo cáo kết quả |
| - Theo dõi  - HS theo tác lấy thẻ  - HS vẽ đường nối so sánh và đưa ra kết luận.  - Số bát đã ***bằng*** số thìa hay số thìa và số bát bằng nhau. | \* GV treo tranh lên bảng.  - GV gắn lên bảng và yêu cầu học sinh lấy thẻ bát và thẻ đĩa tương ứng để lên bàn.rồi so sánh số lượng 2 loại  - GV cho HS làm việc theo cặp so sánh như 2 lần trước.  - Yêu cầu các nhóm báo cáo kết quả |
| - HS (cá nhân- cả lớp) nhắc lại | - GV Y/C HS nhắc lại : ***nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau.*** |
| **C. Hoạt động thực hành luyện tập.** |  |
| **Bài 1. Dùng các từ nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau để nói về hình vẽ sau.**  - 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu  - HS quan sát  + Vẽ cốc, thìa và đĩa.  - So sánh thìa-cốc; thìa-đĩa; đĩa-cốc  + HS lấy và so sánh số thìa với với số cốc và kết luận.    + Số thìa nhiều hơn số cốc.  - HS làm việc  - Đại diện các cặp lên trình bày:  + Số thìa nhiều hơn số cốc  Hay số cốc ít hơn số thìa  + Số đĩa nhiều hơn số cốc  Hay số cốc ít hơn số đĩa  + Số thìa và số đĩa bằng nhau.  - HS nhận xét bạn  - HS (cá nhân-tổ) đọc | - GV nêu yêu cầu bài tập  - GV cho HS quan sát hình vẽ.  + Trong hình vẽ những gì?  + Để thực hiện yêu cầu của bài toán thì trước hết ta phải làm gì?  + Bây giờ chúng ta làm việc theo cặp hãy dùng thẻ đĩa, thìa, cốc để so sánh số thìa với với số cốc trong bài 1.  + Gọi HS báo cáo  - GV cho HS làm bài  - Gọi HS báo cáo kết quả bài 1.  - GV cùng HS khác nhận xét  - GV Y/C cả lớp đọc lại kết quả |
| **Bài 2.Cây bên nào nhiều quả hơn**  - 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu  - HS làm bài vào vở BT.  - Vài HS lên bảng chia sẻ kết quả và cách là. Chẳng hạn:  + Cây bên trái nhiều quả hơn. Cách làm là em dùng bút chì nối từng quả của 2 bên với nhau thấy cây bên trái thừa ra 1 quả. Nên cây bên trái nhiều quả hơn.  - HS nhận xét bạn.  - HS (cá nhân-tổ) nhắc lại kết quả | - GV nêu yêu cầu bài tập  - GV yêu cầu HS làm bài cá nhân  - Mời HS lên chia sẻ kết quả bài làm.  - GV và HS nhận xét  - GV cho HS nhắc lại kết quả bài làm |
| **D. Hoạt động vận dụng** |  |
| **Bài 3.Xem tranh rồi kiểm tra câu nào đúng, câu nào sai.**  - 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu  - Tranh vẽ : 5 bạn nhỏ, 5 cái xẻng và 5 cái xô đựng nước.  - HS lắng nghe + Quan sát rồi giơ thẻ:  a) S  b) S  c) Đ | - GV nêu yêu cầu bài tập  - Em cho biết bức tranh vẽ gì?  - GV đọc từng câu và Y/C HS giơ thẻ đúng/sai.  a) Số xô nhiều hơn số xẻng  b) Số xẻng ít hơn số người  c) Số người và số xô bằng nhau. |
| - HS giải thích cách làm. | - GV Y/C HS giải thích lí do chọn đúng hoặc sai. |
| - HS làm việc theo cặp.  - Đại diện các cặp lên chia sẻ  - HS khác nhận xét | - GV khuyến khích HS quan sát tranh và đặt câu hỏi liên quan đến bức tranh sử dụng các từ *nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau*.  - Gọi HS lên chia sẻ.  - GV cùng HS nhận xét |
| **E. Củng cố, dặn dò** |  |
| - Trả lời  - Trả lời   * Lắng nghe | - Bài học hôm nay, em biết thêm điều gì?  - Từ ngữ toán học nào em cần chú ý?  - Về nhà em cùng người thân tìm thêm các tình huống thực tế liên quan đến sử dụng các từ : *nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau*. |

**TUẦN 4**

**TOÁN**

**LỚN HƠN, DẤU >BÉ HƠN, DẤU <BẰNG NHAU, DẤU = ( TIẾT 1)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Yêu cầu cần đạt:**

- Biết so sánh số lượng; biết sử dụng các từ *(lớn hơn, bé hơn, bằng nhau)* và  
các dấu (>, <, =) để so sánh các số.

- Thực hành sử dụng các dấu (>, <, =) để so sánh các số trong phạm vi 5.

**2. Phẩm chất:**

- Học sinh tích cực, hứng thú, chăm chỉ thực hiện các yêu cầu của giáo viên nêu ra.

**3. Năng lực:**

- Phát triển các NL toán học: NL tư duy và lập luận toán học, NL giao tiếp toán học.

học.

**II.CHUẨN BỊ:**

- Các thẻ số và các thẻ dấu.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| A.Hoạt động khởi động  - HS nhận xét về số quả bóng ở tay phải và số quả bóng ở tay trái của mỗi bạn. | HS xem tranh, chia sẻ theo cặp đôi những gì các em quan sát được từ bức tranh. Chẳng hạn: Bức tranh vẽ 3 bạn nhỏ đang chơi với các quả bóng, bạn thứ nhất tay phải cầm 4 quả bóng xanh, tay trái cầm 1 quả bóng đỏ, ... |
| B.Hoạt động hình thành kiến thức  1.Nhận biết quan hệ lớn hơn, dấu > | GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các thao tác sau: |
|  | Quan sát hình vẽ thứ nhất và nhận xét: “Bên trái có 4 quả bóng. Bên phải có 1 quả bóng, số bóng bên trái *nhiều hơn* số bóng bên phải”. |
| - HS lấy thẻ dấu > trong bộ đồ dùng, gài vào thanh gài 4 > 1, đọc “4 *lớn hơn* 1” | Nghe GV giới thiệu: “4 quả bóng nhiều hơn 1 quả bỏng”, ta nói: “4 *lớn hơn* 1”, viết 4 > 1. Dấu > đọc là “lớn hơn”. |
|  | - Thực hiện tương tự, GV gắn bên trái có 5 quả bóng, bên phải có 3 quả bóng. HS nhận xét: “5 quả bóng nhiều hơn 3 quả bóng”, ta nói: “5 *lớn hơn 3”,* viết 5 > 3.  - GV hướng dẫn HS quan sát hình vẽ thứ hai và nhận xét: “Bên trái có 2 quả bóng. Bên phải có 5 quả bóng, số bóng bên trái *ít hơn* số bóng bên phải. 2 quả bóng *ít hơn 5* quả bóng”, ta nói: “2 *bé hơn* 5”, viết 2 < 5. Dấu < đọc là “bé hơn”.  - GV hướng dần HS quan sát hình vẽ thứ ba và nhận xét: “Bên trái có 3 quả bóng. Bên phải có 3 quả bóng, số bóng bên trái và số bóng bên phải *bằng nhau”.*  Ta nói: “3 *bằng* 3”, viết 3 = 3. Dấu “=” đọc là “bằng”.  Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?  Từ ngữ toán học nào em cần chú ý? Kí hiệu toán học nào em cần nắm chắc? Để không nhầm lẫn khi sử dụng các kí hiệu đó em nhắn bạn điều gì? |
| 2.Nhận biết quan hệ bé hơn, dấu <  - HS lấy thẻ dấu < trong bộ đồ dùng, gài vào bảng gài 2 < 5, đọc “2 *bé hơn* 5”.  3.Nhận biết quan hệ bằng nhau, dấu =  - HS lấy thẻ dấu = trong bộ đồ dùng, gài vào bảng gài 3 = 3, đọc “3 *bằng 3”.*  **C. Củng cố, dặn dò**  - Trả lời     * Trả lời |

**TOÁN**

**LỚN HƠN, DẤU >BÉ HƠN, DẤU <BẰNG NHAU, DẤU = ( TIẾT 2)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Yêu cầu cần đạt:**

- Biết so sánh số lượng; biết sử dụng các từ *(lớn hơn, bé hơn, bằng nhau)* và  
các dấu (>, <, =) để so sánh các số.

- Thực hành sử dụng các dấu (>, <, =) để so sánh các số trong phạm vi 5.

**2. Phẩm chất:**

- Học sinh tích cực, hứng thú, chăm chỉ thực hiện các yêu cầu của giáo viên nêu ra.

**3. Năng lực:**

- Phát triển các NL toán học: NL tư duy và lập luận toán học, NL giao tiếp toán học.

học.

học.

**II.CHUẨN BỊ:**

- Các thẻ số và các thẻ dấu.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của GV** |
| **A. Hoạt động thực hành, luyện tập**  **Bài 1**  - HS quan sát  **Bài 2** | - HS quan sát hình vẽ thứ nhất, so sánh số lượng khối lập phương bên trái với số lượng khối lập phương bên phải bằng cách lập tương ứng một khối lập phương bên trái với một khối lập phương bên phải. Nhận xét: “3 khối lập phương nhiều hơn 1 khối lập phương”. Ta có: “3 lớn hơn 1 viết 3 > 1.  - Cho HS quan sát hình vẽ thứ nhất, lập tương ứng mỗi chiếc xẻng với một chiếc xô.  - Nhận xét: “Mỗi chiếc xẻng tương ứng với một chiếc xô, thừa ra một chiếc xô. Vậy số xẻng *ít hơn* số xô”. Ta có: “2 *bé hơn* 3”, viết 2 < 3.  - Khuyến khích HS diễn đạt bằng ngôn ngữ của các em sử dụng các từ ngữ: *nhiều hơn, ít hơn, lớn hơn, bé hơn, bằng nhau.*  a) HS tập viết các dấu (>, <, =) vào bảng con.  b) Cho HS suy nghĩ, tự so sánh hai số, sử dụng các dấu (>, <, =) và viết kết quả vào vở. Đổi vở cùng kiểm tra, đọc kết quả và chia sẻ với bạn cách làm.  - Cho HS quan sát tranh, nói cho bạn nghe bức tranh vẽ gì?  - HS nêu.  - Nhận việc.  - Lắng nghe |
| - HS thực hành so sánh số lượng khối lập phương ở các hình vẽ tiếp theo và viết kết quả vào vở theo thứ tự: 2 < 5; 4 = 4; 4 > 3.  Đổi vở cùng kiểm tra và chia sẻ với bạn cách làm.  - HS quan sát  - HS thực hiện tương tự với các hình vẽ tiếp theo rồi viết kết quả vào vở: 3 >2; 2 = 2.  **Bài 3**  - Đổi vở cùng kiểm tra và chia sẻ với bạn cách làm.  - HS thực hiện  - HS thực hiện  - HS chọn đồ vật có ghi số lớn hơn, rồi chia sẻ với bạn cách làm.  **B. Hoạt động vận dụng**  **Bài 4**  - Tìm các ví dụ xung quanh lớp học, trong gia đình về so sánh số lượng rồi chia sẻ với các bạn.  **C. Củng cố, dặn dò**  - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?  - Từ ngữ toán học nào em cần chú ý? Kí hiệu toán học nào em cần nắm chắc?Để không nhầm lẫn khi sử dụng các kí hiệu đó em nhắn bạn điều gì?  - Nhận xét tiết học. |

**TOÁN**

LUYỆN TẬP

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Yêu cầu cần đạt:**

- Biết sử dụng các dấu (>, <, =) để so sánh các số trong phạm vi 10.

**2. Phẩm chất:**

- Học sinh tích cực, hứng thú, chăm chỉ thực hiện các yêu cầu của giáo viên nêu ra.

**3. Năng lực:**

- Phát triển các NL toán học:NL mô hình hoá toán học, NL tư duy và lập luận toán học, NL giao tiếp toán học.

**II.CHUẨN BỊ:**

- 2 bộ thẻ số từ 1 đến 5, 1 thẻ số 8 và 2 bộ thẻ các dấu (>, <, =).

**III.HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| **A. Hoạt động khởi động**  - Các nhóm kiểm tra chéo kết quả của nhau, nhóm nào lập được nhiều mệnh đề đúng và nhanh nhất sẽ thắng cuộc.  - HS rút ra nhận xét qua trò chơi: Để so sánh đúng hai số cần lưu ý điều gì? | - Chơi trò chơi “Ghép thẻ” theo nhóm. Mỗi nhóm dùng 2 bộ thẻ các số từ 1 đến 5 và 2 bộ thẻ các dấu (>, <, =) để ghép thành các mệnh đề đúng. Chẳng hạn: 1 <5; 4 = 4; 3>2; ... |
| B. Hoạt động thực hành, luyện tập  **Bài 1.** |  |
| - HS quan sát  - HS thực hành so sánh số lượng khối lập phương ở các hình vẽ tiếp theo và viết kết quả vào vở: 4 < 6; 7 = 7. | - Cho HS quan sát hình vẽ thứ nhất, so sánh số lượng khối lập phương bên trái với bên phải bằng cách lập tương ứng một khối lập phương bên trái với một khối lập phương bên phải. Nhận xét: “5 khối lập phương nhiều hơn 3 khối lập phương”, ta có: “5 lớn hơn 3”, viết 5 > 3. |
| - Đối vở cùng kiểm tra và chia sẻ với bạn cách làm. |  |
| Bài 2.  - HS thực hiện  - Đổi vở cùng kiểm tra, đọc kết quả và chia sẻ với bạn cách làm. | - Cho HS suy nghĩ, tự so sánh hai số, sử dụng các dấu (>, <, =) và viết kết quả vào vở. |
| **Bài 3.** HS lấy các thẻ số 4, 8, 5. Đố bạn chọn ra thẻ ghi số lớn nhất, số bé nhất rồi sắp xếp các the số trên theo thứ tự từ bé đến lớn, từ lớn đến bé. |  |
| Có thể thay bằng các thẻ sổ khác hoặc lấy ra 3 thẻ số bất kì (trong các số từ 0 đến 10) và thực hiện tương tự như trên. |  |
| C. Hoạt động vận dụng  Bài 4  - HS đếm và chỉ ra bạn có ít viên bi nhất, bạn có nhiều viên bi nhất. | - Cho HS quan sát tranh, nói cho bạn nghe bức tranh vẽ gì? |
|  | - GV khuyến khích HS đặt câu hỏi cho bạn về so sánh liên quan đến tình huống bức tranh. |
| D. Củng cố, dặn dò  - Trả lời   * Trả lời | - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?  - Để có thể so sánh chính xác hai số, em nhắn bạn điều gì? |

**TUẦN 5**

**TOÁN**

EM ÔN LẠI NHỮNG GÌ ĐÃ HỌC

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Yêu cầu cần đạt:**

- Củng cố kĩ năng đếm, nhận biết số lượng trong phạm vi 10; đọc, viết, so sánh các số trong phạm vi 10.

- Bước đầu biết tách số (7 gồm 2 và 5, 8 gồm 5 và 3, ...).

- Củng cố kĩ năng nhận dạng hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật.

**2. Phẩm chất:**

- Học sinh tích cực, hứng thú, chăm chỉ thực hiện các yêu cầu của giáo viên nêu ra.

**3. Năng lực:**

- Thông qua các hoạt động quan sát tranh, đếm số lượng các số từ 0 đến 10 trong các tình huống thực tiễn, học sinh có cơ hội được phát triển năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy và lập luận toán học.

**-** Thông qua việc sử dụng các số từ 0 đến 10 để biểu thị số lượng, trao đổi chia sẻ với bạn các ví dụ về số 0 trong thực tiễn, học sinh có cơ hội được phát triển năng lực mô hình hóa toán học, năng lực giao tiếp toán học.

**II. CHUẨN BỊ:**

- Các thẻ số từ 0 đến 10; Bộ đồ dùng học Toán.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| A. Hoạt động khởi động  Bài 1  - HS thực hiện | - Cho HS quan sát tranh, nói cho bạn nghe bức tranh vẽ gì? |
|  | - HS đặt câu hỏi cho bạn về số lượng người và mỗi loại đồ vật có trong bức tranh. HS đếm và nói số lượng, chẳng hạn: có 8 bạn nhỏ, có 3 bạn đội mũ, có 1 chiếc bánh sinh nhật, có 6 cây nến, ... |
|  | - HS đặt câu hỏi cho bạn về so sánh số lượng liên quan đến tình huống bức tranh. |
| B. Hoạt động thực hành, luyện tập  **Bài 2.** HS thực hiện theo nhóm hoặc theo cặp: |  |
| Quan sát hình vẽ, đếm và gọi tên 9 đồ vật trong hình.  Lấy từ bộ đồ dùng học tập 7 đồ vật. |  |
| **Bài 3.** – ChoHS thực hiện các hoạt động sau:  Đếm số quả bóng, số kẹo, số vòng tay, số ngón tay rồi nêu số thích họp.  Quan sát hình vẽ, nhận xét: “Có 5 quả bóng, 3 quả bóng vằn đỏ, 2 quả bóng vằn xanh”. GV hướng dẫn HS nói: “5 gồm 3 và 2 hoặc 5 gồm 2 và 3”. Thực hiện tương tự với các trường hợp khác.  **Bài 4.** |  |
| Thực hiện theo cặp hoặc theo nhóm bàn:  - HS có thể tự đặt các yêu cầu tương tự để thực hành trong nhóm. | - HS lấy các thẻ số từ 0 đến 10: a) Tìm các thẻ ghi số bé hơn 5; b) Tìm các thẻ ghi số lớn hơn 7; c) Lấy ra các thẻ số 6, 3, 7, 2 rồi sắp xếp các thẻ số đó theo thứ tự từ bé đến lớn. |
| Bài 5  Cá nhân HS quan sát tranh, đếm từng loại hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật trong tranh rồi ghi kết quả vào vở.  HS chia sẻ kết quả với bạn, cùng nhau kiểm tra kết quả: Có tất cả 4 hình vuông, 10 hình chữ nhật, 6 hình tam giác và 4 hình tròn. |  |
| C. Hoạt động vận dụng  **Bài 6** |  |
| - HS quan sát tranh, đếm số cánh hoa của mỗi bông hoa. | GV giới thiệu cho HS các loại hoa có 3, 4, 5, 6, 8, 10 cánh trong hình vẽ lần lượt là: hoa duyên linh, hoa mẫu đơn, hoa mai trắng, hoa dừa cạn, hoa ly, hoa bướm.  Liên hệ thực tế với những loại hoa mà em biết. |
| HS chia sẻ kết quả với bạn, cùng nhau kiểm tra kết quả. | Khuyến khích HS về nhà quan sát các bông hoa trong tự nhiên, đếm số cánh hoa, tìm hiểu thêm về những bông hoa có 1 cánh, 2 cánh, 3 cánh, ... |
| D.Củng cố, dặn dò  - Trả lời     * Trả lời | - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?  - Để có thể làm tốt các bài trên em nhắn bạn điều gì? |

**TOÁN**

**EM VUI HỌC TOÁN**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Yêu cầu cần đạt:**

- Nghe hát, vận động theo nhịp và chơi trò chơi, thông qua đó củng cố kĩ năng đếm, nhận biết số lượng trong phạm vi 10.

- Làm các số em thích bằng các vật liệu địa phương, biểu diễn các số bằng nhiều cách khác nhau.

- Củng cố kĩ năng nhận dạng hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật gắn với các biển báo giao thông.

**2. Phẩm chất:**

- Học sinh tích cực, hứng thú, chăm chỉ thực hiện các yêu cầu của giáo viên nêu ra.

**3. Năng lực:**

- NL Mô hình hóa toán học, NL giải quyết vấn đề toán học, NL sử dụng công cụ và phương tiện học toán thông qua hoạt động trải nghiệm làm số bằng các vật liệu, thể hiện số bằng nhiều cách khác nhau.

- NL Giao tiếp toán học, NL tư duy và lập luận toán học thông qua các hoạt động thuyết trình về các sản phẩm và ý tưởng của nhóm.

- NL hợp tác thông qua hoạt động nhóm.

**II. CHUẨN BỊ:**

- Bài hát: Em tập đếm.

- Các vật liệu đế có thể biểu diễn số lượng, chẳng hạn: dây, đất nặn, sỏi, que tính,...

- Bút màu, giấy vẽ.

- Một số hình ảnh biển báo giao thông.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| **A.Hoạt động 1. Nghe hát, vận động theo nhịp và giơ ngón tay đúng số lượng** | a.HS nghe và vận động theo nhịp của bài hát “Em tập đếm”. HS giơ các ngón tay theo các số có trong lời bài hát.  b.HS thực hiện theo cặp; đọc số, giơ ngón tay đúng số lượng của số vừa đọc và ngược lại. Khi giơ một số ngón tay, GV yêu cầu HS phải nói đúng số lượng ngón tay vừa giơ. |
| **B.Hoạt động 2. Tạo thành các số em thích** |  |
| HS thực hiện theo nhóm: | Làm các số đã học (từ 0 đến 10) bằng các vật liệu khác nhau đã chuẩn bị trước. Chẳng hạn ghép số bằng các viên sỏi, nặn số bằng đất nặn hoặc dùng dây thừng để tạo số, ... |
|  | - Khuyến khích HS sáng tạo theo cách của các em.  - Trưng bày các sản phẩm của nhóm, cử đại diện trình bày ý tưởng. |
| **C. Hoạt động 3. Thể hiện số bằng nhiều cách** |  |
| - HS thực hiện theo nhóm: | - Thê hiện các số đã học bằng nhiều cách: viết, vẽ, tô màu, ...  - Khuyến khích HS sáng tạo theo cách của các em.  - Trưng bày các sản phẩm của nhóm, cử đại diện trình bày ý tưởng. |
| D.Hoạt động 4. Tìm hiểu biển báo giao thông  - HS thực hiện theo nhóm hoặc thực hiện chung cả lớp: | - Nêu hình dạng của các biển báo giao thông trong hình vẽ. GV giới thiệu cho HS: Trong hình vẽ, thứ tự từ trái qua phải là các biển báo: đường dành cho ô tô, đường dành cho người tàn tật, đường dành cho người đi bộ cắt ngang và đường cấm đi ngược chiều. |
|  | - Chia sẻ hiểu biết về các biến báo giao thông. Nhận ra biến cấm thường có màu đỏ. |
| E.Củng cố, dặn dò  - Trả lời  - Trả lời   * Trả lời | - HS nói cảm xúc sau giờ học.  - HS nói về hoạt động thích nhất trong giờ học.  HS nói về hoạt động nào còn lúng túng, nếu làm lại sẽ làm gì. |

**TUẦN 6**

**TOÁN**

**LÀM QUEN VỚI PHÉP CỘNG – DẤU CỘNG**

**I. MỤC TIÊU:**

**1.Yêu cầu cần đạt:**

- Làm quen với phép cộng qua các tình huống có thao tác gộp, nhận biết cách sử dụng các dấu (+, =).

- Nhận biết ý nghĩa của phép cộng (với nghĩa gộp) trong một số tình huống gắn với thực tiễn.

**2. Phẩm chất:**

- Học sinh tích cực, hứng thú, chăm chỉ thực hiện các yêu cầu của giáo viên nêu ra.

**3. Năng lực:**

- NL giải quyết Vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học thông qua việc tiếp cận một số tình huống đơn giản nêu lên nhận biết về phép cộng (với nghĩa thêm), cách sử dụng các dấu (+, =)

- NL mô hình hoá toán học, NL giao tiếp toán học thông qua việc diễn tả tình huống thực tế bằng phép cộng hai số, qua hoạt động nhóm.

- NL sử dụng công cụ và phương tiện học toánthông qua việc thao tác với que tính hoặc các chấm tròn, biểu diễn quá trình thực hiện phép tính cộng hai số

**II. CHUẨN BỊ:**

- Các que tính, các chấm tròn, các thẻ số, các thẻ dấu (+, =), thanh gài phép tính.

- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép cộng (với nghĩa gộp).

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| A.Hoạt động khởi động  - HS thực hiện | - Cho HS hoạt động theo cặp (nhóm bàn) và thực hiện lần lượt các hoạt động:  *+ Quan sát hai bức tranh* trong SGK.  *+ Nói* với bạn về những điều quan sát được từ mỗi bức tranh, chẳng hạn: Có 3 quả bóng màu xanh; Có 2 quả bóng màu đỏ; Có tất cả 5 quả bóng được ném vào rổ. |
| - HS xem tranh | - GV hướng dần HS xem tranh, giao nhiệm vụ và gợi ý để HS chia sẻ những gì các em quan sát được. |
| B.Hoạt động hình thành kiến thức  - HS thực hiện  - HS nói, chẳng hạn: “Tay phải có 3 que tính. Tay trái có 2 que tính. Có tất cả 5 que tính”. | 1. Cho HS thực hiện lần lượt các hoạt động sau:  Tay phải cầm 3 que tính. Tay trái cầm 2 que tính. *Gộp lại* (cả hai tay) và đếm xem có tất cả bao nhiêu que tính. |
|  | 2.GV lưu ý hướng dẫn HS sử dụng mẫu câu khi nói: *Có... Có... Có tất cả...* |
| **3.Hoạt động cả lớp:**  - HS nghe GV giới thiệu phép cộng, dấu +, dấu =: HS nhìn 3 + 2 = 5 và đọc *ba cộng hai băng năm.* | GV dùng các chấm tròn để diễn tả các thao tác HS vừa thực hiện trên que tính. |
|  | - GV giới thiệu cách diễn đạt bằng kí hiệu toán học 3 + 2 = 5. |
| **3.Củng cố kiến thức mới:**  - HS gài phép tính 1 +4 = 5 vào thanh gài.  - Theo nhóm bàn, HS tự nêu tình huống tương tự rồi đố nhau đưa ra phép cộng. | - GV nêu tình huống khác, HS đặt phép cộng tương ứng rồi gài phép tính vào thanh gài. Chăng hạn: GV nêu: “Bên trái có 1 chấm tròn, bên phải có 4 chấm tròn, gộp lại có tất cả mấy chấm tròn? Bạn nào nêu được phép cộng?”; |
| C. Hoạt động thực hành, luyện tập  **Bài 1**  - HS thực hiện | - Cho HS làm bài 1: HS quan sát tranh, chẳng hạn: |
|  | + Bên trái có 2 quả bóng vàng. Bên phải có 1 quả bóng xanh. Có tất cả bao nhiêu quả bóng? |
| - Đổi vở, đặt câu hỏi cho nhau và nói cho nhau về tình huống trong bức tranh và phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lóp. | + Đọc phép tính và nêu số thích hợp ở ô dấu ? rồi viết phép tính 2+1 = 3 vào vở. |
|  | GV chốt lại cách làm bài, gợi ý đê HS sử dụng mầu câu khi nói về bức tranh: *Có...Có...Có tất cả...* |
| **Bài 2**  - HS quan sát tranh . Chia sẻ trước lớp. | - Cho HS quan sát tranh vẽ, nhận biết phép tính thích hợp với từng tranh vẽ; Thảo luận với bạn về chọn phép tính thích họp cho từng tranh vẽ, lí giải bằng ngôn ngữ cá nhân. Chia sẻ trước lớp. |
|  | - GV chốt lại cách làm bài. |
|  | Bài 3. - Cho HS quan sát tranh, đọc phép tính tương ứng đã cho, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe một tình huống theo bức tranh. Chia sẻ trước lớp. GV lưu ý hướng dẫn HS sử dụng mẫu câu khi nói: *Có... Có... Có tất cả...* |
| Đ. Hoạt động vận dụng  HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép cộng (với nghĩa gộp) rồi chia sẻ với bạn, chẳng hạn: An có 5 cái kẹo. Bình có 1 cái kẹo. Hỏi cả hai bạn có tất cả mấy cái kẹo? |  |
| E. Củng cố, dặn dò  - Trả lời     * Lắng nghe | - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?  - về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng để hôm sau chia sẻ với các bạn. |

**TOÁN**

LÀM QUEN VỚI PHÉP CỘNG – DẤU CỘNG (tiếp theo)

**I. MỤC TIÊU:**

**1.Yêu cầu cần đạt:**

- Làm quen với phép cộng qua các tình huống có thao tác thêm, củng cố cách sử dụng các dấu (+, =).

- Nhận biết ý nghĩa của phép cộng (với nghĩa thêm) trong một số tình huống gắn với thực tiễn.

**2. Phẩm chất:**

- Học sinh tích cực, hứng thú, chăm chỉ thực hiện các yêu cầu của giáo viên nêu ra.

**3. Năng lực:**

- HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết Vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học thông qua việc tiếp cận một số tình huống đơn giản nêu lên nhận biết về phép cộng (với nghĩa thêm), cách sử dụng các dấu (+, =)

- NL mô hình hoá toán học, NL giao tiếp toán học thông qua việc diễn tả tình huống thực tế bằng phép cộng hai số.

- HS có cơ hội được phát triển NL sử dụng công cụ và phương tiện học toán thông qua việc thao tác với que tính hoặc các chấm tròn, biểu diễn quá trình thực hiện phép tính cộng hai số.

**II. CHUẨN BỊ:**

- Các que tính, các chấm tròn.

Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép cộng (với nghĩa thêm).

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| A.Hoạt động khởi động  - HS thực hiện | - Cho HS hoạt động theo cặp (nhóm bàn) và thực hiện lần lượt các hoạt động: |
|  | *+ Quan sát hai bức tranh* trong SGK.  *+ Nói* với bạn về những điều quan sát được từ mỗi bức tranh, chẳng hạn: Có 4 quả bóng trong rổ. Thêm 1 quả bóng. Có tất cả 5 quả bóng trong rổ.  - GV hướng dần HS xem tranh, giao nhiệm vụ cho HS và gợi ý để HS chia sẻ những gì các em quan sát được. |
| B.Hoạt động hình thành kiến thức  - HS thao tác trên que tính: Lấy ra 4 que tính. *Lấy thêm* 1 que tính. Đếm xem có tất cả bao nhiêu que tính? | 1.GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các hoạt động sau: |
| - HS nói: “Có 4 que tính. Thêm 1 que tính. Có tất cả 5 que tính”. |  |
|  | 2.GV lưu ý hướng dần HS sử dụng mẫu câu khi nói: *Có... Thêm... Có tất cả...* |
| **3.Hoạt động cả lớp:**  - HS nhìn 4 + 1-5, đọc *bốn cộng một bằng năm.* | GV dùng các chấm tròn đế diễn tả các thao tác HS vừa thực hiện trên que tính. |
|  | - GV giới thiệu cách diễn đạt bằng kí hiệu toán học 4+1=5. |
| **4.Củng cố kiến thức mới:**  - Theo nhóm bàn, HS tự nêu tình huống tương tự rồi đố nhau đưa ra phép cộng. | - GV nêu tình huống khác,  HS nêu phép cộng tương ứng rồi gài thẻ phép tính vào thanh gài. Chẳng hạn: “Có 3 ngón tay. Thêm 2 ngón tay. Có tất cả mấy ngón tay? Bạn nào nêu được phép cộng?”. HS gài phép tính 3 + 2 = 5 vào thanh gài. |
| C. Hoạt động thực hành, luyện tập  Bài 1 | - Cho HS làm bài 1: HS quan sát tranh, chẳng hạn: |
| + Đọc phép tính và nêu số thích hợp ở ô dấu ? rồi viết phép tính 1 + 1 = 2 vào vở.  - Đổi vở, đặt câu hỏi cho nhau và nói cho nhau về tình huống trong bức tranh và phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp. | + Có 1 con ong, thêm 1 con ong bay đến. Có tất cả bao nhiêu con ong? |
|  | - GV chốt lại cách làm bài, gợi ý để HS sử dụng mẫu câu: *Có... Thêm... Có tất cả...* |
| Bài 2  - HS quan sát . Chia sẻ trước lớp. | - Cho HS quan sát các tranh vẽ, nhận biết phép tính thích hợp với từng rranh vẽ; Thảo luận với bạn về chọn phép tính thích hợp cho từng tranh vẽ, lí giải bằng ngôn ngữ cá nhân. Chia sẻ trước lớp.  - GV chốt lại cách làm bài.      - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?  - về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng để hôm sau chia sẻ với các bạn. |
|  |
| **Bài 3.** Cá nhân HS quan sát tranh, đọc phép tính tương ứng đã cho, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe một tình huống theo bức tranh. Chia sẻ trước lóp. GV lưu ý hướng dẫn HS sử dụng mầu câu khi nói: Cớ... *Thêm... Có tất cả..*  D.Hoạt động vận dụng  HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép cộng (với nghĩa thêm) rồi chia sẻ với bạn, chẳng hạn: Hà có 5 cái kẹo. Mẹ cho thêm 1 cái kẹo. Hà có tất cả mấy cái kẹo?  E.Củng cố, dặn dò  - Trả lời     * Lắng nghe |

**TOÁN**

**PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 6 ( TIẾT 1)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Yêu cầu cần đạt:**

- Biết cách tìm kết quả một phép cộng trong phạm vi 6.

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép cộng trong phạm vi 6 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

**2. Phẩm chất:**

- Học sinh tích cực, hứng thú, chăm chỉ thực hiện các yêu cầu của giáo viên nêu ra.

**3. Năng lực:**

- HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học thông qua việc tiếp cận một số tình huống đơn giản để nhận biết về cách tìm kết quả phép cộng trong phạm vi 6.

- HS có cơ hội được phát triển NL sử dụng công cụ và phương tiện học toán thông qua việc thao tác với các que tính hoặc các chấm tròn, biểu diễn quá trình thực hiện phép tính cộng hai số.

**II. CHUẨN BỊ:**

- Các que tính, các chấm tròn.

- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép cộng trong phạm vi 6.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| A. Hoạt động khởi động | - Cho HS hoạt động theo cặp (nhóm bàn) và thực hiện lần lượt các hoạt động: |
| + Chia sẻ trước lớp: đại diện một số bàn, đứng tại chồ hoặc lên bảng, thay nhau nói một tình huống có phép cộng mà mình quan sát được. | *+ Quan sát* bức tranh trong SGK.  *+ Nói* với bạn về những điều quan sát được từ bức tranh liên quan đến phép cộng, chẳng hạn: “Có 4 con chim ở dưới sân. Có 2 con chim đang bay đến. Có tất cả bao nhiêu con chim?”, HS đếm rồi nói: “Có tất cả 6 con chim”. |
| - HS theo dõi | - GV hướng dần HS xem tranh, giao nhiệm vụ và gợi ý đế HS chia sẻ những gì các em quan sát được từ bức tranh có liên quan đến phép cộng. Khuyến khích HS nói, diễn đạt bằng chính ngôn ngữ của các em. |
| B. Hoạt động hình thành kiến thức  *- Quan sát* hình vẽ “chong chóng” trong khung kiến thức trang 38. | **1.** GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các thao tác sau: |
|  | - GV *nói:* Bạn gái bên trái có 3 chong chóng - Lấy ra 3 chấm tròn; |
|  | Bạn gái bên phải có 1 chong chóng - Lấy ra 1 chấm tròn. |
| - HS nói: 3 + 1=4. | Để biết có tất cả bao nhiêu chong chóng (hay chấm tròn) ta thực hiện phép cộng 3 + 1. |
| 2.HS thực hiện tương tự với hình vẽ “chim bay” trong khung kiến thức trang 38 và nói kết quả *phép cộng*. 4 + 2 = 6. | GV lưu ý hướng dẫn HS sử dụng mẫu câu khi nói : *Có... Có... có tất cả...* |
| 3.Củng cố kiến thức mới: | GV nêu một số tình huống. HS đặt phép cộng tương ứng. GV hướng dẫn HS tìm kết quả phép cộng rồi gài kết quả vào thanh gài.  Theo nhóm bàn, HS tự nêu tình huống tương tự rồi đố nhau đưa ra phép cộng và tính kết quả. |
| C. Hoạt động thực hành, luyện tập  Bài 1  - Đổi vở, đặt câu hỏi cho nhau, nói cho nhau về tình huống đã cho và phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp. | - GV hướng dẫn HS cách làm 1 phép tính.  - Cho HS làm bài 1: Tìm kết quả các phép cộng nêu trong bài (HS có thể dùng các chấm tròn và thao tác đếm để tìm kết quả phép tính), rồi ghi phép tính vào vở. |
|  | - GV có thể nêu ra một vài phép tính khác để HS củng cố kĩ năng, hoặc HS tự nêu phép tính rồi đố nhau tìm kết quả phép tính. |

**TUẦN 7**

**TOÁN**

**PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 6 ( TIẾT 2)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Yêu cầu cần đạt:**

- Biết cách tìm kết quả một phép cộng trong phạm vi 6.

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép cộng trong phạm vi 6 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

**2. Phẩm chất:**

**-** Học sinh tích cực, hứng thú, chăm chỉ thực hiện các yêu cầu của giáo viên nêu ra.

**3. Năng lực:**

- HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học thông qua việc tiếp cận một số tình huống đơn giản để nhận biết về cách tìm kết quả phép cộng trong phạm vi 6.

- HS có cơ hội được phát triển NL sử dụng công cụ và phương tiện học toán thông qua việc thao tác với các que tính hoặc các chấm tròn, biểu diễn quá trình thực hiện phép tính cộng hai số.

**II. CHUẨN BỊ:**

- Các que tính, các chấm tròn.

- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép cộng trong phạm vi 6.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| Bài 2  - HS thảo luận với bạn về kết quả tính được, lí giải bằng ngôn ngữ cá nhân. Chia sẻ trước lóp. | - Cho HS tự làm bài 2: Tìm kết quả các phép cộng nêu trong bài (HS có thể dùng thao tác đếm đê tìm kết quả phép tính). |
|  | - GV chốt lại cách làm bài. |
| Bài 3  - HS quan sát tranh, suy nghĩ về tình huống theo bức tranh rồi đọc phép tính tưomg ứng. Chia sẻ trước lớp. | - Cho HS quan sát tranh, suy nghĩ về tình huống theo bức tranh rồi đọc phép tính tưomg ứng. Chia sẻ trước lớp.  *Ví dụ* câu a): Bên trái có 3 chú mèo. Bên phải có 2 chú mèo. Có tất cả bao nhiêu chú mèo? Phép tính tương ứng là: 3 + 2 = 5. |
| D. Hoạt động vận dụng  - HS thực hiện | - Cho HS nghĩ ra một số tình huống thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 6. |
| E. Củng cố, dặn dò  - Trả lời     * Lắng nghe | - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?  - Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 6 để hôm sau chia sẻ với các bạn. |
|  |

**TOÁN**

PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 6 (tiếp theo)

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Yêu cầu cần đạt:**

- Tìm được kết quả các phép cộng trong phạm vi 6 và thành lập *Bảng cộng trong phạm vi* 6.

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép cộng trong phạm vi 6 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

**2. Phẩm chất:**

**-** Học sinh tích cực, hứng thú, chăm chỉ thực hiện các yêu cầu của giáo viên nêu ra.

**3. Năng lực:**

- Thông qua việc tiếp cận một số tình huống đơn giản để nhận biết về cách tìm kết quả phép cộng có kết quả đến 6 và thành lập Bảng cộng trong phạm vi 6*,* HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luậntoán học.

- Thông qua việc quan sát tranh, nêu tình huống thích họp với tranh vẻ, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề và NL mô hình hoá toán học.

**II.CHUẨN BỊ:**

- Các que tính, các chấm tròn, các thẻ phép tính.

- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép cộng trong phạm vi 6.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| A.Hoạt động khởi động  Chia sẻ các tình huống có phép cộng trong thực tế gắn với gia đình. |  |
| B.Hoạt động hình thành kiến thức  - HS thực hiện | - Cho HS thực hiện lần lượt các hoạt động sau: |
|  | - Tìm kết quả từng phép cộng trong phạm vi 6 (thể hiện trên các thẻ phép tính).  - *Sắp xếp* các thẻ phép cộng theo một quy tắc nhất định. Chẳng hạn: GV phối hợp thao tác cùng với HS, gắn từng thẻ phép tính lên bảng để tạo thành bảng cộng như SGK, đồng thời HS xếp các thẻ thành một bảng cộng trước mặt. |
| - HS nhận xét về đặc điểm của các phép cộng trong từng dòng hoặc từng cột và ghi nhớ *Bảng cộng trong phạm vi 6.*  - HS đưa ra *phép cộng* và đố nhau tìm *kết quả* (làm theo nhóm bàn). | - GV giới thiệu *Bảng cộng trong phạm vi 6* và hướng dẫn HS đọc các phép tính trong bảng. |
|  | - GV tổng kết: Có thể nói:  Dòng thứ nhất được coi là Bảng cộng: Một số cộng 1.  Dòng thứ hai được coi là Bảng cộng: Một số cộng 2.  Dòng thứ ba được coi là Bảng cộng: Một số cộng 3.  Dòng thứ tư được coi là Bảng cộng: Một số cộng 4.  Dòng thứ năm được coi là Bảng cộng: Một số cộng 5. |
|  |  |
| C. Hoạt động thực hành, luyện tập  Bài 1  - HS thực hiện  - Đổi vở, đặt câu hỏi cho nhau đọc phép tính và nói kết quả tương ứng với mỗi phép tính. | - Cho HS làm bài 1: Tìm kết quả các phép cộng nêu trong bài, rồi viết kết quả vào vở. |
|  | - GV có thể nêu ra một vài phép tính đơn giản dễ nhẩm để HS trả lời miệng nhằm củng cố kĩ năng tính nhấm, hoặc HS tự nêu phép tính rồi đố nhau tìm kết quả phép tính. Chẳng hạn: 4 + 1; 1 + 4; 5 + 1; 1 + 5; ... |
|  | - Ở câu b), GV nên đặt câu hỏi đế HS quan sát và nêu nhận xét các phép tính trong từng cột, chẳng hạn: Khi đổi chồ hai số trong phép cộng thì kết quả phép cộng không thay đôi. HS lấy thêm ví dụ tương tự: 2 + 3 = 5; 3 + 2 = 5; ... |
| **Bài 2.** HS tự làm bài 2, nêu phép tính thích họp cho từng ô còn thiếu. HS trao đổi với bạn và giải thích lí do lựa chọn phép tính thích hợp.  - Chia sẻ trước lớp.  **Bài 3.** phân tích mầu rồi vận dụng đế tìm kết quả các phép tính cho trong bài. |  |
| – HS quan sát |  |
| **Bài 4.**  **–** HS quan sát tranh, Chia sẻ trước lóp. | **–** ChoHS quan sát tranh, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe tình huống trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lóp. |
|  | a)Bên trái *có* 3 con ong. Bên phải có 3 con ong. Có tất cả bao nhiêu con ong? |
|  | Ta có phép cộng 3 + 3 = 6. Vậy có tất cả 6 con ong. |
|  | b)Có 3 bạn đang ngồi đọc sách. *Có thêm 2* bạn đi đến. *Có tất cá* bao nhiêu bạn? Ta có phép cộng 3 + 2 = 5. Vậy có tắt cả 5 bạn. |
| **D.Hoạt động vận dụng**  HS nghĩ ra một số tinh huống trong thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 6. |  |
| E.Củng cố, dặn dò  - Trả lời     * Lắng nghe | - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?  - về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 6 đế hôm sau chia sẻ với các bạn. |

**TUẦN 8**

**TOÁN**

**LUYỆN TẬP**

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Yêu cầu cần đạt:**

- Củng cố về bảng cộng và làm tính cộng trong phạm vi 6.

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép cộng trong phạm vi 6 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

**2. Phẩm chất:**

**-** Học sinh tích cực, hứng thú, chăm chỉ thực hiện các yêu cầu của giáo viên nêu ra.

**3. Năng lực:**

- Thông qua luyện tập thực hành tính cộng trong phạm vi 6, HS có cơ hội được  
phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

- Thông qua việc nhận biết các bài toán bởi các tranh ảnh minh hoạ hoặc tình  
huống thực tế và việc sử dụng các kí hiệu toán học đế diễn tả bài toán, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học, NL mô hình hoá toán học.

**II.CHUẨN BỊ:**

- Các thẻ phép tính như ở bài 1.

- Một số tình huống thực tế đơn giản có liên quan đến phép cộng trong phạm vi 6.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| A. Hoạt động khởi động  - HS thực hiện | - Cho HS thực hiện các hoạt động sau: |
| - Chia sẻ: Cách cộng nhấm của mình; Để có thể nhẩm nhanh, chính xác cần lưu ý điều gì? | Chơi trò chơi “Truyền điện” để ôn tập cộng nhẩm trong phạm vi 6 như sau: Bạn A đọc phép cộng rồi chỉ bạn B đọc kết quả. Nếu bạn B đọc kết quả đúng thì bạn B đọc tiếp phép cộng khác rồi chỉ bạn c đọc kết quả. Quá trình cứ tiếp tục như vậy, cuộc chơi dừng lại khi đến bạn đọc kết quả sai. Bạn đó thua cuộc. |
| B. Hoạt động thực hành, luyện tập  Bài 1.  - HS thực hiện | GV tổ chức cho HS chơi theo cặp hoặc theo nhóm như sau: Một bạn lấy ra một thẻ phép tính đố bạn khác nêu kết quả phép tính và ngược lại. Hoặc cũng có thể chuẩn bị các thẻ trắng để HS tự viết phép tính rồi đố bạn viết kết quả thích hợp. |
| Bài 2  - HS thảo luận với bạn về cách tính nhẩm rồi chia sẻ trước lớp. | - Cho HS tự tìm kết quả các phép cộng nêu trong bài (có thể sử dụng *Bảng cộng trong phạm vi 6* để tìm kết quả). |
|  | - GV chốt lại cách làm bài. Chú ý, trong phép cộng hai số mà có một sổ bằng 0 thì kết quả bằng số còn lại. |
| Bài 3  - HS chia sẻ với bạn, đặt câu hỏi cho nhau, cùng tìm thêm các phép tính có thể đặt vào mỗi ngôi nhà. Chẳng hạn: Ngôi nhà số 5 còn có thể đặt thêm các phép tính: 1 +4; 5 + 0; 0 + 5. | Cho HS quan sát các ngôi nhà và số ghi trên mỗi mái nhà để nhận ra các phép tính trong ngôi nhà có kết quả là số ghi trên mái nhà. HS lựa chọn số thích hợp trong mỗi ô có dấu ? của từng phép tính sao cho kết quả mỗi phép tính đó là số ghi trên mái nhà, ví dụ ngôi nhà số 5 có các phép tính: 3 + 2; 2 + 3; 4 + 1  GV chốt lại cách làm bài. GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em. |
|  |  |
| Bài 4  Chia sẻ trước lớp. | - Cho HS quan sát tranh, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng. |
| - HS làm tương tự với các trường hợp còn lại. | *Ví dụ* câu a): Trên cây có 2 con chim. Có thêm 3 con bay đến. Có tất cả bao nhiêu con chim? Ta có phép cộng 2 + 3 = 5. Vậy có tất cả 5 con chim. |
| C. Hoạt động vận dụng  HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 6. |  |
| **D. Củng cố, dặn dò**  - Lắng nghe | Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 6 để hôm sau chia sẻ với các bạn. |

**TOÁN**

PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 1O

**I. MỤC TIÊU:**

**1/ Yêu cầu cần đạt:**

- Biết cách tìm kết quả một phép cộng trong phạm vi 10.

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép cộng trong phạm vi 10 đã học vào  
giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

**2. Phẩm chất:**

- Học sinh tích cực, hứng thú, chăm chỉ thực hiện các yêu cầu của giáo viên nêu ra.

**3/Năng lực:**

- Thông qua việc tiếp cận một số tình huống đơn giản để nhận biết về cách tìm  
kết quả phép cộng, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL  
tư duy và lập luận toán học.

- Thông qua việc thao tác với que tính hoặc các chấm tròn, biểu diễn quá trình thực hiện phép tính cộng hai số, HS có cơ hội được phát triển NL sử dụng công cụ và phương tiện học toán.

**II.CHUẨN BỊ:**

- Các que tính, các chấm tròn.

- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép cộng trong phạm vi 10.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| **A. Hoạt động khởi động**  *- Nói* với bạn về những điều quan sát được từ bức tranh liên quan đến phép cộng, chẳng hạn: | HS hoạt động theo cặp (nhóm bàn) và thực hiện lần lượt các hoạt động:  *- Quan sát* bức tranh trong SGK. |
|  | + Có 6 con chim trên cây. Có 4 con chim đang bay đến. Để biết có tất cả bao nhiêu con chim, ta thực hiện phép cộng 6 + 4 = 10. Có tất cả 10 con chim. |
| - Chia sẻ trước lóp: đại diện một số bàn, đứng tại chồ hoặc lên bảng, thay nhau nói một tình huống có phép cộng mà mình quan sát được. | + Có 4 bạn đang chơi bập bênh. Có 4 bạn khác đang đi tới. Để biết có tất cả bao nhiêu bạn, ta thực hiện phép cộng 4 + 4 = 8. Có tất cả 8 bạn. |
| B. Hoạt động hình thành kiến thức  - HS thực hiện | 1,Cho HS sử dụng các chấm tròn để tìm kết quả phép cộng: 4 + 3, rồi viết và đọc kết quả 4 + 3 = 7.  Tương tự HS tìm kết quả các phép cộng còn lại: 6 + 4; 5 + 4; 4 + 4. |
|  | 2.GV chốt lại cách tìm kết quả một phép cộng (có thể hướng dẫn HS: ngoài chấm tròn có thế sử dụng que tính, ngón tay, ... để tìm kết quả phép tính). |
|  | 3. Hoạt động cả lớp:  - GV dùng các chấm tròn để diễn tả các thao tác HS vừa thực hiện ở trên và nói: 4+ 3 = 7; 6 + 4 = 10; 5 + 4 = 9; 4 + 4 = 8. |
| - HS tự nêu tình huống tưrơng tự rồi đố nhau đưa ra phép cộng (làm theo nhóm bàn). | 4.Củng cố kiến thức mới:  - GV nêu một số tình huống. HS nêu phép cộng tương ứng. GV hướng dẫn HS tìm kết quả phép cộng theo cách vừa học rồi gài phép cộng và kết quả vào thanh gài. |
| C. Hoạt động thực hành, luyện tập  Bài 1  - Đối vở, đặt và trả lời câu hỏi về các phép tính vừa thực hiện. Chia sẻ trước lớp. | - Cá nhân HS làm bài 1: Tìm kết quả các phép cộng nêu trong bài (HS có thể dùng các chấm tròn và thao tác đếm để tìm kết quả phép tính). |
| Bài 2 | - Cho HS làm bài 2: Tìm kết quả các phép cộng nêu trong bài. |
|  |  |
| Bài 3  - Chia sẻ trước lớp. | - Cho HS quan sát tranh, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe một tình huống theo bức tranh rồi đọc phép tính tương ứng. |
|  | - GV chốt lại cách làm. GV có thể đưa ra một vài ví dụ mẫu khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em. GV khuyến khích HS trong lớp đặt thêm câu hỏi cho nhóm trình bày. |
| D.Hoạt động vận dụng  HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 10. |  |
| E.Củng cố, dặn dò  - Trả lời     * Lắng nghe | - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?  - về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 10 để hôm sau chia sẻ với các bạn. |

**TUẦN 9**

**TOÁN**

**LUYỆN TẬP**

*I. MỤC TIÊU*

*1. Yêu cầu cần đạt:*

- Củng cố về bảng cộng và làm tính cộng trong phạm vi 10.

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép cộng trong phạm vi 10 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

**2. Phẩm chất:**

**-** Học sinh tích cực, hứng thú, chăm chỉ thực hiện các yêu cầu của giáo viên nêu ra.

**3.Năng lực:**

- Phát triển các NL toán học: NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

**II. CHUẨN BỊ:**

- Các que tính, các chấm tròn.

- Một số tình huống thực tế có liên quan đến phép cộng trong phạm vi 10.

**III.** **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| A. Hoạt động khởi động | - Cho HS thực hiện các hoạt động sau:  - Chơi trò chơi “Truyền điện” về phép tính cộng trong phạm vi 10.  - Chia sẻ: Cách cộng nhẩm của mình; Để có thể nhẩm nhanh, chính xác cần lưu ý điều gì? |
| B. Hoạt động thực hành, luyện tập  Bài 1  - HS thực hiện | - Cho cá nhân HS làm bài 1: |
| - HS đổi vở, đặt câu hỏi cho nhau và nói cho nhau về tình huống đã cho cùng phép tính tương ứng. | + Quan sát tranh minh hoạ và quan sát các thanh chấm tròn. Đọc hiểu yêu cầu đề bài.  + Tìm kết quả các phép cộng nêu trong bài.  + Chọn số thích hợp đặt vào ô ? . |
| Bài 2  + Tìm kết quả các phép cộng nêu trên và chọn số thích họp ghi trên xẻng.  + Thảo luận với bạn về cách làm. Chia sẻ trước lóp. | - Cho HS tự làm bài 2:  + Quan sát tranh minh hoạ các số ghi trên mỗi cái xẻng treo trên giá và các phép tính được nêu trên mặt các xô. |
| Bài 3  - HS tự làm bài 3: Tìm kết quả các phép cộng nêu trong bài. Nhận xét kết quả của các phép tính trong mỗi cột và giải thích cho bạn nghe. Chẳng hạn: 7 + 1 = 8; 1+7 = 8; vậy 7 cộng 1 cũng bằng 1 cộng 7. | - GV chốt lại cách làm bài. |
|  |  |
|  |  |
|  | - GV chốt lại cách làm bài. |
| Bài 4  - Chia sẻ trước lớp. | - Cho HS quan sát tranh, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng. |
|  | *Ví dụ* câu a): Trong hàng rào có 4 con gà. Có 3 con gà đang đi đến. Có tất cả bao nhiêu con gà? Ta có phép cộng: 4 + 3 = 7. Vậy có tất cả 7 con gà. |
| HS làm tương tự trường hợp còn lại. | Vậy phép tính thích hợp là 4 + 3 = 7. |
| C. Hoạt động vận dụng  HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 10. |  |
| D.Củng cố, dặn dò   * Lắng nghe | Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 10 để hôm sau chia sẻ với các bạn. |

**TOÁN**

PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 1O (tiếp theo)

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Yêu cầu cần đạt:**

- Tìm được kết quả các phép cộng có kết quả đến 10 (trong phạm vi 10) và thành lập *Bảng cộng trong phạm vi 10.*

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép cộng trong phạm vi 10 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

**2. Phẩm chất:**

**-** Học sinh tích cực, hứng thú, chăm chỉ thực hiện các yêu cầu của giáo viên nêu ra.

**3/Năng lực:**

- Thông qua việc thao tác với que tính hoặc các chấm tròn, HS có cơ hội được phát triển NL sử dụng công cụ và phương tiện học toán.

- Phát triển các NL toán học: NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

**II. CHUẨN BỊ:**

- Các que tính, các chấm tròn, các thẻ phép tính.

- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép cộng trong phạm vi 10.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| A.Hoạt động khởi động  Chơi trò chơi “Đố bạn” để tìm kết quả của các phép cộng trong phạm vi 10 đã học. |  |
| B.Hoạt động hình thành kiến thức  - HS thực hiện | - Tìm kết quả từng phép cộng trong phạm vi 10 (thể hiện trên các thẻ phép tính). Chẳng hạn: 1 + 1= 2; 3 + 2 = 5; 4 + 3 = 7; 5 + 4 = 9; 6 + 4= 10;... |
|  | ***-*** *Sắp xếp* các thẻ phép cộng theo một quy tắc nhất định. Chẳng hạn: GV phối hợp thao tác cùng với HS, gắn từng thẻ phép tính lên bảng để tạo thành bảng cộng như SGK, đồng thời HS xếp các thẻ thành một bảng cộng trước mặt. |
| - HS nhận xét về đặc điểm của các phép cộng trong từng dòng hoặc tùng cột và ghi nhớ *Bảng cộng trong phạm vỉ 10.* | - GV giới thiệu *Bảng cộng trong phạm vi 10* và hướng dẫn HS đọc các phép tính trong bảng. |
| - HS đưa ra *phép cộng* và đố nhau tìm kết *quả* (làm theo nhóm bàn). |  |
|  | - GV tổng kết: Có thể nói:  Dòng thứ nhất được coi là Bảng cộng: Một số cộng 1. |
|  | Dòng thứ hai được coi là Bảng cộng: Một số cộng 2 |
|  | Dòng thứ ba được coi là Bảng cộng: Một số cộng 3. |
|  | …………………………………………………  Dòng thứ chín được coi là Bảng cộng: Một số cộng 9. |
| C. Hoạt động thực hành, luyện tập  Bài 1  - HS thực hiện | - Cho HS làm bài 1: Tìm kết quả các phép cộng nêu trong bài (có thể sử dụng *Bảng cộng trong phạm vi 10* đế tìm kết quả). |
| - Đổi vở, đặt câu hỏi cho nhau; đọc phép tính và nói kết quả tương ứng với mỗi phép tính. |  |
|  | ***-*** GV có thể nêu ra một vài phép tính đơn giản dễ nhẩm để HS trả lời miệng nhằm củng cố kĩ năng tính nhẩm, hoặc HS tự nêu phép tính rồi đố nhau tìm kết quả phép tính. Chẳng hạn: 7+1; 1+7; 8 +2; 2 +8;... |
| Bài 2  - Chia sẻ trước lớp. | - Cho HS tự làm bài 2: Thực hiện tính cộng để tìm kết quả rồi chọn ô có số chỉ kết quả tương ứng; Thảo luận với bạn về chọn ô có sổ chỉ kết quả thích hợp; |
|  | GV chốt lại cách làm bài. Có thể tổ chức thành trò chơi chọn thẻ “kết quả” đề gắn với thẻ “phép tính” tương ứng. |
| Bài 3  - Chia sẻ trước lớp. | - Cho HS quan sát tranh, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng.  a) Hai đội chơi kéo co. Bên trái có 5 bạn. Bên phải có 5 bạn. Có tất cả bao nhiêu bạn? Phép tính tương ứng là 5 + 5 = 10. |
|  | b) Có 7 bạn đang trồng cây. Thêm 2 bạn cầm bình tưới đi đến. Có tất cả bao nhiêu bạn? Phép tính tương ứng là 7 + 2 = 9. |
|  | - GV nên khuyến khích HS suy nghĩ, nói theo cách cúa các em và khuyến khích HS trong lớp đặt thêm câu hỏi cho nhóm trình bày. |
| D. Hoạt động vận dụng  - HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 10. |  |
| E. Củng cố, dặn dò  - Trả lời     * Lắng nghe | - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?  - về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 10 đe hôm sau chia sẻ với các bạn. |

**TUẦN 10**

**TOÁN**

**LUYỆN TẬP**

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Yêu cầu cần đạt:**

- Củng cố về phép cộng và làm tính cộng trong phạm vi 10.

- Vận dụng được kiến thức, kỹ năng về phép cộng trong phạm vi 10 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

**2. Phẩm chất:**

**-** Học sinh tích cực, hứng thú, chăm chỉ thực hiện các yêu cầu của giáo viên nêu ra.

**3/Năng lực:**

- Phát triển các NL toán học: NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

- Có khả năng cộng tác, chia sẻ với bạn.

**II.CHUẨN BỊ:**

- Các thẻ phép tính như ở bài 1.

- Một số tình huống đơn giản đẫn tới phép cộng trong phạm vi 10.

**III .CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| A. Hoạt động khởi động  HS chia sẻ các tình huống có phép cộng trong thực tể gắn với gia đình em. Hoặc chơi trò chơi “Đố bạn” đề ôn tập *Bảng cộng trong phạm vi 10.* |  |
| B. Hoạt động thực hành, luyện tập  Bài 1  - HS thực hiện  - Đổi vở, đặt câu hỏi cho nhau và nói cho nhau về kết quả của mỗi phép tính. Chia sẻ trước lớp.  Bài 2  - HS thực hiện  Bài 3 | - Cho HS làm bài 1: Tìm kết quả các phép cộng nêu trong bài (thể hiện trong các thẻ ghi phép tính). |
| - Cho HS làm bài 2: Tìm kết quả các phép cộng nêu trong bài (HS có thể tính nhẩm hoặc dùng *Bảng cộng trong phạm vi 10 để* tính). |
| - Cho HS quan sát các ngôi nhà và số ghi trên mỗi mái nhà để nhận ra các phép tính trong ngôi nhà có kết quả là số ghi trên mái nhà. HS lựa chọn số thích họp trong mỗi dấu ? của từng phép tính sao cho kết quả mỗi phép tính đó là số ghi trên mái nhà, ví dụ ngôi nhà ghi sô 7 có các phép tính: 5 +2; 4+ 3 ;6+ 1 . |
| - HS chia sẻ với bạn, đặt câu hỏi cho nhau, cùng tìm thêm các phép tính có thế đặt vào mỗi ngôi nhà. |  |
|  | - GV chốt lại cách làm. GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em. |
| **Bài 4.**  Chia sẻ trong nhóm. | Cho HS quan sát tranh, suy nghĩ cách giải quyết vấn đề nêu lên qua bức tranh.  a)Vấn đề đặt ra là: Tìm hai số để khi cộng lại ta được kết quả là 10, nghĩa là: Nếu chọn trước một số thì cần tìm số còn lại sao cho cộng hai số ta được kết quả là 10. Dựa vào *Bảng cộng trong phạm vi 10* đế tìm số còn lại. Ví dụ: Nếu chọn số 9 thì số còn lại là 1; nếu chọn số 5 thì số còn lại phải là 5. |
| - Chia sẻ trước lớp. | b) Cá nhân HS quan sát tranh, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng. |
|  | *Vỉ dụ:* Trong hộp có 5 chiếc bút màu. Bạn Lan bỏ thêm vào 3 chiếc. Trong hộp có tất cả bao nhiêu chiếc bút màu? |
|  | Thực hiện phép cộng 5 + 3 = 8. Có 8 chiếc bút màu.  Vậy phép tính thích hợp là 5 + 3 = 8. |
| C. Hoạt động vận dụng  HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 10. |  |
| D.Củng cố, dặn dò  - Trả lời     * Lắng nghe | Bài học hôm nay, các em biết thêm được điều gì?  - về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 10 để hôm sau chia sẻ với các bạn. |

**TOÁN**

**KHỐI HỘP CHỮ NHẬT – KHỐl LẬP PHƯƠNG**

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Yêu cầu cần đạt:**

- HS có biểu tượng về khối hộp chữ nhật, khối lập phương.

- Đếm được số khối hộp chữ nhật, khối lập phương.

- Xếp được các hình bằng những khối hộp chữ nhật, khối lập phương để tạo ra hình mới.

- Nhận biết các đồ vật có trong thực tế có dạng khối hộp chữ nhật, khối lập

**2. Phẩm chất:**

**-** Học sinh tích cực, hứng thú, chăm chỉ thực hiện các yêu cầu của giáo viên nêu ra.

**3/Năng lực:**

- Phát triển các NL toán học:NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

- Có khả năng cộng tác, giao tiếp, chia sẻ với bạn.

**II.CHUẨN BỊ:**

- Một số đồ vật có dạng khối hộp chữ nhật, khối lập phương.

- Một số khối hộp chữ nhật, khối lập phương bằng gỗ hoặc bằng nhựa màu sắc khác nhau.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| A.Hoạt động khởi động  Thực hiện theo nhóm, HS đặt các đồ vật đã chuẩn bị lên bàn, các bạn trong nhóm cầm đồ vật, chia sẻ hiểu biết về hình dạng cùa đồ vật đó. |  |
| B.Hoạt động hình thành kiến thức  HS lấy ra một nhóm các đồ vật có hình dạng và màu sắc khác nhau. | 1.HS thực hiện lần lượt các thao tác sau dưới sự hướng dẫn của GV: |
| HS lấy ra một số khối hộp chữ nhật với màu sác và kích thước khác, nói: “Khối hộp chữ nhật”. | - GV hướng dẫn HS quan sát một khối hộp chữ nhật, xoay, lật, chạm vào các mặt của khối hộp chữ nhật đó và nói: “Khối hộp chữ nhật”. |
| - HS cầm hộp sữa có dạng khối hộp chữ nhật nói: “Hộp sữa có dạng khối hộp chữ nhật”. |  |
| - Thực hiện thao tác tương tự với khối lập phương. |  |
| C. Hoạt động thực hành, luyện tập  **Bài 1.** HS thực hiện theo cặp:  HS có thể kể thêm các đồ vật xung quanh lớp học có dạng khối hộp chữ nhật, khối lập phương. | 2.HS thực hành theo nhóm yêu cầu: xếp riêng đồ vật thành hai nhóm (các đồ vật dạng khối hộp chữ nhật, các đồ vật có dạng khối lập phương). |
| - Cho HS xem tranh và nói cho bạn nghe đồ vật nào có dạng khối hộp chữ nhật, đồ vật nào có dạng khối lập phương. Chắng hạn: Tủ lạnh có dạng khối hộp chữ nhật, con súc sắc có dạng khối lập phương. |
| Bài 2a)HS tự đếm số khối hộp chữ nhật, khối lập phương ở mỗi hình vẽ. Chia sẻ kết quả. Chắng hạn: Chiếc bàn gồm 5 khối hộp chữ nhật; Con ngựa gồm 10 khối lập phương và 4 khối hộp chữ nhật.  b) HS suy nghĩ, sử dụng các khối hộp chữ nhật, khối lập phương để ghép thành các hình như gợi ý hoặc các hình theo ý thích. Mời bạn xem hình mới ghép được và nói cho bạn nghe ý tưởng ghép hình của mình. |  |
|  |
| GV khuyến khích HS đặt câu hỏi cho bạn. |
| - Chia sẻ trước lớp. |  |
| D.Hoạt động vận dụng  **Bài 3.** Thực hiện theo cặp hoặc theo nhóm: Kể tên các đồ vật có dạng khối hộp chữ nhật, khối lập phương trong thực tế.  E.Củng cố, dặn dò  - Trả lời     * Lắng nghe | - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì? Từ ngữ toán học nào em cần chú ý?  - Về nhà, em hãy quan sát xem những đồ vật nào có dạng khối hộp chữ nhật, những đồ vật nào có dạng khối lập phương để hôm sau chia sẻ với các bạn. |

**TOÁN**

**LÀM QUEN VỚI PHÉP TRỪ - DẤU TRỪ**

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Yêu cầu cần đạt:**

- Làm quen với phép trừ qua các tính huống có thao tác bớt, nhận biết cách sử dụng các dấu -, =.

- Nhận biết ý nghĩa của phép trừ (với nghĩa bớt) trong một số tình huống gắn với thực tiễn.

**2. Phẩm chất:**

**-** Học sinh tích cực, hứng thú, chăm chỉ thực hiện các yêu cầu của giáo viên nêu ra.

**3. Năng lực:**

- Phát triển các NL toán học: NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

- Có khả năng cộng tác, chia sẻ với bạn.

**II.CHUẨN BỊ:**

- Các que tính, các chấm tròn, các thẻ số, các thẻ dấu (-, =), thanh gài phép tính.

- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép trừ (với nghĩa bớt).

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| A.Hoạt động khởi động |  |
| - Cho HS thực hiện lần lượt các hoạt động sau (theo cặp hoặc nhóm bàn): |  |
| *+ Quan sát* bức tranh tình huống.  *+ Nói* với bạn về những điều quan sát được từ bức tranh, chẳng hạn: Có 5 con chim đậu trên cây. Có 2 con bay đi. Trên cây còn lại bao nhiêu con chim? |  |
|  | - GV hướng dẫn HS xem tranh, giao nhiệm vụ và gợi ý để HS chia sẻ những gì các em quan sát được. |
| B. Hoạt động hình thành kiến thức  - HS thực hiện | 1.HS thực hiện lần lượt các hoạt động sau: |
| - HS nói, chẳng hạn: “Có 5 que tính. Bớt đi 2 que tính. Còn lại 3 que tính”. | - Lấy ra 5 que tính. *Bớt đi* 2 que tính. Hỏi còn lại bao nhiêu que tính? |
| - HS làm tương tự với các chấm tròn: Lấy ra 5 chấm tròn. Bớt đi 2 chấm tròn. Hỏi còn lại bao nhiêu chấm tròn? |  |
|  | 2.GV lưu ý hướng dẫn HS sử dụng mẫu câu khi nói: *Có... Bớt đi... Còn ...* |
| - HS nghe GV giới thiệu phép trừ, dấu trừ: nhìn 5-2 = 3; đọc *năm trừ hai bằng ba* | 3.Hoạt động cả lớp:  - GV dùng các chấm tròn để diễn tả các thao tác HS vừa thực hiện. |
|  | GV giới thiệu cách diễn đạt bằng kí hiệu toán học 5-2 = 3. |
| - HS tự nêu tình huống tưcmg tự rồi đố nhau đưa ra phép trừ. | 4. Củng cố kiến thức mới:  - GV nêu tình huống khác, HS đặt phép trừ tương ứng rồi gài thẻ phép tính vào thanh gài. Chẳng hạn: GV nêu: “Có 5 chấm tròn. Bớt đi 3 chấm tròn. Hỏi còn lại bao nhiêu chấm tròn? Bạn nào nêu được phép tính”. HS gài phép tính 5-3=2 vào thanh gài. |
| C. Hoạt động thực hành, luyện tập  Bài 1  - HS thực hiện | - Cho HS làm bài 1: HS quan sát tranh, chẳng hạn: |
|  | + Có 3 chú ếch đang ngồi trên lá sen, 1 chú ếch nhảy xuống ao. Hỏi còn lại bao nhiêu chú ếch đang ngồi trên lá sen? |
| - Đổi vở, đặt câu hỏi cho nhau, nói cho nhau về tình huống trong bức tranh và phép tính tưong ứng. Chia sẻ trước lớp. | + Đọc phép tính và nêu số thích họp ở ô dấu ? rồi ghi phép tính 3-1=2 vào vở. |
|  | - GV chốt lại cách làm bài, gợi ý để HS sử dụng mẫu câu khi nói về các bức tranh: *Có... Bớt đi... Còn...* |
| **Bài 2.** - Cho HS quan sát tranh vẽ, nhận biết phép tính thích họp với từng tranh vẽ; Thảo luận với bạn về chọn phép tính thích hợp cho từng tranh vẽ, lí giải bằng ngôn ngữ cá nhân. |  |
| . Chia sẻ trước lớp. | GV chốt lại cách làm bài. |
| **Bài 3.** Cá nhân HS quan sát các tranh vẽ, nêu phép tính phù hợp với mỗi tranh vẽ dựa trên sơ đồ đã cho, suy nghĩ và kể cho bạn nghe một tình huống theo mỗi tranh vẽ | GV chốt lại cách làm bài. |
| - Chia sẻ trước lớp. |  |
| D. Hoạt động vận dụng  HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép trừ (với nghĩa bớt) rồi chia sẻ với bạn, chẳng hạn: “Hà có 5 cái kẹo. Hà cho bạn 1 cái kẹo. Hỏi Hà còn lại mấy cái kẹo?”.  E. Củng cố, dặn dò  - Trả lời   * Lắng nghe | Bài hôm nay, các em biết thêm được điều gì?  về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép trừ để hôm sau chia sẻ với các bạn. |

**TUẦN 11**

**TOÁN**

PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 6

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Yêu cầu cần đạt:**

- Biết cách tìm kết quả của một phép trừ trong phạm vi 6.

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép trừ trong phạm vi 6 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

**2. Phẩm chất:**

**-** Học sinh tích cực, hứng thú, chăm chỉ thực hiện các yêu cầu của giáo viên nêu ra.

**3/Năng lực:**

- Phát triển các NL toán học: NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

**II.CHUẨN BỊ:**

- Các que tính, các chấm tròn.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| A. Hoạt động khởi động  HS thực hiện lần lượt các hoạt động (theo cặp hoặc nhóm bàn): | -Hướng dẫn học sinh quan sát và phân tích tranh |
| *Quan sát* bức tranh trong SGK.*- Nói* với bạn về những điều quan sát được từ bức tranh liên quan đến phép trừ. chăng hạn: |  |
| + Có 4 cái bánh. An ăn 1 cái bánh. Còn lại bao nhiêu cái bánh?  Đếm rồi nói: Còn 3 cái bánh.  + Ngồi quanh bàn có 5 bạn, 2 bạn đã rời khỏi bàn. Còn lại bao nhiêu bạn? |  |
| Đếm rồi nói: Còn lại 3 bạn đang ngồi quanh bàn. |  |
| Chia sẻ trước lóp: đại diện một số bàn, đứng tại chỗ hoặc lên bảng, thay nhau nói một tình huống có phép trừ mà mình quan sát được. | - Làm tương tự với tình huống: Có 5 cốc nước cam. Đã uống hết 3 cốc. Còn lại 2 cốc chưa uống. |
| B. Hoạt động hình thành kiến thức  HS *quan sát* tranh vẽ “chim bay” trong khung kiến thức. | 1.GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các thao tác sau: |
| HS nói: Có 6 con chim - Lấy ra 6 chấm tròn.  Có 4 con bay đi - Lấy đi 4 chấm tròn. |  |
| HS nói: 6 - 4 = 2. | Để biết còn lại bao nhiêu con chim (hay chấm tròn) ta thực hiện phép trừ 6 - 4. |
|  | 2. Cho HS thực hiện tương tự với tình huống “cốc nước cam” và nói kết quả phép trừ 5 - 3 = 2. |
|  | 3.GV lưu ý hướng dẫn HS sử dụng mầu câu khi nói: *Có... Bay đi... (hoặc đã uống hết) Còn...* |
| - HS đặt phép trừ tương ứng. | 4.Củng cố kiến thức mới:  - GV nêu một sổ tình huống khác. HS đặt phép trừ tương ứng. GV hướng dẫn HS tìm kết quả phép trừ theo cách vừa học rồi gài kết quà vào thanh gài. |
| - HS thực hiện | - Cho HS tự nêu tình huống tương tự rồi đố nhau đưa ra phép trà (làm theo nhóm bàn). |
|  | ***Lưu ý:*** Ngoài việc dùng các chấm tròn, HS có thể dùng ngón tay, que tính hoặc đồ vật khác để hồ trợ các em tính ra kết quả. Tuỳ theo đối tượng HS và điều kiện thực tế, GV có thê khuyến khích HS suy nghĩ, chẳng hạn: Để tìm kết quả phép tính, không dùng các chấm tròn mà hãy tưởng tượng trong đầu để tìm kết quả |
| C. Hoạt động thực hành, luyện tập  Bài 1  Đổi vở, đặt và trả lời câu hỏi để kiểm tra các phép tính đã thực hiện. Chia sẻ trước lớp.  **Bài 2.** Cá nhân HS tự làm bài 2: Tìm kết quả các phép trừ nêu trong bài (HS có thê dùng thao tác đếm lùi để tìm kết quả phép tính). | - Cho HS làm bài 1: Tìm kết quả các phép trừ nêu trong bài (HS cỏ thể dùng các chấm tròn và thao tác đếm lùi để tìm kết quả phép tính). |
| Đổi vở, đặt và trả lời câu hỏi để kiểm tra các phép tính đã thực hiện. Chia sẻ trước lớp. | Chốt lại cách là bài, nhận xét, tuyên dương |
| **Bài 3** |  |
| - HS quan sát tranh,. Chia sẻ trước lóp. | - Cho HS quan sát tranh, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe một tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lóp. |
| HS làm tương tự với các trường hợp còn lại. | *Ví dụ:* Có 3 miếng bánh. Chú chuột ăn mất 1 miếng bánh. Hỏi còn lại mấy miếng bánh? Phép tính tương ứng là: 3 - 1 = 2. |
|  | - GV khuyến khích HS tập kể chuyện theo mỗi phép tính để thành một câu chuyện. |
| D.Hoạt động vận dụng  HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 6. |  |
| E.Củng cố, dặn dò  - Trả lời     * Lắng nghe | - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?  - Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 6 để hôm sau chia sẻ với các bạn. |
|  |

**TOÁN**

LUYỆN TẬP

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Yêu cầu cần đạt:**

- Củng cố kỹ năng làm tính trừ trong phạm vi 6 .

- Vận dụng được kiến thức, kỹ năng về phép trừ trong phạm vi 6 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

**2. Phẩm chất:**

**-** Học sinh tích cực, hứng thú, chăm chỉ thực hiện các yêu cầu của giáo viên nêu ra.

**3. Năng lực:**

- Phát triển các NL toán học: NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

**II. CHUẨN BỊ:**

- Các que tính và các chấm tròn.

- Một số tình huống thực tế đơn giản có liên quan đến phép trừ trong phạm vi 6.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| **A.Hoạt động khởi động**  -HS thực hiện các hoạt động sau: |  |
| + Chơi trò chơi “Truyền điện” ôn tập phép trừ trong phạm vi 6.  + Chia sẻ: Cách trừ của mình; Để có thể tìm nhanh, chính xác kết quả phép tính cần lưu ý điều gì? |  |
|  | - GV hướng dẫn HS chơi trò chơi, chia sẻ trước lớp. Khuyến khích HS nói, diễn đạt bằng chính ngôn ngữ của các em. |
| B. Hoạt động thực hành, luyện tập  Bài 1 | - Cho HS làm bài 1: |
|  | + Quan sát các thẻ chấm tròn. Đọc hiểu yêu cầu đề bài. |
| - HS đặt câu hỏi, nói cho nhau về tình huống đã cho và phép tính tương ứng. | + Tìm kết quả các phép trừ nêu trong bài.  + Chọn số thích hợp đặt vào ô ? . |
|  | - GV chốt lại cách làm, có thể làm mẫu 1 phép tính. Gọi một vài cặp HS chia sẻ cách tính nhẩm cho cả lớp nghe. |
| **Bài 2.** Cá nhân HS tự làm bài 2: Tìm kết quả các phép trừ nêu trong bài (HS có thể dùng thao tác đếm lùi để tìm kết quả phép tính). |  |
|  | ***Lưu ý:*** Ở bài này HS có thể tìm kết quả phép tính bằng nhiều cách khác nhau (có thể nhẩm, có thể dùng thanh chấm tròn, que tính, ngón tay,...), GV nên quan sát cách HS tìm ra kết quả phép tính hơn là chi chú ý đến kết quả của phép tính. |
| Bài 3  Thảo luận với bạn về chọn ổ có số chỉ kết quả thích hợp, lí giải bằng ngôn ngữ cá nhân. Chia sẻ trước lớp. | - Cho HS tự làm bài 3: Thực hiện tính trừ để tìm kết quả rồi chọn ổ có ghi số chỉ kết quả tương ứng. |
|  | ***Lưu ý:*** Có thể tổ chức thành trò chơi chọn thẻ “kết quả” để gắn với thẻ “phép tính” tương ứng. |
| Bài 4  - HS quan sát tranh. Chia sẻ trước lóp. | - Cho HS quan sát tranh, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lóp. |
| HS làm tương tự với trường hợp b). | *Vi dụ:* a) Trong bến có 6 xe ô tô. Có 3 xe ô tô rời khỏi bến. Còn bao nhiêu xe ô tô đang đậu trong bến? Thực hiện phép trừ 6 - 3 = 3. Còn 3 xe ô tô đang đậu trong bến.  Vậy phép tính thích hợp là 6 - 3 = 3. |
|  | GV khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em, khuyến khích HS trong lớp đặt thêm câu hỏi cho nhóm trình bày. |
| C. Hoạt động vận dụng  - Cho HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 6. |  |
| D. Củng cố, dặn dò   * Lắng nghe | về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 6 để hôm sau chia sẻ với các bạn. |

**TUẦN 12**

**TOÁN**

**PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 6 (tiếp theo)**

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Yêu cầu cần đạt**

- Tìm được kết quả các phép trừ trong phạm vi 6; thành lập bảng trừ trong phạm vi 6.

- Vận dụng được kiến thức, kỹ năng về phép trừ trong phạm vi 6 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

**2. Phẩm chất:**

**-** Học sinh tích cực, hứng thú, chăm chỉ thực hiện các yêu cầu của giáo viên nêu ra.

**3. Năng lực:**

- Thông qua việc thao tác với que tính hoặc các chấm tròn, HS có cơ hội được phát triển NL sử dụng công cụ và phương tiện học toán.

- Phát triển các NL toán học: NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

**II.CHUẨN BỊ:**

- Các que tính, các chấm tròn, các thẻ phép tính trừ trong phạm vi 6.

Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép trừ trong phạm vi 6.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| A.Hoạt động khởi động  - HS chơi trò chơi “Đố bạn”  - HS thể hiện trên các thẻ phép tính  **B.Hoạt động hình thành kiến thức**  -HS nhận xét | - HDHS chơi trò chơi “Đố bạn” để tìm kết quả của các phép trừ trong phạm vi 6 đã học.  - HDHS thực hiện lần lượt các hoạt động sau:  - Tìm kết quả từng phép trừ trong phạm vi 6 chẳng hạn: 2 - 1 = 1;3 - 2=1;4 - 1=3;5 -3 = 2.  *-* GV giới thiệu *Bảng trừ trong phạm vỉ 6* và hướng dẫn HS đọc các phép tính trong bảng.  - HS nhận xét về đặc điểm của các phép trừ trong từng dòng hoặc từng cột và ghi nhớ *Bảng trừ trong phạm vi 6.*  - HS đưa ra *phép trừ* và đố nhau tìm *kết quả*  - GV tổng kết |
| C. Hoạt động thực hành, luyện tập  Bài 1  -HS Đối vở, đặt câu hỏi cho nhau đọc phép tính và nói kết quả tương ứng với mỗi phép tính. | - Bài 1: Tìm kết quả các phép trừ nêu trong bài.  ***-*** GV nêu ra một vài phép tính đơn giản dễ nhẩm để HS trả lời miệng nhằm củng cố kĩ năng tính nhấm, hoặc HS tự nêu phép tính rồi đố nhau tìm kết quả phép tính. Chẳng hạn: 4 - 1; 5 - 1; 6 - 6, ... |
| Bài 2  -HS Tìm kết quả các phép trừ nêu trong bài.  + Thảo luận với bạn, chia sẻ trước lớp. | - HDHS tự làm bài 2:  + Tìm kết quả các phép trừ nêu trong bài.  + Chọn các phép trừ có kết quả là 2.  + Thảo luận với bạn, chia sẻ trước lớp.  - GV chốt lại cách làm bài. |
| Bài 3  -Chia sẻ trước lớp. | - Bài 3: Căn cứ vào bảng trừ trong phạm vi 6, thảo luận với bạn về chọn phép tính thích hợp cho từng ô ? , lí giải lí do lựa chọn bằng ngôn ngữ cá nhân. Chia sẻ trước lớp.  - GV chốt lại cách làm bài. |
| **Bài 4.**  - HS cách thực hiện phép trừ hai số bằng nhau và phép trừ cho số 0 | GV hướng dẫn HS cách thực hiện phép trừ hai số bằng nhau và phép trừ cho số 0. GV khuyến khích HS lấy thêm các ví dụ về phép trừ có kết quả là 0 và phép trừ cho số 0. |
| Bài 5  -HS Chia sẻ trước lớp.  *Vỉ dụ:* Bạn trai tạo được 5 bong bóng. Có 1 bong bóng bị vỡ. Còn lại bao nhiêu bong bóng? Chọn phép trừ 5 - 1 = 4 . Còn lại 4 bong bóng. | - HD HS quan sát tranh, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng.  HS là tương tự với các trường hợp còn lại.  - GV nhận xét |
| D.Hoạt động vận dụng  HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 6.  -HS thực hiện |  |
| **E.Củng cố, dặn dò**  - Trả lời     * Lắng nghe | Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?  về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 6 để hôm sau chia sẻ với các bạn. |

**TOÁN**

**LUYỆN TẬP**

**1.MỤC TIÊU:**

**1. Yêu cầu cần đạt:**

- Tổng số về bảng trừ và làm tính từ trong phạm vi 6.

- Vận dụng được kiến thức, kỹ năng về phép trừ trong phạm vi 6 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế

**2. Phẩm chất:**

**-** Học sinh tích cực, hứng thú, chăm chỉ thực hiện các yêu cầu của giáo viên nêu ra.

**3. Năng lực:**

- Phát triển các NL toán học: NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

**II.CHUẨN BỊ:**

- Các thẻ phép tính.

- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép trừ trong phạm vi 6.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| A. Hoạt động khởi động  HS chia sẻ các tình huống có phép trừ trong thực tế gắn với gia đình em. Hoặc chơi trò chơi “Truyền điện”, “Đố bạn” tìm kết quả của các phép trừ trong phạm vi 6 đã học.  **B. Hoạt động thực hành, luyện tập**  **Bài 1.** HS làm bài 1: Tìm kết quả các phép trừ nêu trong bài (thể hiện trong các thẻ ghi phép tính). |  |
| - HS thực hiện |  |
|  | ***Lưu ý:*** GV có thể tổ chức cho HS chơi theo cặp hoặc theo nhóm: một bạn lấy ra một thẻ phép tính đố bạn khác tìm kết quả và ngược lại. |
| Bài 2  - HS làm bài 2: Tìm kết quả các phép trừ nêu trong bài (HS có thể tính nhẩm hoặc dùng *Bảng trừ trong phạm vi 6* để tính).  - HS thực hiện |  |
| HS đổi vở, đặt và trả lời các câu hỏi để kiểm tra kết quả các phép tính vừa thực hiện |  |
|  | ***Lưu ý:*** Bài này yêu cầu tính nhẩm rồi nêu kết quả. GV nhắc HS lưu ý những trường hợp xuất hiện số 0 trong phép trừ. GV cũng có thể nêu ra một vài phép tính trừ để HS củng cố kĩ năng hoặc HS tự nêu phép trừ rồi đố nhau tìm kết quả phép tính. |
| Bài 3  - HS quan sát tranh, suy nghĩ và lựa chọn số thích hợp vào mỗi ô dấu ? của từng phép tính tương ứng sao cho các phép tính trong mỗi ngôi nhà có kết quả bằng số ghi trên mái nhà. Từ đó, HS tìm kết quả cho các trường hợp còn lại trong bài.  - HS thực hiện |  |
|  | GV chốt lại cách làm, gợi ý HS xem còn phép trừ nào cho kết quả bằng số ghi trên mái nhà nữa không. |
| **Bài 4.** ChoHS quan sát tranh, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp. |  |
| *Ví dụ:* Trong lồng có 5 con chim. Có 1 con bay ra khỏi lồng. Còn lại bao nhiêu con chim? Chọn phép trừ 5 - 1 = 4. Còn lại 4 con chim.  - HS thực hiện Chia sẻ trước lớp. | GV chốt lại cách làm, gợi ý HS xem còn phép trừ nào cho kết quả bằng số ghi trên mái nhà nữa không. |
| Bài 5  - Cho HS quan sát tranh, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe mỗi tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng. |  |
| *Ví dụ:* Có 5 con vịt, 1 con đã lên bờ. Còn lại mấy con vịt dưới ao?  Thực hiện phép trừ 5 - 1 = 4. |  |
|  | - GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em. |
| C. Hoạt động vận dụng  - Cho HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 6. |  |
| D.Củng cố, dặn dò  - Trả lời     * Lắng nghe | - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?  - Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 6 đế hôm sau chia sẻ với các bạn. |

**TUẦN 13**

**TOÁN**

**PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 1O**

I.MỤC TIÊU:

**1. Yêu cầu cần đạt:**

- Biết cách tìm kết quả một phép trừ trong phạm vi 10.

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép trừ trong phạm vi 10 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

**2. Phẩm chất:**

**-** Học sinh tích cực, hứng thú, chăm chỉ thực hiện các yêu cầu của giáo viên nêu ra.

**3. Năng lực:**

- Thông qua việc thao tác với que tính hoặc các chấm tròn, HS có cơ hội được phát triển NL sử dụng công cụ và phương tiện học toán.

- Phát triển các NL toán học: NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

**II.CHUẨN BỊ:**

- Các que tính, các chấm tròn.

- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép trừ trong phạm vi 10.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| A.Hoạt động khởi động  *-Nói* với bạn về những điều quan sát được từ bức tranh liên quan đến phép trừ, chẳng hạn:  + Có 7 bạn, 1 bạn đã rời khỏi bàn. Còn lại bao nhiêu bạn?  + Đếm rồi nói: Còn lại 6 bạn đang ngồi quanh bàn.  B.Hoạt động hình thành kiến thức | HS thực hiện lần lượt các hoạt động sau (theo cặp hoặc nhóm bàn):  *HD HS quan sát* bức tranh trong SGK.  - HDHS Làm tương tự với các tinh huống còn lại.  - GV nhận xét |
| -HS sử dụng các chấm tròn để tìm kết quả  - HS đặt phép trừ tương ứng.  -HS tự nêu tình huống tương tự rồi đố nhau đưa ra phép trừ (làm theo nhóm bàn). | - HDHS sử dụng các chấm tròn để tìm kết quả phép trừ: 7-1=6.  Tương tự HS tìm kết quả các phép trừ còn lại: 7-2; 8-l; 9-6.  GV chốt lại cách tìm kết quả một phép trừ.  Hoạt động cả lóp: GV dùng các chấm tròn để diễn tả các thao tác “trừ - bớt ” mà HS vừa thực hiện ở trên.  Củng cố kiến thức mới:  - GV nêu một số tình huống.  - GV hướng dần HS tìm kết quả phép trừ theo cách vừa học rồi gài kết quả vào thanh gài.phép trừ: 7-1=6. |
| C. Hoạt động thực hành, luyện tập  Bài 1  - HS có thể dùng các chấm tròn hoặc thao tác đếm lùi để tìm kết quả phép tính | - HD HS làm bài 1: Tìm kết quả các phép trừ nêu trong bài |
| - Đổi vở, đặt và trả lời câu hởi để kiểm tra các phép tính đã thực hiện | - GV có thể nêu ra một vài phép tính để HS củng cố kĩ năng. |
| Bài 2  -HS có thể dùng thao tác đếm lùi để tìm kết quả phép tính.  -Đổi vở, đặt và trả lời câu hỏi để kiểm tra các phép tính đã thực hiện. | - Tìm kết quả các phép trừ nêu trong bài  - GV nhận xét |
| Bài 3  -HS quan sát tranh đọc phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp., suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe về tình huống xảy ra trong tranh rồi | -HD HS quan sát tranh đọc phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp., suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe về tình huống xảy ra trong tranh rồi  *Vi dụ:* Có 9 mảnh gỗ cần sơn. Đã sơn được 7 mảnh. Hỏi còn lại mấy mảnh gỗ chưa sơn? Phép tính tương ứng là: 9 - 7 = 2.  - GV nhận xét |
| D. Hoạt động vận dụng  HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép trừ trong chạm vi 10. |  |
| E. Củng cố, dặn dò  - Trả lời     * Lắng nghe | - Bài học hôm nay, các em biết thêm được điều gì? HS có thể xem lại bức tranh khởi động trong sách nêu phép trừ tưong úng.  -Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 10 để hôm sau chia sẻ với các bạn. |

**TOÁN**

**LUYỆN TẬP**

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Yêu cầu cần đạt:**

- Củng cố kĩ năng làm tính trừ trong phạm vi 10.

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép trừ trong phạm vi 10 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

**2. Phẩm chất:**

**-** Học sinh tích cực, hứng thú, chăm chỉ thực hiện các yêu cầu của giáo viên nêu ra.

**3. Năng lực:**

- Phát triển các NL toán học: NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

**II.CHUẨN BỊ:**

- Các que tính, các chấm tròn.

- Một số tình huống thực tế đơn giản có liên quan đến phép trừ trong phạm vi 10.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| A. Hoạt động khởi động  -HSChơi trò chơi “Truyền điện”  -HS chia sẻ: Cách thực hiện phép trừ của mình; Để có thể tính nhanh, chính xác cần lưu ý điều gì? | HS thực hiện các hoạt động sau:  Chơi trò chơi “Truyền điện” ôn tập phép trừ trong phạm vi 10.  - GV nhận xét |
| B. Hoạt động thực hành, luyện tập  Bài 1  Quan sát các thẻ chấm tròn. Đọc hiểu yêu cầu đề bài.  -HS đặt câu hỏi, nói cho nhau về tình huống đã cho và phép tính tương ứng. | Cá nhân HS làm bài 1:  + Quan sát các thẻ chấm tròn. Đọc hiểu yêu cầu đề bài.  + Tìm kết quả các phép trừ nêu trong bài.  + Chọn số thích hợp đặt vào ô ? .  -GV nhận xét |
| Bàỉ 2  -Cá nhân HS tự làm bài 2: Tìm kết quả các phép trừ nêu trong bài  HS có thể dùng thao tác đếm lùi để tìm kết quả phép tính  Đổi vở, đặt và trả lời câu hỏi để kiểm tra các phép tính đã thực hiện. | -GV nhận xét |
| Bài 3  - Cá nhân HS tự làm bài 3:  a.Thực hiện các phép tính trừ để tìm kết quả, từ đó chỉ ra các phép tính sai. Cụ thể, các phép tính sai là: 10-5 = 4; 10 – 4 = 7; 7 – 2 = 9.  b.Sửa các phép tính sai cho đúng: 10-5 **= 5;** 10 – 4 = **6;** 7 – 2 = **5.**  -HS thảo luận với bạn về cách làm bài rồi chia sẻ trước lóp.  Bài 4 | -GV nhận xét |
| -HS quan sát | - HD HS quan sát tranh  *Ví dụ:* a) Có 7 chiếc mũ bảo hiểm. Các bạn lấy ra 2 chiếc để đội. Còn lại mấy chiếc mũ bảo hiểm trên bàn? |
| Thực hiện phép trừ 7 – 2 = 5. Còn 5 chiếc mũ bảo hiểm trên bàn. Vậy phép tính thích hợp là 7 – 2 = 5.  -HS kể | HDHS làm tương tự với hai trường hợp b), c).  HDHS tập kể cho bạn nghe tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp. |
| C. Hoạt động vận dụng  HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 10.  D.Củng cố, dặn dò |  |
| * Lắng nghe | Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 10 để hôm sau chia sẻ với các bạn. |

**TUẦN 14**

**TOÁN**

**PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 10 (tiếp theo)**

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Yêu cầu cần đạt:**

- Tìm được kết quả các phép trừ trong phạm vi 10 và thành lập bảng trừ trong phạm vi 10.

- Biết vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép trừ trong phạm vi 10 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

**2. Phẩm chất:**

**-** Học sinh tích cực, hứng thú, chăm chỉ thực hiện các yêu cầu của giáo viên nêu ra.

**3. Năng lực:**

- Phát triển các NL toán học: NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

**II.CHUẨN BỊ:**

- Các que tính, các chấm tròn, các thẻ phép tính trừ trong phạm vi 10.

- Một số tình huống đon giản dẫn tới phép trừ trong phạm vi 10.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| A.Hoạt động khởi động  Chia sẻ các tình huống có phép trừ trong thực tế gắn với gia đình em. Hoặc chơi trò chơi “Truyền điện”, “Đố bạn” để tìm kết quả của các phép trừ trong phạm vi 10 đã học |  |
| B.Hoạt động hình thành kiến thức  - HS thực hiện | - Cho HS tìm kết quả từng phép trừ trong phạm vi 10 (thể hiện trên các thẻ phép tính). Chẳng hạn: |
|  | 2-1 = 1; 3-2=1; 4-3 = 1; 6-4 = 2; 9-5 = 4;... |
|  | ***Lưu ý:*** GV có thế tổ chức cho HS tự tìm kết quả từng phép tính dưới dạng trò chơi theo cặp/nhóm: Bạn A rút một thẻ rồi đọc phép tính, đố bạn B nêu kết quả phép tính (có thể viết kết quả ra bên cạnh hoặc mặt sau). |
|  | - *Sắp xếp* các thẻ phép trừ theo một quy tắc nhất định. Chẳng hạn: GV phối hợp thao tác cùng với HS, gắn từng thẻ phép tính lên bảng để tạo thành bảng trừ như SGK, đồng thời HS xếp các thẻ thành một bảng trừ trước mặt. |
| HS đưa ra *phép trừ* và đố nhau tìm *Kếtquả* (làm theo nhóm bàn). | - GV giới thiệu *Bảng trừ trong phạm vi 10* và hướng dẫn HS đọc các phép tính trong bảng.  HS nhận xét về đặc điểm của các phép trừ trong từng dòng hoặc từng cột và ghi nhớ *Bảng trừ trong phạm vi 10.* |
|  | - GV tổng kết: Có thể nói:  Dòng thứ nhất được coi là Bảng trừ: Một số trừ đi l.  Dòng thứ hai được coi là Bảng trừ: Một số trừ đi 2.  ……………………………………………… |
|  | Dòng thứ mười được coi là Bảng trừ: Một số trừ đi 10. |
| C. Hoạt động thực hành, luyện tập  Bài 1  Cá nhân HS làm bài 1: Tìm kết quả các phép trừ nêu trong bài.  - Đổi vở, đặt câu hỏi cho nhau đọc phép tính và nói kết quả tương ứng với mỗi phép tính. |  |
|  | *Lưu ỷ:* Bài này trọng tâm là tính nhẩm rồi nêu kết quả. Nếu HS chưa nhẩm được ngay thì vẫn có thể dùng ngón tay, que tính,... để tìm kết quả. GV nên hướng dẫn HS vận dụng *Bảng trừ trong phạm vi 10 đế* tính nhẩm. |
| Bài 2  - Cho HS tự làm bài 2: Thực hiện tính trừ để tìm kết quả rồi chọn ô có số chỉ kết quả tương ứng; Thảo luận với bạn về chọn ô có số chỉ kết quả thích hợp; | - GV có thể nêu ra một vài phép tính đơn giản dễ nhẩm để HS trả lời miệng nhằm củng cố kĩ năng tính nhẩm, hoặc HS tự nêu phép tính rồi đố nhau tìm kết quả phép tính. Chẳng hạn: 9 - 1; 7 - 2; 8 - 8; ... |
| - Chia sẻ trước lớp |  |
|  | - GV chốt lại cách làm bài, có thể tổ chức thành trò chơi chọn thẻ “kết quả” để gắn với thẻ “phép tính” tương ứng. |
| Bài 3  - HS quan sát tranh, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng. |  |
| + Tranh bên trái có 10 bạn đi bơi, 1 bạn đang trèo lên bờ. Còn lại bao nhiêu bạn đang bơi? Phép tính tương ứng là: 10-1=9. |  |
| + Tranh bên phải có 9 bạn đi bơi, 2 bạn đang trèo lên bờ. Còn lại bao nhiêu bạn đang bơi? Phép tính tương ứng là: 9 - 2 = 7. |  |
|  | - GV khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em và khuyến khích HS trong lớp đặt thêm câu hỏi cho nhóm trình bày |
| D.Hoạt động vận dụng |  |
| HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 10.  E.Củng cố, dặn dò  - Trả lời     * Lắng nghe | - GV khuyến khích, tuyên dương HS    - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?  - Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 10 để hôm sau chia sẻ với các bạn. |

**TOÁN**

**LUYỆN TẬP (TIẾT 1)**

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Yêu cầu cần đạt:**

- Củng cố về bảng trừ và làm tính trừ trong phạm vi 10.

- Rèn kĩ năng làm tính cộng, trừ và vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

**2. Phẩm chất:**

**-** Học sinh tích cực, hứng thú, chăm chỉ thực hiện các yêu cầu của giáo viên nêu ra.

**3. Năng lực:**

- Phát triển các NL toán học: NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

**II.CHUẨN BỊ:**

- Các thẻ phép tính như ở bài 1 để HS chơi trò chơi tính nhẩm.

- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép trừ trong phạm vi 10.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| A. Hoạt động khởi động  Chia sẻ các tình huống có phép cộng trong thực tế gắn với gia đình em. Hoặc chơi trò chơi “Truyền điện”, “Đổ bạn” ôn tập cộng, trừ nhẩm trong phạm vi 10 để tìm kết quả của các phép tính trong phạm vi 10 đã học.  B. Hoạt động thực hành, luyện tập  Bài 1  - Cho HS làm bài 1: Tìm kết quả các phép cộng, trừ nêu trong bài (thể hiện trong các thẻ ghi phép tính). |  |
|  |
| - GV tổ chức thành trò chơi theo cặp hoặc theo nhóm: một bạn lấy ra một thẻ phép tính đố bạn khác tìm kết quả và nguợc lại. |
| Bài 2  - Cho HS làm bài 2: Tìm kết quả các phép cộng, trừ nêu trong bài (HS có thể tính nhẩm hoặc dùng *Bảng cộng, trừ trong phạm vi* 10 để tính).  - HS thực hiện đổi vở, đặt câu hỏi cho nhau nhận xét về các phép tính trong từng cột: |  |
|  |
|  | a)Ngầm giới thiệu “Tính chất giao hoán của phép cộng” thông qua các ví dụ cụ thể. |
| C.Củng cố, dặn dò   * Lắng nghe | b)Ngầm giới thiệu quan hệ cộng - trừ.  Chia sẻ truớc lớp. GV cũng có thể nêu thêm một vài phép tính khác để HS cúng cố kĩ năng, hoặc HS tự nêu phép tính rồi đố nhau tìm kết quả phép tính.  Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng, trừ trong phạm vi 10 để hôm sau chia sẻ với các bạn. |

**TUẦN 15**

**TOÁN**

**LUYỆN TẬP (TIẾT 2)**

**I.MỤC TIÊU:**

**1.1. Năng lực chung:**

- Củng cố về bảng trừ và làm tính trừ trong phạm vi 10 (làm bài tập 3 trang 70, bài 4 trang 71)

**1.2. Năng lực đặc thù:**

- Rèn kĩ năng làm tính cộng, trừ và vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển các NL toán học: NL giãi quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học

**2. Phẩm** **chất:**

- Học sinh tích cực, hứng thú, chăm chỉ. Thực hiện các yêu cầu của giáo viên nêu ra.

**II.CHUẨN BỊ:**

- Các thẻ phép tính như ở bài 1 để HS chơi trò chơi tính nhẩm.

- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép trừ trong phạm vi 10.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| A. Hoạt động khởi động  Chia sẻ các tình huống có phép cộng trong thực tế gắn với gia đình em. Hoặc chơi trò chơi “Truyền điện”, “Đổ bạn” ôn tập cộng, trừ nhẩm trong phạm vi 10 để tìm kết quả của các phép tính trong phạm vi 10 đã học.  **B. Luyện tập – thực hành** |  |
|  |
| **Bài 3.** HS quan sát mẫu, liên hệ với nhận biết về quan hệ cộng - trừ, suy nghĩ và lựa chọn phép tính thích hợp, ví dụ: 6 + 3 = 9; 3 + 6 = 9; 9 - 3 = 6; 9 — 6 = 3; ... |  |
| Từ đó HS tìm kết quả cho các trường hợp còn lại trong bài.  - HS quan sát tranh. Chia sẻ trước lớp.  Bài 4  - HS quan sát tranh, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp. | * Giáo viên giúp đỡ, chốt đáp án đúng |
| *Ví dụ:*  + Có 5 bạn đang bơi. Có 3 bạn trên bờ. Có tất cả bao nhiêu bạn? |  |
| Chọn phép cộng 5 + 3 = 8 hoặc 3 + 5 = 8.  + Có tất cả 8 bạn, trong đó có 3 bạn trên bờ. Còn lại bao nhiêu bạn đang bơi?  Chọn phép trừ 8 - 3 = 5. |  |
| + Có tất cả 8 bạn, trong đó có 5 bạn đang bơi. Còn lại bao nhiêu bạn trên bờ?  Chọn phép trừ 8 - 5 = 3. |  |
|  | - GV lưu ý HS về quan hệ cộng – trừ. Sử dụng quan hệ cộng - trừ để tính nhẩm thông qua các ví dụ đơn giản. |
| C.Hoạt động vận dụng  - Cho HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép cộng, trừ trong phạm vi 10. |  |
| D.Củng cố, dặn dò   * Lắng nghe | Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng, trừ trong phạm vi 10 để hôm sau chia sẻ với các bạn. |

**TOÁN**

**LUYỆN TẬP (2 tiết)**

**I.MỤC TIÊU :**

***1.1. Năng lực chung*:**

- Củng cố về bảng trừ và làm tính trừ trong phạm vi 10 (làm bài tập 1,2, 3 trang 72)

***1.2. Năng lực đặc thù:***

- Rèn kĩ năng làm tính cộng, trừ và vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển các NL toán học: NL giãi quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học

**2. Phẩm** **chất:**

- Học sinh tích cực, hứng thú, chăm chỉ. Thực hiện các yêu cầu của giáo viên nêu ra.

**II.CHUẨN BỊ :**

- Các thẻ số và phép tính.

- Một số tình huống đơn giản dần tới phép cộng hoặc trừ trong phạm vi 10.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| A. Hoạt động khởi động  HS chia sẻ các tình huống có phép cộng hoặc trừ (trong phạm vi 10) trong thực tế gắn với gia đình em. Hoặc chơi trò chơi “Truyền điện”, “Đố bạn” ôn tập cộng, trừ nhẩm trong phạm vi 10. |  |
| B. Hoạt động thực hành, luyện tập  Bài 1 | - Cho HS làm bài 1: |
| Đổi vở, đặt câu hỏi cho nhau và nói cho nhau về tình huống đã cho và phép tính tương ứng. | + Tìm các số phù họp cho mỗi ô ? .  + Củng cố nhận biết về quan hệ cộng - trừ. |
| - HS chia sẻ | GV chố*t lại cách làm bài; gọi một vài cặp HS chia sẻ cách làm cho cả lóp nghe.* |
| **Bài 2** | - Cho HS làm bài 2: Dựa vào hình ảnh trực quan để tìm số phù hợp cho mỗi ô dấu ? (HS có thể dựa vào phép đếm hoặc dùng Bảng cộng, trừ trong phạm vi 10 để tìm số thích hợp trong ô trống) |
| - HS đặt câu hỏi, nói cho nhau về tình huống trong bức tranh và phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp. | - Cho HS đặt câu hỏi, nói cho nhau về tình huống trong bức tranh và phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp. |
|  | GV cũng có thể nêu ra một vài phép tính tương tự để HS củng cố kĩ năng, hoặc HS tự nêu phép tính rồi đố nhau tìm kết quả phép tính. |
| **Bài 3.** HS làm tương tự như bài 2: Quan sát hình vẽ, đếm hoặc dùng *Bảng cộng, trừ trong phạm vi 10* để tìm số cúc áo còn thiếu rồi nêu số phù hợp cho mỗi ô ? | GV củng cố tuyên dương, có thể tổ chức thành trò chơi vẽ thêm, gắn thêm số cúc áo thích hợp cho mỗi người tuyết. |
| Bài 4  - Cá nhân HS quan sát tranh, suy nghĩ tìm số thích hợp trong ô ? rồi chia sẻ với bạn cách làm của mình. Lí giải cách quan sát để tìm số thích hợp. |  |
| *Ví dụ:* Có tất cả 6 chú voi. Có 2 chú voi đang căng băng rôn. Có bao nhiêu chú voi đứng ở sau băng rôn? |  |
|  | - GV khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em, khuyến khích HS trong lớp đặt thêm câu hỏi cho nhóm trình bày. |
| **Bài 5.** Cho HS quan sát tranh, suy nghĩ về tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng. |  |
| *Ví dụ:* Có 9 con gà. Có 3 con gà đang đứng ngoài lùm cây. Có bao nhiêu con gà đang nấp trong bụi cây? |  |
| - HS nêu, nhận xét | - GV khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em. |
| D. Củng cố, dặn dò   * Lắng nghe | về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng, trừ trong phạm vi 10 để hôm sau chia sẻ với các bạn. |

**TUẦN 16**

**TOÁN**

LUYỆN TẬP (2 TIẾT)

**I.MỤC TIÊU :**

**1. Yêu cầu cần đạt:**

- Làm quen với việc thực hành tính trong trường hợp có liên tiếp 2 dấu phép tính cộng hoặc có liên tiếp 2 dấu phép tính trừ (theo thứ tự từ trái sang phải) và không xét trường hợp có cả dấu phép tính cộng và dấu phép tính trừ.

- Củng cố kĩ năng làm tính cộng, trừ trong phạm vi 10 và vận dụng vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

**2. Phẩm chất :**

- Phát triển các NL toán học: NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

**3. Năng lực:**

- Phát triển các NL toán học: NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

**II.CHUẨN BỊ:**

- Các thẻ số và phép tính.

- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép cộng hoặc trừ trong phạm vi 10.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| A. Hoạt động khởi động  Chơi trò chơi “Truyền điện”, “Đố bạn” ôn tập cộng, trừ nhẩm trong phạm vi 10. |  |
| B.Hoạt động thực hành, luyện tập  **Bài 1.** | Bài này yêu cầu HS thực hành tính trong trường hợp có liên tiếp 2 dấu phép tính cộng. |
| - HS quan sát tranh, suy nghĩ về tình huống xảy ra trong tranh rồi nêu cách giải quyết vấn đề. Chia sẻ trước lớp. | - Cho HS quan sát tranh, suy nghĩ về tình huống xảy ra trong tranh rồi nêu cách giải quyết vấn đề. |
| -HS thực hiện từ trái sang phải 5 + 2 = 7; 7 + 1= 8. | *Ví dụ:* Với câu a), HS nói: Rổ thứ nhất có 5 quả bí ngô. Rổ thứ hai có 2 quả. Anh Tuấn chở thêm đến 1 quả bí ngô nữa. Hỏi có tất cả bao nhiêu quả bí ngô? Ta có 5 + 2 + 1= ?  -- GV hướng dần HS cách tính 5 + 2 + 1 = ? |
|  |  |
|  | - GV thay đổi tình huống (thay đổi số lượng quả bí ngô hoặc thay tình huống khác) để HS củng cố cách tính, chẳng hạn: 4 + 2 + 1 ;5 + l + l;6 + 2 + l;2 + 2+ l;... |
|  | ***Lưu ý:*** Giai đoạn đầu khi HS mới làm quen với thực hiện tính trong trường hợp có hai dấu phép tính cộng theo thứ tự từ trái sang phải, GV có thể cho phép HS viết kết quả ở bước trung gian. Sau này, khi HS đã biết cách tính, không nên viết kết quả trung gian nữa mà chỉ viết kết quả cuối cùng.  Với câu b): HS thực hiện và nói với bạn cách tính của mình. GV có thể đưa thêm một vài phép tính khác để HS thực hiện. |
| **Bài 2.** | Yêu cầu HS thực hành tính trong trường hợp có liên tiếp 2 dấu phép tính trừ. |
| - HS quan sát tranh. Chia sẻ trước lớp. | - Cho HS quan sát tranh, suy nghĩ về tình huống xảy ra trong tranh rồi nêu cách giải quyết vấn đề. Chia sẻ trước lớp. |
| -HS thực hiện từ trái sang phải: 8-3 = 5; 5-1= 4. | *Ví dụ:* Với câu a), HS nói:  Có 8 quả mướp. Lần thứ nhất chị Lan hái 3 quả. Sau đó, chị Lan hái thêm 1 quả nữa. Hỏi còn lại bao nhiêu quả mướp?  -Ta có 8 - 3 - 1 = ?  - GV hướng dần HS cách tính 8 - 3 - 1 = ? |
|  |  |
|  | - GV thay đổi tình huống (thay đổi số lượng quả mướp hoặc thay tình huống khác) để HS củng cố cách tính, chẳng hạn: 7 - 3 - 1; 8 - 1 - 1; 8 - 3 - 2; ... |
|  | Với câu b): HS thực hiện và nói với bạn cách tính của mình. GV có thê đưa thêm một vài phép tính khác để HS thực hiện. |
| Bài 3 | - Trước hết HS làm tính với trường hợp có liên tiếp 2 dấu phép tính cộng. |
|  | - Sau đó HS làm tính với trường hợp có liên tiếp 2 dấu phép tính trừ. |
| - HS thực hiện | - Cho HS nói cách thực hiện trong từng hợp.  - Cho HS tự nêu thêm ví dụ tương tự đố bạn thực hiện. |
| **Bài 4.**  - HS quan sát tranh. Chia sẻ trước lớp. | Cho HS quan sát tranh, suy nghĩ về tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng. |
|  | * Ở bức tranh thứ nhất:   Có 4 con chim ở tốp thứ nhất đang đậu trên cây. Có 3 con chim ở tốp thứ hai bay đến. Tiếp tục có 3 con chim ở tốp thứ ba bay đến. Hỏi có tất cả bao nhiêu con chim? |
|  | Ta có 4 + 3 + 3 = 10. Vậy có tất cả 10 con chim. |
|  | * Ỏ bức tranh thứ hai:   Có 9 con vịt. Đầu tiên có 2 con bơi đi. Tiếp tục có 4 con bơi đi. Còn lại bao nhiêu con vịt đang ở trên bờ? |
| C. Hoạt động vận dụng  GV khuyến khích HS liên hệ tìm tình huống thực tế liên quan đến việc thực hành tính trong trường hợp có liên tiếp 2 dấu phép tính cộng hoặc có liên tiếp 2 dấu phép tính trừ, hôm sau chia sẻ với các bạn.  E.Củng cố, dặn dò  - Trả lời     * Lắng nghe | Ta có 9 - 2 - 4 = 3. Vậy còn lại 3 con vịt đang ở trên bờ.  - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?  - Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 10 để hôm sau chia sẻ với các bạn. |
|  |
|  |
|  |

**TOÁN**

LUYỆN TẬP CHUNG ( TIẾT 1)

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Yêu cầu cần đạt:**

- Ôn tập tổng hợp về tính cộng, trừ trong phạm vi 10.

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

**2. Phẩm chất:**

**-** Học sinh tích cực, hứng thú, chăm chỉ thực hiện các yêu cầu của giáo viên nêu ra.

**3. Năng lực:**

- Phát triển các NL toán học:NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

**II.CHUẨN BỊ:**

Các thẻ số và phép tính.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| A. Hoạt động khởi động  Chơi trò chơi “Truyền điện”, “Đố bạn” ôn tập tính cộng hoặc trừ nhẩm trong phạm vi 10 để tìm kết quả của các phép cộng, trừ trong phạm vi 10 |  |
| B. Hoạt động thực hành, luyện tập  Bài l  - HS thực hiện | - Cho HS làm bài 1: Tìm kết quả các phép cộng hoặc trừ nêu trong bài. |
| Đổi vở, chấm chéo và đặt câu hỏi cho nhau và nói cho nhau về kết quả các phép tính tương ứng. |  |
| Bài 2  - Chia sẻ trong nhóm. | - Cho HS quan sát tranh, suy nghĩ cách giải quyết vấn đề nêu lên qua bức tranh. |
|  | Vấn đề đặt ra là: Tìm hai số đế khi cộng lại ta được kết quả là 8. Nghĩa là: Nếu chọn trước một số. Tìm số còn lại sao cho cộng hai số ta được kết quả là 8.  *Ví dụ:* Nếu chọn số thứ nhất là 3 thì số còn lại là 5; nếu chọn sổ thứ nhất là 7 thì số còn lại phải là 1. |
| Bài 3 | - Cho HS quan sát, suy nghĩ và lựa chọn số thích hợp cho mỗi ô trổng của từng phép tính tương ứng, ví dụ: 6 + ? = 9 thì ? = 3 |
| HS dựa vào *phép đếm* hoặc dùng *Bảng cộng, trừ trong phạm vi 10* để tìm số thích hợp trong mỗi ô trống. | Từ đó, HS tìm kết quả cho các trường hợp còn lại trong bài. |
|  | - Từ việc tìm được thành phần chưa biết của các phép tính cộng, trừ nêu trong bài, HS nhận biết sự liên hệ giữa các phép tính cho trong bài (quan hệ cộng - trừ). Ví dụ: 6 + 3 = 9 thì 9 - 3 = *6.*  - GV chốt lại cách làm bài. GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em. |
| E.Củng cố, dặn dò  - Trả lời  - Lắng nghe | - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?  - Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 10 để hôm sau chia sẻ với các bạn. |

**TUẦN 17**

**TOÁN**

LUYỆN TẬP CHUNG ( TIẾT 2)

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Yêu cầu cần đạt:**

- Ôn tập tổng hợp về tính cộng, trừ trong phạm vi 10.

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

**2. Phẩm chất:**

**-** Học sinh tích cực, hứng thú, chăm chỉ thực hiện các yêu cầu của giáo viên nêu ra.

**3. Năng lực:**

- Phát triển các NL toán học:NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

**II.CHUẨN BỊ:**

Các thẻ số và phép tính.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| A. Hoạt động khởi động  Chơi trò chơi “Truyền điện”, “Đố bạn” ôn tập tính cộng hoặc trừ nhẩm trong phạm vi 10 để tìm kết quả của các phép cộng, trừ trong phạm vi 10.  **B. Luyện tập – thực hành:** |  |
| Bài 4  - HS thực hiện phép tính, rồi so sánh kết quả phép tính với số đã cho. | - GV chốt lại cách làm bài. GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em. |
|  |
|  |
|  |
| Bài 5  - HS thực hành tính trong trường hợp có liên tiếp 2 dấu phép tính cộng hoặc trừ.  - HS thực hành tính Đổi vở, chữa bài, kiểm tra kết quả các phép tính. Chia sẻ với bạn cách thực hiện tính. | - GV chốt lại cách làm bài. GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em. |
| Bài 6  - Cho HS quan sát tranh, suy nghĩ cách giải quyết vấn đề nêu lên qua bức tranh. |  |
| *Ví dụ:* Bên trái có 6 quả su su. Bên phải có 3 quả su su. Có tất cả bao nhiêu quả su su?  Thành lập các phép tính: 6 + 3 = 9 hoặc 3 + 6 = 9; 9-6 = 3 hoặc 9-3 = 6.  - HS chia sẻ trước lớp  D. Hoạt động vận dụng  GV khuyến khích HS liên hệ tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng hoặc trừ trong phạm vi 10 để hôm sau chia sẻ với các bạn. | - GV chốt lại cách làm bài. GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em. |
|  |
| E.Củng cố, dặn dò  - Trả lời  - Lắng nghe | - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?  - Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 10 để hôm sau chia sẻ với các bạn. |

**TOÁN**

**EM ÔN LẠI NHỮNG GÌ ĐÃ HỌC**

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Yêu cầu cần đạt:**

- Củng cố kĩ năng đếm, đọc, viết, so sánh các số trong phạm vi 10, nhận biết thứ tự của mỗi số trong dãy số từ 0 đến 10.

- Củng cố kĩ năng về tính cộng, trừ trong phạm vi 10.

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

**2. Phẩm chất:**

**-** Học sinh tích cực, hứng thú, chăm chỉ thực hiện các yêu cầu của giáo viên nêu ra.

**3. Năng lực:**

- Phát triển các NL toán học: NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

**II.CHUẨN BỊ:**

- Tranh như trong bài học.

- Một số tình huống thực tế.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| **A. Hoạt động khởi động**  Chơi trò chơi “Đố bạn” ôn tập về các số trong phạm vi 10 phép cộng, phép trừ các số trong phạm vi 10. HS nêu yêu cầu, mời một bạn trả lời. Chẳng hạn: đếm từ 0 đến 7, đếm tiếp từ 6 đến 10,...; 3 + 5 = ?,... |  |
| B. Hoạt động thực hành, luyện tập  Bài 1  - HS thực hiện các phép tính.  Đổi vở, kiểm tra kết quả các phép tính đã thực hiện.  **Bài 2.** Cho HS quan sát tranh vẽ, nhận biết phép tính thích họp với từng tranh vẽ. Thảo luận với bạn về chọn phép tính thích hợp, lí giải bằng ngôn ngữ cá nhân. Chia sẻ trước lớp.  **Bài 3.** HS quan sát hình vẽ, chỉ ra các đồ vật có dạng khối hộp chữ nhật, khối lập phương. Chia sẻ với bạn. | - GV chốt lại cách làm bài.  . - GV chốt lại cách làm bài  - GV chốt lại cách làm bài |
| Bài 4  - HS quan sát mẫu, liên hệ với nhận biết về quan hệ cộng - trừ, suy nghĩ và lựa chọn phép tính thích họp, ví dụ: 6 + 2 = 8; 2 + 6 = 8; 8 - 6 = 2; 8 - 2 = 6;... Từ đó, HS tìm kết quả cho các trường hợp còn lại trong bài.  - HS quan sát tranh, . Chia sẻ trước lóp.  **Bài 5****:** HS quan sát tranh, suy nghĩ về tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng. |  |
| - GV chốt lại cách làm bài. GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em. |
|  |
|  |
|  |
| + Câu a): Có 2 bạn đang chơi bập bênh, có 3 bạn đang chơi xích đu, có 4 bạn đang chơi cầu trượt. Có tất cả bao nhiêu bạn đang chơi? |  |
| Thành lập phép tính: 2 + 3 + 4 = 9.  + Câu b): Tổ chim có 8 con chim, có 2 con chim bay đi, sau đó có tiếp 3 con chim bay đi. Hỏi còn lại mấy con chim?  Thành lập phép tính: 8 - 2 - 3 = 3. |  |
|  |  |
| - C. Hoạt động vận dụng  GV khuyên khích HS liên hệ tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng hoặc trừ trong phạm vi 10. | - GV khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em, HS có thể nêu tình huống và thiết lập phép tính theo thứ tự khác. Khuyến khích HS trong lớp đặt thêm câu hỏi cho nhóm trình bày. |
| D.Củng cố, dặn dò |  |
| - Trả lời  - Trả lời | - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?  - Để có thể làm tốt các bài trên em nhắn bạn điều gì? |

**TUẦN 18**

**TOÁN**

**EM VUI HỌC TOÁN**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Yêu cầu cần đạt:**

- Hát và vận động theo nhịp, chơi trò chơi thông qua đó cúng cố kĩ năng cộng, trừ các số trong phạm vi 10.

- Vẽ tranh biếu diễn phép cộng, phép trừ qua đó hiểu ý nghĩa phép cộng, phép trừ.

- Củng cố kĩ năng nhận dạng hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật gắn với các hoạt động tạo hình.

**2. Phẩm chất:**

**-** Học sinh tích cực, hứng thú, chăm chỉ thực hiện các yêu cầu của giáo viên nêu ra.

**3. Năng lực:**

- Phát triển các NL toán học: NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

**II.** **CHUẨN BỊ:**

- Bài hát.

- Bút màu, giấy vẽ.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| **A.Hoạt động 1. Cùng hát và giơ ngón tay biểu diễn phép tính**  a) Hát và vận động theo nhịp |  |
| HS hát và vận động theo nhịp của bài hát. Ví dụ: Khi hát “Một với một là hai” thì HS giơ 2 ngón tay (mỗi tay 1 ngón) để minh hoạ phép tính theo lời bài hát.  b) Giơ ngón tay biểu diễn phép cộng, phép trừ  HS thực hiện theo cặp: đọc phép tính, giơ ngón tay biểu diễn phép tính vừa đọc và ngược lại. | * Giúp đỡ và hướng dẫn học sinh |
| b.Hoạt động 2. Cùng nhau tạo hình  - HS thực hiện theo nhóm: Cùng nắm tay nhau tạo thành hình vuông, hình tròn, hình chữ nhật, hình tam giác. | - Khuyến khích HS suy nghĩ thay đổi tư thế tìm các cách tạo hình sáng tạo. |
| C. Hoạt động 3. Vẽ tranh rồi viết phép cộng, phép trừ thích hợp  - HS thực hiện theo nhóm: Vẽ tranh biểu diễn phép cộng, phép trừ rồi viết phép tính thích hợp với mỗi tình huống. |  |
| - Trung bày các sản phẩm của nhóm, cử đại diện trình bày ý tưởng. | - Khuyến khích HS sáng tạo theo cách của các em. |
| E. Củng cố, dặn dò  - Trả lời  - Trả lời  - Trả lời | - HS nói cảm xúc sau giờ học.  - HS nói về hoạt động thích nhất trong giờ học.  - HS nói về hoạt động còn lúng túng, nếu làm lại sẽ làm gì. |

**TOÁN**

**ÔN TẬP**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Yêu cầu cần đạt:**

- Củng cố kĩ năng đếm, đọc, viết, so sánh các số trong phạm vi 10, nhận biết thứ tự của mỗi số trong dãy số từ 0 đến 10.

- Củng cố kĩ năng về tính cộng, trừ trong phạm vi 10.

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

**2. Phẩm chất:**

**-** Học sinh tích cực, hứng thú, chăm chỉ thực hiện các yêu cầu của giáo viên nêu ra.

**3. Năng lực:**

- Phát triển các NL toán học: NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

**II.CHUẨN BỊ:**

- Tranh tình huống như trong bài học.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| A. Hoạt động khởi động  Chơi trò chơi “Truyền điện”, “Đố bạn” ôn tập tính cộng hoặc trừ nhẩm trong phạm vi 10. |  |
| B. Hoạt động thực hành, luyện tập |  |
| **Bài 1.**  - Đem số lượng các con vật, đọc số tương ứng. |  |
| - Đếm và nói cho bạn nghe về số lượng các con vật vừa đếm được, chắng hạn: HS chỉ vào hình vẽ thứ nhất đếm và nói: Có bảy con gà, viết số 7. | - Giúp đỡ và hướng dẫn học sinh |
| Bài 2  a) HS suy nghĩ, tự so sánh hai số, sử dụng các dấu (>, <, =) và viết kết quả vào vở. Đổi vở cùng kiểm tra, đọc kết quả và chia sẻ với bạn cách làm. | * Giúp đỡ và hướng dẫn học sinh |
| b) HS lấy các thẻ ghi số 5, 3, 9, 8. Đố bạn chọn ra thẻ ghi số lớn nhất, số bé nhất rồi sắp xếp các thẻ số trên theo thứ tự từ bé đến lớn. | - Giúp đỡ và hướng dẫn học sinh |
| Có thể thay bằng các thẻ số khác hoặc lấy ra 4 thẻ số bất kì (trong các số từ 0 đến 10) và thực hiện tương tự như trên. |  |
| Bài 3  - Cho HS tự làm: Tìm kết quả các phép cộng hoặc trừ nêu trong bài.  HS đổi vở, chấm chéo, đặt câu hỏi cho nhau và nói cho nhau về kết quả các phép tính tương ứng. | - Giúp đỡ và hướng dẫn học sinh, chốt đáp án đúng. |
| **Bài 4.** - HS quan sát từng hình vẽ, nói cho bạn nghe hình vẽ được tạo thành từ những hình nào đã được học. Có bao nhiêu hình mỗi loại. |  |
| a) Hình vẽ gồm: 3 hình vuông, 8 hình tròn, 7 hình tam giác và 2 hình chữ nhật |  |
| b) Tương tự, hình vẽ bên trái gồm: 5 khối hộp chữ nhật và 3 khối lập phương; hình vẽ bên phải gồm 6 khối hộp chữ nhật và 2 khối lập phương. | - Giúp đỡ và hướng dẫn học sinh, chốt đáp án đúng. |
| **–** HS quan sát tranh, suy nghĩ Chia sẻ trong nhóm. |  |
| **Bài 5.** HS quan sát tranh, suy nghĩ cách giải quyết vấn đề nêu lên qua bức tranh. Chia sẻ trong nhóm. |  |
| *Ví dụ:*  a) Có 4 bắp cải, bạn thỏ mang đi 1 bắp cải. Hỏi còn lại bao nhiêu bắp cải? | * Giúp đỡ và hướng dẫn học sinh, chốt đáp án đúng. |
| Thành lập phép tính: 4-1 = 3.  b) Có 5 bắp cải, bạn thỏ mang đến thêm 2 bắp cải. Hỏi có tất cả bao nhiêu bắp cải?  Thành lập phép tính: 5 + 2 = 7.  D. Hoạt động vận dụng  GV khuyến khích HS liên hệ tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng hoặc trừ trong phạm vi 10. |  |
| E.Củng cố, dặn dò  - Trả lời  - Trả lời  - Trả lời | * HS nói cảm xúc sau giờ học. * HS nói về hoạt động thích nhất trong giờ học. * HS nói về hoạt động còn lúng túng, nếu làm lại sẽ làm gì. |

**TUẦN 19 TOÁN:**

**Bài 39: CÁC SỐ 11, 12, 13, 14, 15, 16**

**( tiết 1)**

**I. MỤC TIÊU:**

**\*Kiến thức, kĩ năng**

- Học sinh đếm được, đọc được, viết được các số từ 11 đến 16.

- Học sinh nhận biết được thứ tự các số từ 11 đến 16

**\* Phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

- Thực hành vận dụng trong giải quyết các tình huống thực tế.

- Phát triển các năng lực toán học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Tranh khởi động

- Các thanh (mỗi thanh 10 khối lập phương rời ghép lại) và khối lập phương rời hoặc các thẻ chục que tính và các que tính rời để đếm.

- Các thẻ số từ 11 đến 16 và các thẻ chữ : mười một, ..., mười sáu.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |

|  |  |
| --- | --- |
| **A. Hoạt động khởi động (2 phút)**  - HS Quan sát tranh khởi động, đếm số lượng từng loại quả đựng trong các khay và nói “ có 13 quả cam, có 16 quả xoài”  + Chia sẻ trong nhóm học tập.  **-** HS nhận xét. | **+** Yêu cầu hs Quan sát tranh khởi động, đếm số lượng từng loại quả đựng trong các khay và nói- GV nhận xét, chốt kiến thức.   * Nhận xét, tuyên dương |
| **B. Hoạt động hình thành kiến thức(12 phút)**  ***1. Hình thành các số 13 và 16***  - HS đếm số quả cam trong giỏ, nói: “Có 13 quả cam” . HS đếm số lập phương, nói: “Có 13 khối lập phương”  - HS quan sát, nhắc lại.  **-** HS lấy ra 16 khối lập phương (gồm 1 thanh và 6 khối lập phương rời). Đọc “ mười sáu”, gắn thẻ chữ “mười sáu”, viết “16”  ***2. Hình thành các số 11 đến 16*** ( Hs thực hành theo mẫu để hình thành số)   * HS lấy ra 11 khối lập phương (gồm 1 thanh và 1 khối lập phương rời), đọc “mười một”, lấy thẻ chữ “mười một” và thẻ số “11”. Tiếp tục thực hiện với các số khác.   - HS thực hành theo nhóm bàn hình thành lần lượt thế đến số 16  **-** Đọc từ 11 đến 16, 16 về 11  **-** HS đọc các số từ 11 đến 16, từ 16 về 11.  - HS lấy ra đủ khối lập phương, số que tính.... theo yêu cầu của GV. | **-** GV yêu cầu HS đếm số quả cam trong giỏ, đếm số lập phương (gồm 1 thanh và 3 khối lập phương rời).  - GV đọc “ mười ba”, gắn thẻ chữ “mười ba”, viết “13”  - Tương tự như trên, GV yêu cầu HS lấy ra 16 khối lập phương (gồm 1 thanh và 6 khối lập phương rời). Đọc “ mười sáu”, gắn thẻ chữ “mười sáu”, viết “16”  a.GV yêu cầu HS thực hành theo nhóm bàn hình thành lần lượt các số từ 11 đến 16.  b. GV yêu cầu HS đọc các số từ 11 đến 16, từ 16 về 11.  **-** GV lưu ý HS số 15 đọc là “mười lăm” không đọc “mười năm”  c. Trò chơi “Lấy đủ số lượng”  - GV yêu cầu HS lấy ra đủ khối lập phương, số que tính.... Chẳng hạn:GV đọc số 11 thì HS lấy ra đủ 11 que tính và lấy thẻ số 11 đặt cạnh những que tính vừa lấy. |
| **C . Hoạt động thực hành luyện tập(14 phút)**  **Bài 1: Số?**  - HS thực hiện các thao tác GV yêu cầu.  **-** 3 HS lên bảng làm bài, lớp nhận xét. | GV yêu cầu HS thực hiện các thao tác:  - Đếm số lượng các khối lập phương, đặt các thẻ số tương ứng vào ô ?  - Đọc cho bạn nghe số từ 10 đến 16.  - GV gọi HS lên bảng.  - GV nhận xét. |
| **\* Củng cố, dặn dò(2 phút)**  **-** HS liên hệ. | **-** Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?  - Những điều đó giúp ích gì cho em trong cuộc sống hàng ngày. |

Bổ sung: ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**TOÁN:**

**Bài 39: CÁC SỐ 11, 12, 13, 14, 15, 16**

**( tiết 2)**

**I. MỤC TIÊU:**

**\*Kiến thức, kĩ năng**

- Học sinh đếm được, đọc được, viết được các số từ 11 đến 16.

- Học sinh nhận biết được thứ tự các số từ 11 đến 16

**\* Phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

- Thực hành vận dụng trong giải quyết các tình huống thực tế.

- Phát triển các năng lực toán học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Tranh khởi động

- Các thanh (mỗi thanh 10 khối lập phương rời ghép lại) và khối lập phương rời hoặc các thẻ chục que tính và các que tính rời để đếm.

- Các thẻ số từ 11 đến 16 và các thẻ chữ : mười một, ..., mười sáu.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| **Bài 2: Số?**  - HS thực hiện các thao tác GV yêu cầu.  - Nói cho bạn nghe kết quả, chẳng hạn: Có 11 ngôi sao, đặt thẻ số 11 vào ô ? bên cạnh.  **-** 4 HS lên bảng làm bài, lớp nhận xét. | GV yêu cầu HS thực hiện các thao tác:  - Đếm số lượng các khối lập phương, đặt các thẻ số tương ứng vào ô ?  - GV gọi HS lên bảng.  - GV nhận xét. |
| **Bài 3: Số?**  **-** HS chơi trò chơi: “ ghép thẻ” theo cặp: HS ghép từng cặp thẻ số và thẻ chữ, chẳng hạn ghép thẻ “13” vởi thẻ “mười ba”  - HS nhận xét các nhóm chơi. | **-** GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Ghép thẻ” theo cặp  - GV nhận xét tuyên dương HS.  \* Lưu ý: GV hướng dẫn HS xếp các thẻ số theo thứ tự từ 11 đến 16 và đọc các số theo thứ tự |
| **Bài 4: Số?**  - HS đặt các thẻ số thích hợp vào bông hoa có dấu “?” sau đó nói cho bạn nghe cách làm. | **-** GV yêu cầu HS đặt các thẻ số thích hợp vào bông hoa có dấu “?”  - GV hướng dẫn HS đếm tiếp các số từ 11 đến 16 hoặc đếm lùi các số từ 16 về 11.  - GV nhận xét. |
| **\* Hoạt động vận dụng(5 phút)**  **Bài 5:** Xem tranh rồi đếm số bánh mỗi loại.  **-** HS quan sát tranh, suy nghĩ và nói cho bạn nghe số lượng mỗi loại bánh trong mỗi bức tranh .  - HS lắng nghe nhận xét cách đếm của bạn | - GV yêu cầu cá nhân HS quan sát tranh, suy nghĩ và nói cho bạn nghe số lượng mỗi loại bánh trong mỗi bức tranh .  - GV khuyến khích HS quan sát tranh đặt câu hỏi và trả lời theo cặp về số lượng của mỗi loại bánh có trong tranh. |
| **\*Củng cố, dặn dò(2 phút)**  **-** HS liên hệ. | **-** Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?  - Những điều đó giúp ích gì cho em trong cuộc sống hàng ngày. |

Bổ sung: ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**TOÁN:**

**Bài 40: CÁC SỐ 17, 18, 19, 20**

**( tiết 1)**

**I. MỤC TIÊU:**

**\*Kiến thức, kĩ năng**

- Học sinh đếm được, đọc được, viết được các số từ 17 đến 20.

* Học sinh nhận biết được thứ tự các số từ 17 đến 20.

**\* Phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

**-** Bước đầu rèn luyện kĩ năng quan sát

- Phát triển các năng lực toán học.

- Thực hành vận dụng trong giải quyết các tình huống thực tế.

- Có khả năng cộng tác , chia sẻ với bạn.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

* Tranh khởi động.
* Các thanh khối lập phương rời hoặc que tính.
* Các thẻ số từ 10 đến 20 và các thẻ chữ: *mười, hai mươi.*

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học** | **Hoạt động dạy** |
| **A. Hoạt động khởi động(2 phút)**  HS *quan sát* tranh khởi động, *đếm số lượng* từng loại cây trong vườn rau và *nói cho bạn nghe,* chẳng hạn: “Có 18 cây su hào”, ....  HS chia sẻ trong nhóm học tập (hoặc cặp đôi).  Nhắc lại tựa bài  **B. Hoạt động hình thành kiến thức(12 phút)**  **\* Hình thành các số 18,20**  - HS *đếm*số cây xu hào và số khối lập phương  - HS tự *lấy ra*các đồ vật (chấm tròn hoặc que tính, ...) rồi *đếm* (4, 5, 6 đồ vật).  HS lấy đúng thẻ số  - HS làm việc theo nhóm  - HS thực hiện các thao tác:  Quan sát hình vẽ, đếm số hình hình lập phương sau đó tìm thẻ số tương ứng và đọc theo hướng dẫn của cô giáo  **\* Hình thành các số 17,19**  - HS lấy ra đủ số khối lập phương, số que tính, ... theo yêu cầu của GV hoặc của bạn. Chẳng hạn: GV đọc số 17, HS lấy ra đủ 17 que tính, lấy thé số 17 đặt cạnh những que tính vừa lấy.  - Đọc số vừa hình thành  - Hs thực hành đếm theo cặp.  - Đọc số 17, 19, 18, 20  **C. Hoạt động thực hành, luyện tập(14 phút)**  **Bài 1:**  - HS làm bài vào vở  - HS nêu số tìm.  - HS đọc bài  **\*Củng cố, dặn dò(2 phút)**  - Lắng nghe  - HS trả lời.  - Hs nêu.  - Lắng nghe. | GV đính tranh. Nêu theo yêu cầu.  *- Quan sát* tranh khởi động    Nhận xét.  Giới thiệu bài mới.  -Yêu cầu HS đếm số cây xu hào  - Yêu cầu HS đếm số khối lập phương  GV gắn mô hình tương ứng lên bảng, hướng dẫn HS: Có 18 cây su hào ta *lấy* tương ứng 18 khối lập phương (gồm 1 thanh và 8 khối lập phương rời). GV *đọc* “mười tám”, *gắn* thẻ chữ “mười tám”, *viết* “18”.    - Trò chơi “Lấy đủ số lượng”  - Gọi HS đọc các số vừa hình thành.  - Nhận xét.  - GV nêu yêu cầu.  - Hướng dẫn HS làm bài tập  - Nhận xét, tuyên dương  -Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì? Em thích nhất hoạt động nào?  - Để đếm chính xác em nhắn bạn điều gì?  - Về nhà, em hãy quan sát xem trong cuộc sống các số 11 đến 20 được sử dụng vào các tình huống nào. |

Bổ sung: ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**TUẦN 20** **TOÁN:**

**Bài 40: CÁC SỐ 17, 18, 19, 20**

**( tiết 2)**

**I. MỤC TIÊU:**

**\*Kiến thức, kĩ năng**

- Học sinh đếm được, đọc được, viết được các số từ 17 đến 20.

* Học sinh nhận biết được thứ tự các số từ 17 đến 20.

**\* Phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

**-** Bước đầu rèn luyện kĩ năng quan sát

- Phát triển các năng lực toán học.

- Thực hành vận dụng trong giải quyết các tình huống thực tế.

- Có khả năng cộng tác , chia sẻ với bạn.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

* Tranh khởi động.
* Các thanh khối lập phương rời hoặc que tính.
* Các thẻ số từ 10 đến 20 và các thẻ chữ: *mười, hai mươi.*

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học** | **Hoạt động dạy** |
| **Bài 2.**  - Hs nêu lại yêu cầu đề.  - Hs lắng nghe.  - HS làm bài vào vở  - HS đọc số tìm được  **Bài 3.**  - HS đọc bài  - Hs lắng nghe  - HS làm bài vào vở  - HS tham gia trò chơi  - HS đọc lại bài  **Bài 4.**  - Quan sát  - Hs thực hành.  - HS làm bài theo nhóm đôi  - Đọc lại bài.  **\* Hoạt động vận dụng**  **Bài 5**  - HS quan sát tranh và trả lời theo nhóm đôi.  - Đại diện nhóm trình bày  **\*Củng cố, dặn dò**  - Hs nêu.  - Lắng nghe. | - GV nêu yêu cầu.  - Hướng dẫn HS làm bài tập  - Gọi HS đọc các số vừa tìm  - Nhận xét, tuyên dương  - GV nêu yêu cầu.  - Hướng dẫn HS làm bài tập  - Yêu cầu HS làm bài vào vở  - Chữa bài: GV tổ chức cho HS chơi trò chơi Ghép thẻ theo cặp.  - Gọi HS đọc lại bài.  - Nhận xét, tuyên dương.  - GV nêu yêu cầu.  - Hướng dẫn HS làm bài tập  - GV tổ chức cho HS làm bài theo nhóm đôi.  - Gọi HS đọc lại bài.  - Nhận xét, tuyên dương.  -Yêu cầu HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi  A, Có tất cả bao nhiêu bạn?  B, Có bao nhiêu bạn nam?  Nhận xét, kết luận.  -Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì? Em thích nhất hoạt động nào?  - Để đếm chính xác em nhắn bạn điều gì?  - Về nhà, em hãy quan sát xem trong cuộc sống các số 11 đến 20 được sử dụng vào các tình huống nào. |

Bổ sung: ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**TOÁN:**

**Bài 41: LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU:**

**\*Kiến thức, kĩ năng**

- Học sinh củng cố được kĩ năng đếm, đọc, viết các số từ 11 đến 20.

- Học sinh nhận biết được thứ tự các số từ 11 đến 20.

**\* Phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

- Thực hành vận dụng trong giải quyết các tình huống thực tế.

- Phát triển các NL toán học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

* Tranh, Các thẻ số từ 10 đến 20 và các thẻ chữ: *mười, hai mươi.*
* SGK, VBT

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học** | **Hoạt động dạy** |
| **A. Hoạt động khởi động( 2 phút)**  HS tham gia trò chơi  Lắng nghe  Nhắc lại tên bài  **B. Hoạt động luyện tập, thực hành**.(15 phút)  **Bài 1:**  Lắng nghe  HS làm bài miệng  HS đọc các số vùa tìm từ 1 đến 20 và ngược lại.  Lắng nghe  **Bài 2.**  Lắng nghe  Lắng nghe  Hs thực hành đếm theo cặp.  Đọc số 15,16,17 ; 12,13,14  HS trả lời  Lắng nghe  **Bài 3.**  HS lắng nghe  Có 17 hình ghép thành bức tranh  Có 2 hình vuông, 4 hình tròn, 8 hình tam giác, 3 hình chữ nhật.  Lắng nghe  **Bài 4.**  HS làm bài  HS tham gia trò chơi  HS đọc bài  **C. Hoạt động vận dụng(16 phút)**  **Bài 5**  Quan sát  Trả lời  Cá nhân HS quan sát tranh, đếm và nói cho bạn nghe số lượng mỗi loại cây trong bức tranh theo nhóm đôi, chẳng hạn: HS chỉ vào một giá cây rồi hỏi: “Trên giá này, có tất cả bao nhiêu cây?”.  Chia sẻ trước lóp. Các HS khác lắng nghe và nhận xét cách đếm của bạn.  **D. Củng cố, dặn dò(2 phút**  - HS trả lời  - HS trả lời | -GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Đếm tiếp” theo nhóm hoặc cả lớp.  -Hướng dẫn HS cách chơi  Nhận xét.  Giới thiệu bài mới.  - GV nêu yêu cầu.  - Hướng dẫn HS làm bài tập  - Gọi HS đọc các số vừa tìm  - Nhận xét, tuyên dương  - GV nêu yêu cầu.  - Hướng dẫn HS làm bài tập Quan sát các số, đếm số theo thứ tự từ trái qua phải, tìm số thích hợp rồi tìm số đó vào ô trống có dấu.  - Gọi HS đọc các số vừa tìm  + Muốn tìm số đứng sau số 15 con làm như thế nào?  - Nhận xét, tuyên dương  - GV nêu yêu cầu.  - Hướng dẫn HS làm bài tập  - Yêu cầu HS làm bài miệng  + Đếm số hình ghép thành bức tranh?  + Bức tranh có bao nhiêu hình vuông? Hình tròn? Hình tam giác? Hình chữ nhật?  - Nhận xét, tuyên dương  - GV nêu yêu cầu.  - Hướng dẫn HS làm bài tập  - Yêu cầu HS làm bài  - Chữa bài: GV tổ chức cho HS chơi trò chơi Tiếp nối để điền tên cho mỗi toa tàu.  - Gọi HS đọc lại bài.  - Nhận xét, tuyên dương.  -Yêu cầu HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi  GV khuyến khích HS quan sát tranh, đặt câu hỏi và trả lời theo cặp về bức tranh.  -Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì? Những điều đó giúp ích gì chc em trong cuộc sông hằng ngày?  - Đê đếm chính xác em nhắn bạn điều gì?  - Nhận xét tiết học. |

Bổ sung: ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**TOÁN:**

**Bài 42: CÁC SỐ 10, 20, 30, 40, 50, 60, 70, 80, 90**

**I. MỤC TIÊU:**

**\*Kiến thức, kĩ năng**

- Đếm được số lượng bằng cách tạo mười.

- Đọc, viết các số 10, 20, 30, 40, 50, 60, 70, 80, 90.

**\* Phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

- Thực hành vận dụng trong giải quyết các tình huống thực tế.

-Bước đầu rèn luyện kĩ năng quan sát

- Phát triển các NL toán học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

* Các thanh khối lập phương rời hoặc que tính.
* Các thẻ số từ 10 đến 20 và các thẻ chữ: *mười, hai mươi.*

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học** | **Hoạt động dạy** |
| **A. Hoạt động khởi động(2 phút)**  HS *quan sát* tranh khởi động  HS chia sẻ trong nhóm học tập (hoặc cặp đôi).  HS chia sẻ trước lớp.  Nhắc lại tên bài  **B. Hoạt động hình thành kiến thức(12 phút)**  **1, GV hướng dẫn HS đếm 10, 20, 30 khối lập phương**  HS đếm và nói kết quả: “Có 10 khối lập phương”. GV thực hiện thao tác xếp 10 khối lập phương thành 1 thanh; nói: “mười”; gắn thẻ chữ “mười”, thẻ số “10”.  HS làm đếm và tìm thẻ số  Lắng nghe  **2. HS thực hành đếm khối lập phương**  HS thực hiện các thao tác đếm và gắn thẻ số tương ứng.  Hs thực hành đếm theo cặp.  Hs báo cáo kết quả  HS chỉ vào từng thanh đếm, đọc số Chẳng hạn: chỉ vào 4 thanh; đếm: “mười, hai mươi, ba mươi, bốn mươi”; nói “Có 40 khối lập phương”.  **3. Trò chơi “Lấy đủ số lượng”**  HS lấy ra đủ số khối lập phương (hoặc số que tính) theo yêu cầu cua GV hoặc của bạn. Chẳng hạn: Lấy ra đủ 70 khối lập phương (7 thanh), lấy thẻ số 70 đặt cạnh những khối lập phương vừa lấy.  **C. Hoạt động thực hành, luyện tập( 14 phút)**  **Bài 1:**  - Nêu lại yêu cầu bài  - Lắng nghe và thực hiện  - Trả lời câu hỏi  - Lắng nghe  **Bài 2.**  Lắng nghe  HS làm bài  HS trả lời  Lắng nghe  **D. Hoạt động vận dụng (5 phút)**  **Bài 3**  Lắng nghe  HS thực hiện theo nhóm bàn, mỗi HS chọn một thẻ số trong các thẻ số: 10, 20, ..., 90 rồi lấy đủ số đồ vật tương ứng  Lắng nghe  **E. Củng cố, dặn dò(2 phút)**  HS trả lời  HS trả lời  HS trả lời | GV đính tranh. Nêu theo yêu cầu.  *-*Quan sát tranh khởi động.  - Suy nghĩ thảo luận theo cặp hoặc theo bàn: Có cách nào đếm số khối lập phương dễ dàng và ít nhầm lẫn không?  -Chia sẻ trước lóp.  Nhận xét.  Giới thiệu bài mới.    - GV lấy 10 khối lập phương (hoặc que tính) sau đó yêu cầu HS đếm, xếp thành 1 thanh.  - GV hướng dẫn tương tự với 20,30 khối lập phương  - GV giới thiệu: Khi có nhiều khối lập phương, các em có thể đếm từ 1 đến 20 nhưng có thể gạt ra từng nhóm 10 khối lập phương rồi đếm: “mười, hai mươi”.    - GV yêu cầu HS thực hiện theo nhóm, sau đó báo cáo kết quả.  - Gọi HS báo cáo kết quả, nói cách đếm của nhóm.  -GV nhận xét, gắn kết quả lên bảng    -Nhận xét, tuyên dương.  - GV nêu yêu cầu.  - Hướng dẫn HS làm bài tập: Yêu cầu HS đếm số hạt và đếm số viên kẹo  ? Ngoài việc đếm tất cả số hạt ở 3 chiếc vòng, con còn có cách làm nào khác để tìm tất cả có bao nhiêu hạt?  - Nhận xét, tuyên dương  - GV nêu yêu cầu.  - Hướng dẫn HS làm bài tập yêu cầu HS nêu số còn thiếu trên mỗi quả chuông ghi dấu  -Gọi HS đọc các số từ 10, 20, ..., 90 và ngược lại: 90, 80,.., 10.  - Nhận xét, tuyên dương  - Nêu yêu cầu bài tập  -Nhận xét, tuyên dương  - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?  - Những điều đó giúp ích gì cho em trong cuộc sống hằng ngày?  - Khi phải đếm nhiều đồ vật, em nhắc bạn nên đếm thế nào cho dễ dàng và chính xác.  - Về nhà, em hãy quan sát xem trong cuộc sống các số 10 đến 90 được sử dụng trong các tình huống nào. |

Bổ sung: ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**TUẦN 21** **TOÁN:**

**Bài 43: CÁC SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ (TỪ 21 ĐẾN 40)**

**I. MỤC TIÊU:**

**\*Kiến thức, kĩ năng**

- Đếm, đọc được các số từ 21 đến 40.

**\* Phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

- Thực hành vận dụng trong giải quyết các tình huống thực tế.

- Phát triển NL toán học

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Tranh khởi động

- Các thanh (mỗi thanh gồm 10 khối lập phương rời ghép lại) và các khối lập phương

rời hoặc các thẻ chục que tính và các que tính rời để đếm.

- Các thẻ số từ 21 đến 40 và các thẻ chữ: hai mươi mốt, hai mươi hai, …, bốn mươi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học** | **Hoạt động dạy** |
| **A. Hoạt động khởi động(2 phút)**  - HS quan sát tranh, chia sẻ trong nhóm đôi, nói rõ cách đếm  - Đại diện nhóm chia sẻ trước lớp VD: Có 23 búp bê”, ...  - VD đếm từ 1 đến 23 và đếm như sau: mười, hai mươi, hai mươi mốt, hai mươi hai, hai mươi ba. Có hai mươi ba búp bê  **-** Nhắc lại đề bài  **B.Hoạt động 2: Hình thành kiến thức(12 phút)**  **1. Hình thành các số từ 21 đến 40**  **-** HS cũng lấy 23 khối lập phương  - HS đếm.  - HS nói: “Có 23 khối lập phương”  - HS quan sát  - HS thao tác lại và đếm  - HS đọc số theo dãy  - HS quan sát, viết bảng con 23  - Đọc lại số  - Quan sát  - Viết bảng  b) HS thao tác, đếm đọc viết các số từ 21-> 40  - HS thực hiện trong nhóm 4 : Xếp các khối lập phương đếm số khối lập phương ,đọc số, viết số thích hợp vào bảng con  - Dãy 1: các số từ 21-25  - Dãy 2: các số từ 25-30  - Dãy 3: các số từ 31-35  - Dãy 4: các số từ 36-40  - HS báo cáo kết quả theo nhóm  - Đọc các số vừa tìm được  2**. Trò chơi “Lấy đủ số lượng”**  HS lấy ra đủ số khối lập phương (que tính), ... theo yêu cầu của GV , đồng thời lấy thẻ số đặt cạnh những khối lập phương (que tính) vừa lấy  - HS thực hiện  **C. Hoạt động thực hành, luyện tập(14 phút)**  **Bài 1**. Số?  - HS nêu yêu cầu  -Thực hiện trong nhóm đôi  - Trao đổi trước lớp  **Bài 2**. Viết các số?  - HS nêu yêu cầu  -HS làm bài vào VBT.  - Đọc các số vừa viết  - Đổi vở để kiểm tra, tìm lỗi sai và cùng nhau sửa lại nếu có  **Bài 3**  - HS nêu yêu cầu  -Thực hiện trong nhóm đôi đếm, tìm số còn thiếu trong tổ ong rồi nói cho bạn nghe kết quả.  - Trao đổi trước lớp  - HS thực hiện đếm  - HS đếm cách số  **D. Hoạt động vận dụng(5 phút)**  **Bài 4**  - HS quan sát tranh, đếm và nói cho bạn nghe trên sân có bao nhiêu cầu thủ, mỗi đội bóng có bao nhiêu cầu thủ..  - Chia sẻ trước lớp cách đếm  - HS lắng nghe và nhận xét cách đếm của bạn  **E. Củng cố, dặn dò(2 phút)**  - HS nêu.  - Trả lời  - Lắng nghe | \* Gv cho hs quan sát tình huống trong SGK (Trang 96)  - Quan sát tranh, thảo luận nhóm đôi nói cho nhau nghe về những điều em quan sát được từ bức tranh  - Em đếm như thế nào?  - Nhận xét.  -Giới thiệu bài:Các số có hai chữ số(Từ 21-40)  a) GV hướng dẫn HS thao tác mẫu:  - GV lấy 23 khối lập phương rời.  - Yêu cầu HS đếm  - Có bao nhiêu khối lập phương ?  - GV thao tác : cứ 10 khối lập phương xếp thành một “thanh mười”. Đếm các thanh mười và khối lập phương rời: mười, hai mươi, hai mươi mốt, hai mươi hai, hai mươi ba. Vậy có tất cả hai mươi ba khối lập phương.  -Giới thiệu số 23:  Cách đọc: hai mươi ba  Cách viết :Viết chữ số 2 trước, cách nửa li viết chữ số 3 đều cao 2 dòng li…  -GV viết mẫu  -Yêu cầu HS viết số 23  -Tương tự thực hiện với số 21,32,37  - Yêu cầu HS thực hiện theo nhóm 4:  Xếp các khối lập phương đếm số khối lập phương ,đọc số, viết số thích hợp .  c) Gọi HS báo cáo kết quả theo nhóm.  -Gv ghi các số từ 21 đến 40  -Gọi cả lớp đọc các số từ 21 đến 40.  Lưu ý: GV chú ý rèn và sửa cho HS đọc các số: hai mươi mốt. ba mươi mốt, hai mươi lăm, ba mươi lăm, mười bốn, hai mươi tư, ba mươi tư.  - GV nêu số - yêu cầu HS lấy số ra đủ số khối lập phương (que tính) rồi lấy thẻ số đặt cạnh  - GV kiểm tra, nhận xét  - Cho HS thực hiện vài lần  Yêu cầu HS thực hiện các thao tác: - Đếm số lượng các khối lập phương, đặt các thẻ số tương ứng vào ô ?. - Đọc cho bạn nghe các số vừa đặt.  =>Chốtcách đọc, viết số    - Yêu cầu HS  - Viết các số vào vở. Đọc các số vừa viết.  =>Chốt: Thứ tự, vị trí các số từ 20- 40  - Gọi HS đọc các số từ 1 đến 40. GV đánh dấu một số bất kì trong các số từ 1 đến 40, yêu cầu HS đếm đến số đó  - GV che đi một vài số rồi yêu cầu HS chỉ đọc các số đã bị che  VD che các số 10, 20, 30, 40 hoặc 11, 21, 31 hoặc 5,10,15,20, 25, 30, 35, 40 hay 4,14,24 34.  => Chốt : Cách đếm. Chú ý cách đọc “mười” hay “mươi”; “một hay mốt. ” hay “lăm hay năm ”; “bốn” hay “tư”.  - GV khuyến khích HS quan sát tranh, kể chuyện theo tình huống bức tranh.  - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì? Những điều đó giúp ích gì cho em trong cuộc sống hằng ngày?  - Để đếm chính xác em nhắn bạn điều gì?  - Về nhà, em hãy quan sát xem trong cuộc sống các số đã học được sử dụng trong các tình huống nào. |

Bổ sung: ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**TOÁN:**

**Bài 44: CÁC SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ (TỪ 41 ĐẾN 70)**

**I. MỤC TIÊU:**

**\*Kiến thức, kĩ năng**

- Đếm, đọc các số từ 41 đến 70.

**\* Phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

- Thực hành vận dụng trong giải quyết các tình huống thực tế.

- Phát triển NL toán học.

- Có khả năng cộng tác , chia sẻ với bạn.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Các thanh (mỗi thanh gồm 10 khối lập phương rời ghép lại) và các khối lập phương rời hoặc các thẻ chục que tính và các que tính rời để đếm.

- Các thẻ số từ 41 đến 70 và các thẻ chữ: bốn mươi mốt, bốn mươi hai, …, bảy mươi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học** | **Hoạt động dạy** |
| **A. Hoạt động khởi động(2 phút)**  **1. HS chơi trò chơi “Ai nhanh ai đúng” như sau:**  - Chia nhóm.  - HS tham gia chơi.  + Nhóm dùng các khối lập phương giơ số khối lập phương tương ứng với số GV đã đọc. + Nhóm dùng các ngón tay phải giơ đủ số ngón tay tương ứng với số GV đã đọc.  + Nhóm viết số dùng các chữ số để viết số đã đọc.  **2. HS quan sát tranh**  - Đếm số lập phương có trong hình  - Nêu kết quả  - Nhắc lại đề bài  **B. Hoạt động hình thành kiến thức(12 phút)**  **1. Hình thành các số từ 41 đến 70**  - HS quan sát tranh, đếm số lượng khối lập phương có trong tranh và nói: “Có 46 khối lập phương”,…Chia sẻ trước lớp và nói cách đếm.  b. HS thao tác đếm, đọc, viết các số từ 41 đến 70.  - Làm việc theo nhóm 4  c. HS báo cáo kết quả theo nhóm  -HS thực hiện nhóm 4 hoặc theo nhóm bàn. Tương tự như trên, HS đếm số khối lập phương, đọc số, viết số.  - HS báo cáo kết quả theo nhóm. Cả lớp đọc các số từ 41 đến 70.  **2. Trò chơi “Lấy đủ số lượng”**  - HS lắng nghe.  - HS lấy ra đủ số khối lập phương theo hướng dẫn.  **C. Hoạt động thực hành, luyện tập(14 phút)**  **Bài 1**  - Lắng nghe yêu cầu.  HS thực hiện các thao tác:  - Viết các số vào vở. Đọc các số vừa viết.  - Đổi vở để kiểm tra, tìm lỗi sai và cùng nhau sửa lại nếu có.  **Bài 2**  - Lắng nghe, yêu cầu.  HS thực hiện các thao tác:  - Đếm, tìm các số còn thiếu trong tổ ong rồi nói cho bạn nghe kết quả.  - Đọc các số từ 41 đến 70.  - HS tự thực hiện bài  **D. Hoạt động vận dụng(5 phút)**  **Bài 3**  - HS lắng nghe.  a. Cá nhân HS quan sát tranh, đếm và nói cho bạn nghe: Có bao nhiêu quả dâu tây?  b. Cá nhân HS quan sát tranh, đếm và nói cho bạn nghe các công chúa có bao nhiêu viên ngọc trai?  - Chia sẻ trước lớp. HS lắng nghe và nhận xét cách đếm của bạn.  **E. Củng cố, dặn dò(2 phút)**  - HS nêu.  - Nhận việc. | - Chia lớp thành nhiều nhóm 4 – 6 HS, chỉ rõ: “Nhóm dùng các khối lập phương”, “Nhóm dùng các ngón tay”, “Nhóm viết số”.  - GV hoặc chủ trò đọc các số từ 1 đến 40.  - Sau mỗi lần chơi các nhiệm vụ lại đổi luân phiên giữa các nhóm.  **Lưu ý:** GV khai thác những sản phẩm của hs, khai thác thể hiện số bằng những cách khác nhau. VD: Với số “hai mươi lăm”, có thể có nhiều cách giơ tay nhưng đơn giản nhất là hai HS giơ cả hai bàn tay và hs thứ ba giơ năm ngón tay. Hoạt động cùng nhau giơ tay biểu thị số 25 tạo ra cơ hội gắn kết hợp tác giữa các thành viên trong nhóm.  - Nhận xét, tuyên dương.  - Em đếm như thế nào?  - Nhận xét. Giới thiệu bài.  a. GV hướng dẫn HS thao tác mẫu:  - GV lấy 4 thanh và 6 KLP rời.  - Tương tự với các số 51, 54, 65.  GV phân công nhiệm vụ cho các nhóm sao cho mỗi nhóm thực hiện với 5 số. Cả lớp thực hiện đủ các số từ 41 đến 70.  GV nhắc HS cách đọc các số chú ý biến âm “mốt”, “tư”, “lăm”. Chẳng hạn:  + GV gắn các thẻ số 11, 21, 31, 41, 51, 61.  + GV gắn các thẻ số 14, 24, 34, 44, 54, 64.  + GV gắn các thẻ số 15, 25, 35, 45, 55, 65.  **Lưu ý:** Với những HS khó khăn khi đếm các số 49, 50 và 59, 60 hay 69, 70, GV có thể hỗ trợ và hướng dẫn HS.  - Hướng dẫn cách chơi: HS lấy ra đủ số khối lập phương (hoặc số que tính) theo yêu cầu của GV hoặc của bạn. Chẳng hạn: Lấy ra đủ 23 khối lập phương, lấy thẻ 23 đặt cạnh những khối lập phương vừa lấy.  - Tổ chức chơi.  - Nhận xét, tuyên dương.  - GV nêu yêu cầu.  - GV nêu yêu cầu.  GV có thể đánh dấu một số bất kì trong các số từ 41 đến 70, yêu cầu HS đếm từ 1 đến số đó hoặc từ số bất kì đến số đó.  - GV có thể che đi một vài số rồi yêu cầu HS chỉ đọc các số đã che, chẳng hạn: che các số 50, 60, 70, hoặc 41, 51, 61 hoặc 45, 50, 60, 65, hoặc 44, 54, 64. Từ đó, nhắc HS chú ý cách đọc “mười” hay “mươi”, “một” hay “mốt”, “năm” hay “lăm”, “bốn” hay “tư”. Che các số 39, 40, 49, 50, 59, 60, 69, 70 yêu cầu HS đọc.  - GV nêu yêu cầu.  - GV nhận xét.  - Bài học hôm nay em biết thêm được điều gì?  - Những điều đó giúp ích gì cho em trong cuộc sống hằng ngày?  - Để đếm chính xác em nhắn bạn điều gì?  - Về nhà, em hãy quan sát xem trong cuộc sống các số đã học được sử dụng trong các tình huống nào? |

Bổ sung: ……………………………………………………………………………………

**TOÁN:**

**Bài 45: CÁC SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ (TỪ 71 ĐẾN 99)**

**I. MỤC TIÊU:**

**\*Kiến thức, kĩ năng**

- Đếm, đọc được các số từ 71 đến 99.

**\* Phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

- Thực hành vận dụng trong giải quyết các tình huống thực tế.

- Phát triển NL toán học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Các thanh (mỗi thanh gồm 10 khối lập phương rời ghép lại) và các khối lập phương

rời hoặc các thẻ chục que tính và các que tính rời để đếm.

* Các thẻ số từ 71 đến 99.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học** | **Hoạt động dạy** |
| **A. Hoạt động khởi động( 2 phút)**  **1. HS chơi trò chơi “Ai nhanh ai đúng” như sau:**  - Chia nhóm.  - HS tham gia chơi.  **2. HS quan sát tranh**  - HS quan sát tranh, đếm số lượng khối lập phương có trong tranh và nói: “Có 46 khối lập phương”,…Chia sẻ trước lớp và nói cách đếm.  **B. Hoạt động hình thành kiến thức(12 phút)**  **1. Hình thành các số từ 71 đến 99**  - HS thực hiện nhóm 4 hoặc theo nhóm bàn. Tương tự như trên, HS đếm số khối lập phương, đọc số, viết số.  b. Báo cáo kết quả  **-** HS báo cáo kết quả theo nhóm.  - Cả lớp đọc các số từ 71 đến 99  + HS đọc  + HS đọc  + HS đọc  **2. Trò chơi “Lấy đủ số lượng”**  - HS lắng nghe cách chơi.  - HS lấy ra đủ số khối lập phương.    - Tham gia chơi.  **C. Hoạt động thực hành, luyện tập(14 phút)**  **Bài 1**  - HS lắng nghe yêu cầu.  - HS thực hiện các thao tác:  - Viết các số vào vở.  - Đổi vở để kiểm tra, tìm lỗi sai và cùng nhau sửa lại nếu có.  **Bài 2**  - HS lắng nghe yêu cầu.  - HS thực hiện các thao tác:  - Đếm, tìm các số còn thiếu trong tổ ong rồi nói cho bạn nghe kết quả.  - Đọc các số từ 71 đến 99.  **D. Hoạt động vận dụng(5 phút)**  **Bài 3**  - HS lắng nghe yêu cầu.  - Cá nhân HS quan sát tranh, đếm và nói cho bạn nghe số quả chanh, số chiếc ấm.  - Chia sẻ trước lớp.  - HS lắng nghe và nhận xét cách đếm của bạn.  **E. Củng cố, dặn dò(2 phút)**  - HS nêu.  - Nhận việc. | - Chia lớp thành nhiều nhóm 4 – 6 HS, chỉ rõ: “Nhóm dùng các khối lập phương”, “Nhóm dùng các ngón tay”, “Nhóm viết số”.  - GV hoặc chủ trò đọc các số từ 41 đến 70. Nhóm dùng các khối lập phương giơ số khối lập phương tương ứng với số GV đã đọc. Nhóm dùng các ngón tay phải giơ đủ số ngón tay tương ứng với số GV đã đọc. Nhóm viết số dùng các chữ số để viết số đã đọc.  - Sau mỗi lần chơi các nhiệm vụ lại đổi luân phiên giữa các nhóm.  **Lưu ý:** GV khai thác những sản phẩm của hs, khai thác thể hiện số bằng những cách khác nhau.  a. GV phân công nhiệm vụ cho các nhóm sao cho mỗi nhóm thực hiện với 5 số. Cả lớp thực hiện đủ các số từ 71 đến 99.  GV nhắc HS cách đọc các số chú ý biến âm “mốt”, “tư”, “lăm”. Chẳng hạn:  + GV gắn các thẻ số 11, 21, 31, 41, 51, 61, 71, 81, 91.  + GV gắn các thẻ số 14, 24, 34, 44, 54, 64, 74, 84, 94.  + GV gắn các thẻ số 15, 25, 35, 45, 55, 65, 75, 85, 95.  - Hướng dẫn cách chơi: HS lấy ra đủ số khối lập phương (hoặc số que tính) theo yêu cầu của GV hoặc của bạn. Chẳng hạn: Lấy ra đủ 23 khối lập phương, lấy thẻ 23 đặt cạnh những khối lập phương vừa lấy.  - Tổ chức chơi.  - Nhận xét, tuyên dương.  - GV nêu yêu cầu.  - HS tự thực hiện.  - GV nêu yêu cầu.  - HS tự thực hiện.  GV có thể đánh dấu một số bất kì trong các số từ 71 đến 99, yêu cầu HS đếm từ 1 đến số đó hoặc từ số bất kì đến số đó, đếm tiếp, đếm lùi, đếm thêm từ số đó.  - GV che đi một vài số rồi yêu cầu HS chỉ đọc các số đã che, chẳng hạn: che các số 71, 81, 91, hoặc 74, 84, 94 hoặc 69, 70, 79, 80, 89, 90,… yêu cầu HS đọc.  - GV nêu yêu cầu.  - HS tự thực hiện.  - GV đặt câu hỏi để HS nhận ra khi đếm số lượng có thể đếm bằng nhiều cách khác nhau nhưng trong mỗi tình huống nên lựa chọn cách đếm nào nhanh, ít sai sót dễ dàng kiểm tra lại.  - Bài học hôm nay em biết thêm được điều gì?  - Những điều đó giúp ích gì cho em trong cuộc sống hằng ngày?  - Để đếm chính xác em nhắn bạn điều gì?  - Về nhà, em hãy quan sát xem trong cuộc sống các số đã học được sử dụng trong các tình huống nào? |

Bổ sung: ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**TUẦN 22** **TOÁN:**

**Bài 46: CÁC SỐ ĐẾN 100**

**I. MỤC TIÊU:**

**\*Kiến thức, kĩ năng**

- Học sinh nhận biết được số 100 dựa trên việc đếm tiếp hoặc đếm theo nhóm người.

- Đếm, đọc, viết số đến 100; Nhận biết được bảng các số từ 1 đến 100.

**\* Phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

**-** Bước đầu rèn luyện kĩ năng quan sát

- Phát triển các năng lực toán học.

- Có khả năng cộng tác , chia sẻ với bạn.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Tranh khởi động.

- Bảng các số từ 1 đến 100.

- Các phiếu in bảng các số từ 1 đến 100 như bài 1.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học** | **Hoạt động dạy** |
| **A. Hoạt động khởi động(2 phút)**  - HS chơi trò chơi.  **B. Hoạt động hình thành kiến thức.(12 phút)**  **1. Hình thành số 100**  - HS quan sát  - HS đếm tiếp đến số 100.  - HS quan sát.  - HS đọc.  - HS lắng nghe.  - HS gài bảng số 100.  - HS đọc nối tiếp.  **C. Hoạt động thực hành – luyện tập(14 phút)**  **Bài 1: Bảng các số từ 1 đến 100.**  - HS thực hiện phiếu.  - HS lắng nghe.  - Bảng có 100 số.  - Các số ở hàng ngang hơn kém nhau 1 đơn vị. Các số ở hàng dọc hơn kém nhau 10 đơn vị (1 chục)  - HS lắng nghe.  - HS nhận xét, tự đặt câu hỏi cho nhau về *Bảng các số từ 1 đến 100.*  **Bài 2: Số?**  - HS thực hiện lần lượt các động tác theo sự chỉ dẫn của GV.  - HS đọc.  **Bài 3:**  - HS quan sát.  - HS đếm theo.  - HS đếm và chia sẻ với bạn: Có 100 củ cà rốt và có 90 quả trứng.  - HS lắng nghe  **D. Hoạt động vận dụng(5 phút)**  - HS có cảm nhận về số lượng 100 thông qua hoạt động lấy ra 100 que tính ( 10 bó que tính 1 chục).  - HS trả lời.  **E. Củng cố - Dặn dò:(2 phút)**  - HS trả lời theo hiểu biết của mình. | - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Đếm tiếp”. GV nêu một số bất kì, nhóm HS đếm tiếp đến 100 thì GV có hiệu lệnh dùng lại.  - GV nhận xét tuyên dương.  - GV giới thiệu bài học.  - GV gắn băng giấy lên bảng ( đã che số 100).   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | 81 | 82 | 83 | 84 | 85 | 86 | 87 | 88 | 89 | 90 | | 91 | 92 | 93 | 94 | 95 | 96 | 97 | 98 | 99 |  |   - GV yêu cấu HS đếm theo các số trên băng giấy.  - GV cầm thẻ số 100 gắn vào ô trống rồi chỉ vào số 100.  - GV giới thiệu số 100. Giới thiệu 100 đọc là 100.  - GV giới thiệu cách viết số 100.  - GV yêu cầu HS gài thẻ số 100.  - GV nhận xét cho HS đọc lại.  - GV treo bảng các số từ 1 đến 100 ở bài 1. Phát phiếu cho HS yêu cầu HS đọc và điền các số còn thiếu ở ?.   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | 1 | ? | 3 | 4 | ? | ? | 7 | 8 | ? | 10 | | ? | 12 | 13 | ? | 15 | 16 | ? | 18 | 19 | ? | | 21 | 22 | ? | 24 | 25 | 26 | 27 | ? | 29 | 30 | | 31 | ? | 33 | 34 | 35 | 36 | 37 | 38 | ? | 40 | | ? | 42 | 43 | 44 | 45 | 46 | 47 | 48 | 49 | **?** | | ? | 52 | 53 | 54 | 55 | 56 | 57 | 58 | 59 | ? | | 61 | ? | 63 | 64 | 65 | 66 | 67 | 68 | ? | 70 | | 71 | 72 | ? | 74 | 75 | 76 | 77 | ? | 79 | 80 | | ? | 82 | 83 | ? | 85 | 86 | ? | 88 | 89 | ? | | 91 | ? | 93 | 94 | ? | ? | 97 | 98 | ? | 100 |   - GV chữa bài và giới thiệu: Đây là *Bảng các số từ 1 đến 100.*  - GV có thể đặt thêm các câu hỏi để HS nhận ra đặc điểm của *Bảng các số từ 1 đến 100.*  + Bảng này có bao nhiêu số?  + Nhận xét các số hàng ngang. Nhận xét các số ở hàng dọc?  - GV chỉ vào *Bảng các số từ 1 đến 100* giới thiệu các số từ 0 đến 9 là các số có 1 chữ số; các số từ 11 đến 99 là các số có 2 chữ số.  - GV hướng dẫn HS nhận xét một cách trực quan về vị trí “ đứng trước”, “ đứng sau” của mỗi số trong *Bảng các số từ 1 đến 100.*  - GV yêu cầu học sinh quan sát tranh và đọc số hoặc đặt thẻ số thích hợp vào mỗi ô ghi dấu “?”.  - GV yêu cầu học sinh đọc cho bạn nghe kết quả và chia sẻ cách làm.  -GV nhận xét  - GV cho HS quan sát mẫu: Bạn voi muốn đếm xem có tất cả bao nhiêu chiếc chìa khoá, bạn voi có cách đếm thông minh : 10, 20, … 90, 100.  - GV cho học sinh cùng đếm theo 10, 20, … 90, 100 rồi trả lời: “ Có 100 chiếc chìa khoá”  - GV yêu cầu HS thực hiện tương tự ở bức tranh cà rốt và tranh quả trứng.  - GV nhận xét tuyên dương.  - GV yêu cầu học sinh nêu cảm nhận khi học xong bài này.  + Trong cuộc sống, em thấy người ta dùng số 100 trong những tình huống nào?  - GV khuyến khích HS biết ước lượng số lượng trong cuộc sống.  - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì? Những điều đó giúp ích gì cho em trong cuộc sống hằng ngày?  + Từ ngữ toán học nào các em cần chú ý?  + Các em nhìn thấy số 100 ở những đâu?  - Nhận xét giờ học. |

Bổ sung: ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**TOÁN:**

**Bài 47: CHỤC VÀ ĐƠN VỊ**

**( tiết 1)**

**I. MỤC TIÊU:**

**\* Kiến thức, kĩ năng**

- Biết 1 chục bằng 10 đơn vị.

- Biết đọc, viết các số tròn chục.

- Bước đầu nhận biết cấu tạo số có hai chữ số.

**\* Phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

- Thực hành vận dụng trong giải quyết vấn đề các tình huống trong thực tế.

- Phát triển các năng lực toán học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- 10 khối lập phương, 10 que tính.

- Các thanh 10 khối lập phương hoặc bó 10 que tính.

- Bảng chục – đơn vị đã kẻ sẵn.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học** | **Hoạt động dạy** |
| **A. Hoạt động khởi động**  - HS chơi và đọc các số tương ứng trên quả táo.  **B. Hoạt động hình thành kiến thức.**  **1. Nhận biết 1 chục** (qua thao tác trực quan)  + Các bạn đang chơi xếp khối lập phương.  - 10 khối lập phương.  - 1 chục còn gọi là mười. Viết số 1 trước, số 0 viết sau.  - HS đọc: mười – một chục.  **2. Nhận biết các số tròn chục.**  - HS đọc các số tròn chục.  - HS lắng nghe.  **C. Hoạt động thực hành – luyện tập**  **Bài 1:**  - HS: Có 6 chục que tính.  - Sáu mươi.  - HS: Có 9 chục cái bát.  - Chín mươi  **\* Củng cố - Dặn dò:** | - Cho HS chơi trò chơi “ Hái táo” để tìm và đọc số tương ứng trên quả táo.  - GV nhận xét tuyên dương.  - GV giới thiệu bài mới: Chục và đơn vị.  - GV hướng dẫn HS quan sát tranh và hỏi các bạn trong tranh đang làm gì?  - GV cùng HS thao tác trên khối lập phương.  - GV và HS cùng lấy 10 khối lập phương ghép thành một thanh.  + 1 thanh gồm mấy khối lập phương  - 10 khối lập phương còn gọi là 1 chục khối lập phương.  + 1 chục còn có cách gọi nào khác? Nêu cách viết số mười?  - GV viết số 10 lên bảng. Hướng dẫn số 10 là số có 2 chữ số là 1 và 0.  - GV cho HS đọc số.  - GV và HS cùng thao tác tương tự như trên để nhận ra số lượng, đọc, viết các số tròn chục 20, 30, 40,…đến 90.  - GV hướng dẫn HS đếm theo chục. Từ 1 chục đến 9 chục và đọc theo thứ tự ngược lại. Yêu cầu HS đọc các số tròn chục theo thứ tự từ 10 đến 90 và ngược lại.  - GVKL: Các số tròn chục từ 10 đến 90 là những số có hai chữ số. Chữ số hàng đơn vị luôn là chữ số 0 và chữ số hàng chục tăng dần từ 1 – 9.  - Hoạt động cá nhân làm bài tập:  a) Quan sát tranh và đếm xem có mấy chục que tính?  - GV hỏi: 6 chục còn được gọi là bao nhiêu?  b) Quan sát tranh và đếm xem có mấy chục cái bát?  - GV hỏi: 9 chục còn được gọi là bao nhiêu?  - GV nhận xét chữa bài.  - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?  - Liên hệ thực tế: Một chục quả trứng gồm bao nhiêu quả?  - Nhận xét giờ học. |

Bổ sung: ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**TOÁN:**

**Bài 47: CHỤC VÀ ĐƠN VỊ**

**( tiết 2)**

**I. MỤC TIÊU:**

**\* Kiến thức, kĩ năng**

- Biết 1 chục bằng 10 đơn vị.

- Biết đọc, viết các số tròn chục.

- Bước đầu nhận biết cấu tạo số có hai chữ số.

**\* Phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

- Thực hành vận dụng trong giải quyết vấn đề các tình huống trong thực tế.

- Phát triển các năng lực toán học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- 10 khối lập phương, 10 que tính.

- Các thanh 10 khối lập phương hoặc bó 10 que tính.

- Bảng chục – đơn vị đã kẻ sẵn.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học** | **Hoạt động dạy** |
| **Bài 2:** Số?  - HS quan sát băng giấy để tìm ra quy luật của các số trên băng giấy.  - HS đọc bài làm.  **Bài 3:** Trò chơi “ Lấy cho đủ số đồ vật”  - HS chơi trong nhóm.  - Đại diện nhóm lên trình bày, các nhóm khác đặt câu hỏi cho nhóm trình bày. Ví dụ : 3 chục que tính là bao nhiêu que tính? Bằng các nào bạn lấy đủ 3 chục que tính?  **Bài 4:** Nói ( theo mẫu)  - HS: 3 thanh và 2 khối rời  - HS: số 32  - Có 2 chữ số, số 3 đứng trước, số 2 đứng sau.  - Số 32 gồm 3 chục và 2 đơn vị  - HS nhắc lại.  - HS làm bài.   |  |  | | --- | --- | | Chục | Đơn vị | | 2 | 4 |   - HS nói: Số 24 gồm 2 chục và 4 đơn vị.  **Bài 5:** Trả lời câu hỏi (cả lớp)  - HS trả lời:  a) Số 12 gồm 1 chục và 2 đơn vị.  b) Số 49 gồm 4 chục và 9 đơn vị.  c) Số 80 gồm 8 chục và 0 đơn vị. d) Số 66 gồm 6 chục và 6 đơn vị.  **\* Hoạt động vận dụng**  **Bài 6:**  - HS đoán và giải thích tại sao lại đoán được số đó.  - HS đếm.  \* **Củng cố - Dặn dò:(2 phút)**  - Biết về chục và đơn vị.  - Lắng nghe. | - HS làm bài cá nhân bài tập 2 ( Viết số tròn chục thích hợp vào ô trống)  \* Đáp án:   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | 10 | 20 | 30 | 40 | 50 | 60 | 70 | 80 | 90 |   - Yêu cầu HS đọc kết quả bài làm của mình.  - GV chốt chữa bài.  - GV tổ chức cho HS chơi trong nhóm 4.  - GV phổ biến luật chơi: Mỗi bạn lấy ra vài chục đồ vật và nói số lượng. Ví dụ: Có hai chục khối lập phương, có 1 chục bút màu, có 3 chục que tính…  - Tổ chức cho học sinh chơi.  - Gọi đại diện nhóm lên trình bày.  - GV nhận xét tuyên dương.  - Yêu cầu HS quan sát mẫu trong SGK.  + Có mấy thanh khối lập phương và có mấy khối lập phương rời?  + 3 thanh và 2 khối rời ta có số bao nhiêu?  - Số 32 là số có mấy chữ số?  - GV nhận xét: Trong số 32, số 3 cho ta biết 3 chục khối lập phương, số 2 cho ta biết có 2 khối lập phương rời. Ta có thể viết như sau:   |  |  | | --- | --- | | Chục | Đơn vị | | 3 | 2 |   + Số 32 gồm mấy chục và mấy đơn vị.  - GV cho HS nhắc lại cấu tạo số 32.  \* HS làm theo cặp đôi tương tự theo mẫu mà GV đã hướng dẫn ở các ý a, b, c, d của bài tập.  - GV quan sát hướng dẫn HS làm bài, nhận xét.  - Cho HS cả lớp đồng thanh nói lại cấu tạo các số ở các ý.  - GV hỏi HS trả lời.  - Gọi HS nhận xét, tuyên dương.  - GV yêu cầu HS thử ước lượng và đoán nhanh xem mỗi chuỗi vòng có bao nhiêu hạt?  - GV cho HS đếm để kiểm tra dự đoán.  - GV cho HS thấy rằng trong cuộc sống không phải lúc nào chúng ta cũng đếm chính xác ngay được kết quả, có thể có một số trường hợp phải ước lượng để có thông tin ban đầu nhanh chóng.  - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?  - Liên hệ thực tế: Một chục quả trứng gồm bao nhiêu quả?  - Nhận xét giờ học. |

Bổ sung: ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**TUẦN 23 TOÁN:**

**Bài 48: LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU:**

**\*Kiến thức, kĩ năng**

- Học sinh thực hành nhận biết được cấu tạo số có hai chữ số.

**\* Phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

- Thực hành vận dụng trong giải quyết vấn đề các tình huống trong thực tế.

**-** Bước đầu rèn luyện kĩ năng quan sát

- Phát triển các năng lực toán học.

- Có khả năng cộng tác , chia sẻ với bạn.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Bảng chục – đơn vị đã kẻ sẵn.

- Phiếu bài tập 4.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học** | **Hoạt động dạy** |
| **A. Hoạt động khởi động(2 phút)**  - “ Tên gì, tên gì”  - Bạn Lan nói: “ Số 35 gồm 3 chục và 5 đơn vị”  - HS lắng nghe.  - Nhắc lại tựa.  **B. Hoạt động thực hành – luyện tập(15 phút)**  **Bài 1:** **Số?**  - HS làm bài  a) Quan sát nói: Có 41 khối lập phương. Viết vào bảng chục đơn vị kẻ sẵn trên bảng con.   |  |  | | --- | --- | | Chục | Đơn vị | | 4 | 1 |   - HS nói: Số 41 gồm 4 chục và 1 đơn vị.  - HS làm tương tự ý b, c, d.  - HS nêu lại đồng thanh.  **Bài 2:** Trả lời câu hỏi (cả lớp)  - HS trả lời:  a) Số 27 gồm 2 chục và 7 đơn vị.  b) Số 63 gồm 6 chục và 3 đơn vị.  c) Số 90 gồm 9 chục và 0 đơn vị.  - HS có thể đặt thêm câu hỏi với bạn ở các số khác.  - Nhận xét  **Bài 3: Trò chơi “ Tìm số thích hợp”**  - HS chơi theo nhóm 4 : Đặt lên bàn các thẻ ghi số. Quan sát các tấm thẻ ghi. Đặt câu hỏi để bạn tìm đúng tấm thẻ đó. Chẳng hạn: Số nào gồm 5 chục và 1 đơn vị. Bạn trong nhóm nhặt thẻ số 51, nói: Số 51 gồm 5 chục và 1 đơn vị  **Bài 4: Số ?**  - Lắng nghe.  - HS làm việc theo cặp, chỉ vào số vừa viết nói cho bạn nghe: Số có 1 chục và 3 đơn vị là số 13 hoặc số 13 gồm 1 chục và 3 đơn vị.  **C. Hoạt động vận dụng( 16 phút)**  **Bài 5:** **Xem tranh rồi đếm số quả mỗi loại.**  - HS dự đoán và đếm kiểm tra. HS thực hiện tương tự lần lượt các quả xoài, quả lê, quả thanh long.  **D. Củng cố - Dặn dò:**  - HS trả lời.  - HS lắng nghe. | - Cho HS chơi trò chơi “ Bắn tên” để tìm nêu được cấu tạo các số.  + Chủ trò nói: “ Bắn tên, bắn tên”  + Chủ trò nói: “ Số ba mươi lăm”, mời bạn Lan.  - GV nhận xét tuyên dương.  - GV giới thiệu bài mới: Luyện tập.  - Yêu cầu HS quan sát tranh trong SGK rồi nói cho các bạn nghe kết quả.  - GV quan sát hướng dẫn HS làm bài, nhận xét.  - Cho HS cả lớp đồng thanh nói lại cấu tạo các số ở các ý.  - GV hỏi HS trả lời.  - Gọi HS nhận xét, tuyên dương.  \* Nếu HS gặp khó khăn thì GV hướng dẫn HS tìm câu trả lời bằng cách viết vào Bảng chục- đơn vị.   |  |  | | --- | --- | | Chục | Đơn vị | |  |  |   - GV tổ chức cho HS chơi  - GV quan sát HS chơi.  - Nhận xét tuyên dương.  - GV tổ chức cho HS làm việc theo cặp vào phiếu ở bài tập 4. Viết số thích hợp vào ô ? trong bảng rồi đọc số đó.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Chục | Đơn vị | Viết số | | 1 | 3 | 13 | | 4 | 6 | ? | | 4 | 8 | ? | | ? | ? | 52 |   - GV nhận xét.  - GV yêu cầu HS thử ước lượng và dự đoán xem có bao nhiêu quả chuối và đếm kiểm tra lại với bạn.  - GV cho HS thấy rằng trong cuộc sống không phải lúc nào chúng ta cũng đếm chính xác ngay được kết quả, có thể có một số trường hợp phải ước lượng để có thông tin ban đầu nhanh chóng.  - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?  - Liên hệ thực tế: Về nhà em hãy quan sát xem trong cuộc sống mọi người có dùng “ chục” và “đơn vị” không. Sử dụng trong các tình huống nào.  - Nhận xét giờ học. |

Bổ sung: ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**TOÁN:**

**Bài 49: SO SÁNH CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 100**

**I. MỤC TIÊU:**

**\*Kiến thức, kĩ năng**

- Học sinh so sánh được các số có hai chữ số.

**\* Phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

- Thực hành vận dụng so sánh số trong tình huống thực tiễn.

- Phát triển các năng lực toán học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Tranh khởi động.

- Bảng các số từ 1 đến 100.

- Các băng giấy đã chia ô vuông và ghi số như ở bài 1, 2, 3.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học** | **Hoạt động dạy** |
| **A. Hoạt động khởi động( 2 phút)**  - HS quan sát chia sẻ theo cặp những thông tin quan sát được.  - HS: Các số từ 0 đến 100  - HS lắng nghe.  **B. Hoạt động hình thành kiến thức(12 phút)**  **1. So sánh các số trong phạm vi 30**  - HS thực hiện cắt ghép băng giấy.  - HS tô chẳng hạn: tô màu số 3 và số 8.  - HS nhận xét: 3 đúng trước 8, 8 đứng sau 3.  + Nói: 3 bé hơn 8, 8 lớn hơn 3.  + Viết: 3 < 8, 8 > 3  - HS nhận xét:  14 đứng trước 17; 14 bé hơn 17;  14 < 17.  17 đứng sau 14; 17 lớn hơn 14;  17 > 14  - HS nhắc lại.  - HS nhận xét:  18 đứng trước 21; 18 bé hơn 21;  18 < 21.  21 đứng sau 18; 21 lớn hơn 18;  21 > 18  **2. So sánh các số trong phạm vi 60**  - HS so sánh nhận xét:  36 đứng trước 42; 36 bé hơn 42;  36 < 42.  42 đứng sau 36; 42 lớn hơn 36;  42 > 36.  - HS thực hiện viết vào phiếu học tập.  **3. So sánh các số trong phạm vi 100**  - HS so sánh nhận xét:  62 đứng trước 67; 62 bé hơn 67;  62 < 67.  67 đứng sau 62; 67 lớn hơn 62;  67 > 62.  - Nhận xét và nêu lại  - HS thực hiện viết vào phiếu học tập.  **C. Hoạt động thực hành – luyện tập(14 phút)**  **Bài 1:**  - HS làm theo các thao tác. Chia sẻ với các bạn cách làm và kết quả  Kết quả:  11 < 18; 15 > 13; 16 < 20; 11 > 9  - HS nêu lại đồng thanh.  **Bài 2:** ( Làm tương tự bài 1)  - HS làm theo các thao tác. Chia sẻ với các bạn cách làm và kết quả  Kết quả:  20 < 40; 30 < 70; 90 > 50; 60 = 60  - HS nêu lại đồng thanh.  **Bài 3:** ( Làm tương tự bài 1)  - HS làm theo các thao tác. Chia sẻ với các bạn cách làm và kết quả  Kết quả:  56 < 57; 66 > 60; 62 > 59; 63 = 63  - HS nêu lại đồng thanh.  **D. Hoạt động vận dụng(5 phút)**  **Bài 4:** **Xem tranh rồi trả lời câu hỏi.**  - HS quan sát tranh và trả lời  **E. Củng cố - Dặn dò:(2 phút)**  - HS trả lời.  - HS lắng nghe. | - Cho HS quan sát tranh khởi động, nhận biết bối cảnh bức tranh.  - GV nhận xét .  - GV chiếu Bảng các số từ 1 đến 100 và giới thiệu: Các em đã được học các số nào?. Bài hôm nay các em sẽ biết so sánh các số trong phạm vi 100.  - GV hướng dẫn HS cắt hai băng giấy ở Bảng các số từ 1 đến 100, ghép thành 1 băng giấy đặt trước mặt.  - GV yêu cầu HS tô màu vào hai số trong phạm vi 10.  - GV yêu cầu HS quan sát nhận xét so sánh hai số 3 và số 8.  - GV chốt lại: 3 bé hơn 3; 3 < 8  8 lớn hơn 3; 8 > 3  \* GV hướng dẫn tương tự HS tô màu vào số 14 và 17 và so sánh như trên.  - GV cho HS nhắc lại kết quả so sánh.  \* GV hướng dẫn HS cắt thêm băng giấy thứ 3, rồi yêu cầu HS tô màu vào hai số 18 và 21 và so sánh tương tự như trên.  - GV cho HS nhắc lại kết quả so sánh.  - GV hướng dẫn HS cắt tiếp 3 băng giấy tiếp theo ở *Bảng các số từ 1 đến 100*, rồi yêu cầu HS tô màu vào hai số 36 và 42 và so sánh tương tự như trên.  - GV nhận xét và yêu cầu HS nêu lại.  - Yêu cầu HS chọn 2 số khác nhau và thực hiện như trên , viết kết quả vào phiếu học tập.  - GV gắn phần còn lại của *Bảng các số từ 1 đến 100* lên bảng, rồi yêu cầu HS tô màu vào hai số 62 và 67 và yêu cầu HS so sánh .  - GV nhận xét và yêu cầu HS nêu lại.  - Yêu cầu HS chọn 2 số khác nhau và thực hiện như trên , viết kết quả vào phiếu học tập.  - GV hướng dẫn HS làm bài tập theo các thao tác sau: Điền số còn thiếu vào băng giấy ý a). So sánh các số theo các bước và điền dấu ở ý b).  - Cho HS nêu lại kết quả.  - GV hướng dẫn HS làm bài tập theo các thao tác sau: Điền số còn thiếu vào băng giấy ý a). So sánh các số theo các bước và điền dấu ở ý b).  - Cho HS nêu lại kết quả.  - GV hướng dẫn HS làm bài tập theo các thao tác sau: Điền số còn thiếu vào băng giấy ý a). So sánh các số theo các bước và điền dấu ở ý b).  - Cho HS nêu lại kết quả.  - GV yêu cầu HS quan sát tranh vẽ, nhận biết bối cảnh bức tranh, đếm số bông hoa mỗi bạn đang cầm, thảo luận với bạn xem ai có nhiều bông hoa nhất, ai có ít bông hoa nhất, giải thích.  - GV có thể gợi ý để HS nêu tên các bạn có số bông hoa từ thứ tự ít nhất đến thứ tự nhiều nhất.  - GV chữa bài, khuyến khích HS nêu tình huống so sánh số lượng đồ vật trong cuộc sống.  - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?  - Liên hệ thực tế: Về nhà em hãy quan sát xem trong cuộc sống việc so sánh các số trong phạm vi 100 được sử dụng trong các tình huống nào.  - Nhận xét giờ học. |

Bổ sung

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN:**

**Bài 50: LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU:**

**\*Kiến thức, kĩ năng**

-Học sinh so sánh được các số có hai chữ số.

**\* Phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

- Thực hành vận dụng so sánh số trong tình huống thực tiễn.

- Phát triển các năng lực toán học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Bảng các số từ 1 đến 100.

- Các thẻ số 38, 99, 83 và một số thẻ khác.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học** | **Hoạt động dạy** |
| **A. Hoạt động khởi động(2 phút)**  - HS chơi trò chơi dưới sự hướng dẫn của GV.  - HS lắng nghe.  **B. Hoạt động thực hành – luyện tập(16 phút)**  **Bài 1: <, >, = ?**  - HS suy nghĩ, tự so sánh hai số, sử dụng các dấu (>, <, =) và viết kết quả vào vở.  Kết quả:  12 < 18; 86 > 85; 65 = 65; 8 < 18  27 > 24; 68 < 70; 43<52; 96 > 76  - Trả lời  **Bài 2:**  - HS làm việc theo cặp đôi thực hiện bài tập.  Kết quả:   1. Số lớn nhất: 99 2. Số bé nhất: 38 3. Theo thứ tự từ bé đến lớn: 38, 83, 99   **Bài 3:**  - HS quan sát và trả lời.  - HS đọc:  Bạn Khánh được 18 điểm.  Bạn Long được 19 điểm.  Bạn Yến được 23 điểm.  - HS sắp xếp: Bạn Yến, Long, Khánh.  **C. Hoạt động vận dụng( 15 phút)**  **Bài 4:**  - HS quan sát tranh.  - HS đọc các số còn thiếu.  - HS quan sát tranh và trả lời  - HS trả lời: Trong các số vừa học ở câu a) Số lớn nhất là 50; Số bé nhất là 1; Số tròn chục bé nhất là 10; Số tròn chục lớn nhất là 50.  **D. Củng cố - Dặn dò:(2 phút)**  - HS trả lời.  - HS lắng nghe. | - Cho HS chơi trò chơi “ Đố bạn”. GV chiếu *Bảng các số từ 1 đến 100*. Cho HS chọn 2 số bất kì rồi so sánh.  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV giới thiệu bài: Luyện tập.  - GV hướng dẫn HS làm bài tập vào vở.  - GV yêu cầu HS đổi vở, chia sẻ cách làm với bạn.  - GV đặt câu hỏi cho HS giải thích cách so sánh.  - GV nhận xét.  - GV hướng dẫn HS lấy các thẻ số 38, 99, 83. Đố bạn chọ ra thẻ ghi số lớn nhất, số bé nhất rồi sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn.  - Cho HS nêu lại kết quả. GV nhận xét.  - GV có thể thay thế bằng thẻ số khác để HS làm thêm.  - GV hướng dẫn HS quan sát tranh xem tranh vẽ gì?  - GV cho HS đọc số điểm của mỗi bạn trong trò chơi tâng cầu.  - GV yêu cầu HS sắp xếp tên các bạn theo thứ tự số điểm từ lớn đến bé.  - GV nhận xét.  - GV khuyến khích HS đặt câu hỏi cho bạn về so sánh liên quan đến tình huống bức tranh.  - GV yêu cầu HS quan sát tranh vẽ, nhận biết bối cảnh bức tranh.  a) GV yêu cầu HS đọc các số còn thiếu giúp nhà thám hiểm vượt qua chướng ngại vật.  - GV chữa bài, khuyến khích HS đặt câu hỏi cho bạn về thông tin liên quan đến các số trong bức tranh.  b) GV cho HS trả lời câu hỏi của bài.  - GV nhận xét.  - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?  + Để có thể so sánh hai số chính xác em nhắn bạn điều gì?  - Nhận xét giờ học. |

Bổ sung: …………………………………………………………………………………………**TUẦN 24 TOÁN:**

**Bài 51: DÀI HƠN - NGẮN HƠN**

**I. MỤC TIÊU:**

**\*Kiến thức, kĩ năng**

- Có biểu tượng về “dài hơn”, “ngắn hơn”, “dài nhất”, “ngắn nhất”.

**\* Phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

- Thực hành vận dụng trong gỉai quyết các tình huống thực tế.

- Phát triển các NL toán học.

- Có khả năng cộng tác chia sẻ với các bạn

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Các băng giấy có độ dài ngắn khác nhau.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học** | **Hoạt động dạy** |
| **A. Hoạt động khởi động(2 phút)**  - 2 HS cùng bàn cùng nhau thảo luận.  - Đại diện nhóm lên bảng trình bày.  **B. Hoạt động hình thành kiến thức.(12 phút)**  - HS nhận xét: Bút chì xanh dài hơn bút chì đỏ, bút chì đỏ ngắn hơn bút chì xanh.  - HS nêu suy nghĩ và cách làm của mình.  - HS quan sát.  - HS lên bảng xếp lại theo hướng dẫn của GV.  - HS chỉ vào băng giấy dài hơn nói: “ Băng giấy đỏ dài hơn băng giấy xanh, băng giấy xanh ngắn hơn băng giấy đỏ”.  - HS hoạt động nhóm 4.  **C. Hoạt động thực hành, luyện tập.(14 phút)**  **Bài 1:**  - HS quan sát, so sánh các đồ vật, chiếc thang.  - HS giải thích.  **Bài 2:**  - HS thảo luận nhóm đôi: So sánh những chiếc váy.  - 3-4 cặp HS lên chia sẻ.  **Bài 3:**  - HS thảo luận nhóm đôi: So sánh chiều cao những con vật.  - 3-4 cặp HS lên chia sẻ.  **D. Hoạt động vận dụng.(5 phút)**  **Bài 4:**  - HS thảo luận nhóm đôi: So sánh chiều cao mọi người trong bức tranh.  - 3-4 cặp HS lên chia sẻ.  **Trò chơi: Bạn nào cao hơn, bạn nào cao nhất.**  - HS chơi theo nhóm 4.  - 3-4 nhóm lên báo cáo kết quả.  **E. Hoạt động củng cố, dặn dò.(2 phút)**  - HS trả lời: + Em biết so sánh các đồ vật, chiều cao,…  + “dài hơn”, “ngắn hơn”, “dài nhất”, “ngắn nhất”.  - HS lắng nghe, thực hiện | - Mỗi HS lấy 1 băng giấy, 2 bạn cùng bàn quan sát các băng giấy, nói cho bạn nghe: băng giấy nào dài hơn, băng giấy nào ngắn hơn.  - Đại diện cặp HS gắn 2 băng giấy của mình lên bảng và nói cách nhận biết băng giấy nào dài hơn, ngắn hơn.  - HS quan sát tranh và nhận xét.  - HS nói cách suy nghĩ và cách làm của mình để biết bút chì nào dài hơn, ngắn hơn.  - GV gắn 2 băng giấy lên bảng.  - HS lên bảng, xếp lại hai băng giấy.  - GV yêu cầu HS so sánh 2 băng giấy.  - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm 4: Mỗi bạn trong nhóm đặt các băng giấy của mình lên bàn, nhận xét băng giấy nào dài nhất, băng giấy nào ngắn nhất.  - Quan sát hình, trong từng trường hợp xác định: Đồ vật nào dài hơn? Đồ vật nào ngắn hơn? Chiếc thang nào dài hơn? Chiếc thang nào ngắn hơn?  - Giải thích cho bạn nghe.  - GV nhận xét, chốt đáp án.  - HS thảo luận nhóm đôi, quan sát hình vẽ, đặt câu hỏi cho bạn sử dụng các từ “dài hơn”, “ngắn hơn”, “dài nhất”, “ngắn nhất” để nói về các chiếc váy có trong bức tranh.  - 3-4 cặp HS chia sẻ trước lớp.  - HS thảo luận nhóm đôi, quan sát hình vẽ, đặt câu hỏi cho bạn sử dụng các từ “cao hơn”, “thấp hơn” để mô tả các con vật.  - 3-4 cặp HS chia sẻ trước lớp.  - HS thảo luận nhóm đôi, quan sát hình vẽ, đặt câu hỏi cho bạn sử dụng các từ “cao hơn”, “thấp hơn”, “cao nhất”, “thấp nhất” để mô tả mọi người trong bức tranh.  - 3-4 cặp HS chia sẻ trước lớp.  - GV tổ chức cho HS chơi theo nhóm 4. HS trong nhóm đứng cạnh nhau, dùng các từ “cao hơn”, “thấp hơn”, “cao nhất”, “thấp nhất” để nói về bản thân, chẳng hạn: Tớ cao hơn Lan, tớ thấp hơn Nam,…  - Yêu cầu HS so sánh 1 số đồ dùng như bút chì, tẩy, hộp bút,… với bạn rồi nói kết quả, chẳng hạn: Bút chì của tớ dài hơn bút chì của bạn,….  - 3-4 nhóm lên thực hiện trước lớp.  **-** GV hỏi: + Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?  + Từ ngữ toán học nào em cần chú ý?  - Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến so sánh độ dài, chiều cao để hôm sau chia sẻ với các bạn. |

Bổ sung: ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**TOÁN:**

**Bài 52: ĐO ĐỘ DÀI**

**I. MỤC TIÊU:**

**\*Kiến thức, kĩ năng**

- Biết đo độ dài bằng nhiều đơn vị đo khác nhau: gang tay, sải tay, bước chân, que tính,...

- Thực hành đo chiều dài bảng lớp học, bàn học, lớp học,….

**\* Phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

- Bước đầu rèn luyện kĩ năng quan sát

- Phát triển các NL toán học.

- Có khả năng cộng tác chia sẻ với các bạn

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Một số đồ dùng để đo như: que tính, kẹp giấy,...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học** | **Hoạt động dạy** |
| **A. Hoạt động khởi động(2 phút)**  - 2HS cùng bàn cùng nhau thảo luận và trả lời: Đo độ daì bằng gang tay, sải tay, bước chân,….  - HS trả lời.  **B. Hoạt động hình thành kiến thức.(12 phút)**  ***1. GV hướng dẫn HS đo.***  - HS quan sát, 4-5 HS lên đo mẫu và nêu kết quả.  ***2. HS thực hành đo theo nhóm.***  - HS hoạt động nhóm thực hành đo những đồ vật trong lớp học.  - Đại diện một số nhóm lên báo cáo kết quả.  - HS nhận xét, nêu.  - HS lắng nghe, ghi nhớ.  **C. Hoạt động thực hành, luyện tập.(14 phút)**  **Bài 1:**  - HS quan sát, thảo luận với nhau về hoạt động của các bạn trong tranh.  - HS nêu.  - HS lắng nghe.  **Bài 2:**  - HS quan sát và nêu.  - HS nêu: Có thể dùng kẹp giấy, kim băng hoặc các đồ vật khác để đo độ dài, cùng một vật đo bằng các đồ vật khác nhau thì cho kết quả khác nhau.  **D. Hoạt động vận dụng.(5 phút)**  **Bài 3:**  - HS thảo luận nhóm đôi: So sánh chiều cao các ngôi nhà trong bức tranh.  - 3-4 cặp HS lên chia sẻ.  **E. Hoạt động củng cố, dặn dò.(2 phút)**  + Em biết đo các đồ vật bằng: gang tay, sải tay, bước chân, que tính,...  + gang tay, sải tay, bước chân, que tính,...  - HS lắng nghe, thực hiện | - Quan sát tranh và chia sẻ với các bạn xem các bạn nhỏ trong bức tranh đang làm gì?.  - Hãy suy nghĩ xem, ngoài gang tay, sải tay, bước chân chúng ta có thể dùng cái gì để đo.  - GV hướng dẫn mẫu, gọi HS lên bảng thực hành theo mẫu, nói kết quả đo, chẳng hạn: Chiếc bàn dài khoảng 10 gang tay.  - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm: đo bàn học bằng gang tay, đo chiều dài lớp học bằng bước chân, đo chiều dài bảng lớp bằng sải tay,…  - Đại diện nhóm lên báo cáo kết quả đo trước lớp.  - Gọi HS nhận xét, nêu kinh nghiệm rút ra được qua thực hành.  - GV nhận xét cách đo của HS, nhắc HS những lưu ý khi đo.  - Quan sát hình, nói với bạn về hoạt động của các bạn trong tranh.  - Nói kết quả đo (đã thực hiện ở hoạt động 2).  - GV nhận xét, chốt đáp án.  - Yêu cầu HS quan sát hình vẽ, nêu chiều dài của chiếc bút, chiếc lược.  - HS nêu cách tìm chiều dài chiếc bút, chiếc lược.  - GV kết luận.  - HS thảo luận nhóm đôi, quan sát hình vẽ, đặt câu hỏi cho bạn sử dụng các từ “cao hơn”, “thấp hơn”, “cao nhất”, “thấp nhất” , “bằng nhau” để mô tả các ngôi nhà trong bức tranh.  - 3-4 cặp HS chia sẻ trước lớp.  **-** GV hỏi: + Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?  + Từ ngữ toán học nào em cần chú ý?  - Về nhà, em hãy dùng gang tay, sải tay, bước chân,… để đo một số đồ vật trong thực tế cuộc sống để hôm sau chia sẻ với các bạn. |

Bổ sung: …………………………………………………………………………………………

**TOÁN:**

**Bài 53: XĂNG - TI - MÉT**

**I. MỤC TIÊU:**

**\*Kiến thức, kĩ năng**

- Học sinh biết được xăng-ti-mét là đơn vị đo độ dài, viết tắt là cm.

- Cảm nhận được độ dài thực tế 1cm.

- Biết dùng thước có vạch chia xăng-ti-mét để đo độ dài đoạn thẳng

**\* Phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

- vận dụng trong giải quyết các tình huống thực tế.

- Phát triển các NL toán học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Thước có vạch chia xăng-ti-mét, một số băng giấy với độ dài xăng-ti-mét định trước.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học** | **Hoạt động dạy** |
| **A. Hoạt động khởi động(2 phút)**  - HS dùng gang tay đo chiều rộng bàn mình đang ngồi.  - 2-3 HS đọc kết quả.  - HS quan sát, lắng nghe.  - HS trả lời: Vì có bạn tay to, có bạn tay nhỏ, tay cô giáo to.  - HS thảo luận nhóm, trả lời: Dùng thước đo.  **B. Hoạt động hình thành kiến thức.(12 phút)**  ***1. GV giới thiệu khung công thức trang 117 SGK.***  - HS lắng nghe.  - HS quan sát.  ***2. HS thực hành trên thước đo.***  - HS quan sát thước, trao đổi thông tin:  + Các vạch chia trên thước cách đều nhau.  + Các vạch số cách nhau 1 đơn vị. Điểm bắt đầu là số 0.  + HS tìm: Các vạch số cách nhau 1 đoạn độ dài 1cm.  - HS thực hiện.  - HS cắt băng giấy và trao đổi với bạn.  - HS thực hiện.  ***3. GV hướng dẫn HS dùng thước đo độ dài***.  - HS lắng nghe, ghi nhớ.  - HS thực hành đo độ dài trên băng giấy, viết kết qủa và nêu cách đo.  **C. Hoạt động thực hành, luyện tập.(14 phút)**  **Bài 1:**  HS đo.  - HS đọc kết quả  **Bài 2:**  - HS đo và nêu kết quả.  - HS nhận xét cách đo theo các bước GV hướng dẫn.  - Đại diện nhóm nêu kết quả: Băng giấy xanh lá cây dài nhất, băng giấy xanh lam ngắn nhất. Xác định bằng cách so sánh độ dài đo được của 3 băng giấy.  **Bài 3:**  - HS chọn câu b đúng. Vì thước chỉ độ dài 9cm nhưng đặt vị trí bắt đầu là 1cm.  - Để đo được nhãn vở không bị nhầm lẫn, chúng ta cần đặt thước ở vị trí bắt đầu ở số 0.  - HS lắng nghe.  **D. Hoạt động vận dụng.(5 phút)**  **Bài 4:**  - HS chơi trò chơi theo nhóm.  - Hs thực hành.  - Các nhóm lên báo cáo kết quả.  **E. Hoạt động củng cố, dặn dò.(2 phút)**  - HS trả lời: + Em biết đơn vị đo xăng-ti-mét và cách đo độ dài bằng thước.  + Xăng-ti-mét. | - GV tổ chức cho HS đo đồ vật: chiều rộng bàn, dùng gang tay để đo và đọc kết quả đo.  - Gọi 2-3 HS đọc kết quả đo.  - GV dùng gang tay của mình để đo và nêu kết quả.  - GV hỏi: Cùng đo chiều rộng bàn nhưng tại sao mỗi người đo lại có kết qủa khác nhau?  - Thảo luận nhóm trả lời câu hỏi: Làm thế nào để có kết quả đo chính xác, khi đo một vật ai cũng có kết quả đo giống nhau?  - GV đọc khái niệm về đơn vị đo xăng-ti-mét.  - GV giới thiệu cho HS quan sát thước kẻ có vạch chia xăng-ti-mét có thể dùng đo độ dài.  - HS lấy thước, quan sát thước, trao đổi với bạn các thông tin quan sát được.  + Nhận xét các vạch chia trên thước.  + Các vạch số trên thước. Điểm bắt đầu là số mấy?  + HS tìm trên thước các đoạn có độ dài 1cm  - HS dùng bút chì tô vào một đoạn giữa 2 vạch ghi số trên thước kẻ nói: “một xăng-ti-mét”.  - Yêu cầu HS lấy kéo cắt băng giấy thành các mẩu giấy nhỏ dài 1cm, cho bạn xem và nói: “Tớ có các mẩu giấy dài 1cm”.  - GV yêu cầu HS dùng thước đo và trả lời: Trong bàn tay em, ngón tay nào có chiều rộng khoảng 1cm.?  - HS tìm một số đồ vật, sự vật trong thực tế có độ dài khoảng 1cm.  GV nêu các bước dùng thước đo độ dài theo 3 bước:  + B1: Đặt vạch số 0 của thước trùng với 1 đầu của vật, để mép thước dọc theo chiều dài của vật.  + B2: Đọc số ghi ở vạch của thước, trùng với đầu còn lại của vật, đọc kèm theo đơn vị đo cm.  + B3: Viết số đo độ dài đoạn thẳng vào chỗ thích hợp.  - GV tổ chức cho HS thực hành đo độ dài theo nhóm, mỗi HS dùng thước có vạch chia xăng-ti-mét để đo chiều dài mỗi băng giấy rồi viết kết quả đo vào băng giấy, đọc kết quả đo và nói cách đo trong nhóm.  - HS dùng thước đo chiều dài hộp màu.  - Gọi 2-3 HS đọc kết quả đo.  - GV nhận xét, chốt đáp án.  - HS dùng thước đo độ dài mỗi băng giấy và nêu kết quả đo.  - HS nhận xét cách đo và nêu những lưu ý để có số đo chính xác  - HS thảo luận nhóm đôi: tìm băng giấy dài nhất,ngắn nhất, nêu cách xác định băng giấy dài nhất, ngắn nhất.  - HS nhìn tranh, chọn câu đúng và nêu tại sao chọn câu đó?  - HS nêu cách đo đúng.  - GV nhận xét, nhắc lại HS cách đo.  - GV lưu ý: Để đo độ dài khôn máy móc, cần thực hành linh hoạt trong trường hợp không thể đo bắt đầu từ vạch số 0 (thước gẫy,,…) thì vẫn có thể đo được nhưng phải đếm số xăng-ti-mét tương ứng với độ dài của vật cần đo.  - GV tổ chức cho HS trò chơi: “ước lượng độ dài”.  + HS chơi theo nhóm, đứng cùng nhau, chỉ vào một số đồ dùng học tập rồi đoán độ dài của đồ dùng đó.  + Đo lại bằng thước.  - 3-4 cặp HS chia sẻ trước lớp.  **-** GV hỏi: + Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?  + Từ ngữ toán học nào em cần chú ý?  - Về nhà, em hãy tập ước lượng một số đồ dùng, đồ vật sử dụng đơn vị đo độ dài xăng-ti-mét và dùng thước kiểm tra lại. |

Bổ sung: ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**TUẦN 25** **TOÁN:**

**Bài 54: EM ÔN LẠI NHỮNG GÌ ĐÃ HỌC**

**( tiết 1)**

**I. MỤC TIÊU:**

**\*Kiến thức, kĩ năng**

- Đọc, viết, so sánh các số trong phạm vi 100.

- Thực hành vận dụng đọc, viết, so sánh các số đã học

**\* Phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

- Thực hành vận dụng trong tình huống thực tế.

- Phát triển các NL toán học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Bảng các số từ 1 đến 100, một số thẻ số để làm bài tập 4, 5, 6.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học** | **Hoạt động dạy** |
| **A. Hoạt động khởi động**  - HS chơi trò chơi.  - HS viết 5 số, đưa cho bạn cùng nhóm xem.  - HS xem số của bạn, suy nghĩ, dự đoán.  **B. Hoạt động thực hành, luyện tập**  **Bài 1:**  - HS viết hoàn thiện bảng các số từ 1 đến 100.  - HS cùng bạn thảo luận theo câu hỏi gợi ý của GV.  + Bảng này có bao nhiêu số?  + Nhận xét các số ở hàng ngang, hàng dọc.  + Che đi một hàng (hoặc một cột), đọc các số đã che.  + Chọn hai số, so sánh hai số đã chọn.  + Chọn 3 hoặc 4 số, so sánh rồi chỉ ra số nào lớn nhất, bé nhất?  - HS cùng nhau rút thẻ và so sánh.  **\* Hoạt động củng cố, dặn dò**  - Trả lời | - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi: Bí ẩn mỗi con số.  - Mỗi HS viết ra 5 số (mỗi số chứa một thông tin bí mật và có ý nghĩa nào đó liên quan đến người viết) rồi đưa ra cho các bạn trong nhóm xem.  - Các HS khác đọc số, suy nghĩ, dự đoán và đặt câu hỏi để biết những số bạn viết ra có bí ẩn gì. Mỗi số được đoán 3 lần, ai giải mã được nhiều số bí ẩn nhất người đó thắng cuộc.  - HS viết (ra vở hoặc phiếu) hoặc đặt các thẻ số còn thiếu vào ô ? trong bảng các số từ 1 đến 100 rồi đọc kết quả cho bạn nghe.  - HS đặt câu hỏi cho bạn để cùng nhau nắm vững một số đặc điểm của bảng các số từ 1 đến 100.  **-** GV hỏi: + Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?  + Để có thể đếm đúng số lượng, so sánh chính xác hai số em nhắn bạn điều gì? |

Bổ sung: ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**TOÁN:**

**Bài 54: EM ÔN LẠI NHỮNG GÌ ĐÃ HỌC**

**( tiết 2)**

**I. MỤC TIÊU:**

**\*Kiến thức, kĩ năng**

- Đọc, viết, so sánh các số trong phạm vi 100.

- Thực hành vận dụng đọc, viết, so sánh các số đã học

**\* Phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

- Thực hành vận dụng trong tình huống thực tế.

- Phát triển các NL toán học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Bảng các số từ 1 đến 100, một số thẻ số để làm bài tập 4, 5, 6.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học** | **Hoạt động dạy** |
| **Bài 2:**  - HS chia sẻ cùng các bạn trong nhóm  - HS suy nghĩ, điền dấu vào vở.  15 < 21; 98 > 89; 74 = 74; 30 < 48.  - HS đổi vở kiểm tra bài lẫn nhau.  - HS giải thích.  **Bài 3:**  - HS thảo luận nhóm tìm ra phương án đùng.  - Các nhóm lên trình bày  **Bài 4:**  - HS tìm thẻ, tìm số lớn nhất, số bé nhất.  - HS sắp xếp.  - HS thực hiện.  **Bài 5:**  - HS quan sát, đếm số lượng.  - HS đặt thẻ phù hợp.  - HS chia sẻ.  **\* Hoạt động vận dụng**  **Bài 6:**  - HS dùng thước đo.  - HS gắn thẻ.  **Hoạt động củng cố, dặn dò**  - HS trả lời:  + Em ôn lại các số từ 1 đến 100, so sánh các số, dùng thước đo chiều dài.  - HS trả lời. | a) - HS thảo luận theo cặp: Cùng nhau rút ra hai thẻ số bất kỳ, so sánh xem số nào lớn hơn, bé hơn.  - Đọc cho bạn nghe kết quả, chia sẻ cách làm.  b) – HS suy nghĩ, tự so sánh hai số, sử dụng các dấu (>,<,=) và viết kết quả vào vở.  - HS đổi vở cùng kiểm tra, đọc kết quả và chia sẻ với bạn cách làm.  - GV đặt câu hỏi để HS giải thích cách so sánh của các em.  - HS thảo luận nhóm đôi: Lần lượt 1 bạn hỏi 1 bạn trả lời.  VD: + HS 1 hỏi: Số 28 gồm mấy chục và mấy đơn vị?  + HS 2 trả lời: Số 28 gồm 2 chục và 8 đơn vị. HS 2 hỏi ngược lại, HS 1 trả lời.  - GV gọi lần lượt các nhóm lên trình bày.  - GV nhận xét, chốt đáp án đúng.  - HS tìm 4 thẻ có các số: 49, 68, 34, 55 đặt trên bàn, tìm số lớn nhất, số bé nhất.  - HS sắp xếp các thẻ số trên theo thứ tự từ lớn đến bé.  - GV nêu thêm 4 số, yêu cầu HS tìm thẻ và sắp xếp như trên.  - HS quan sát tranh, đếm số lượng đồ vật trong mỗi hình.  - HS đặt số thẻ phù hợp vào ô ?  - HS chia sẻ thông tin thực tiễn về đếm số lượng trong cuộc sống. VD: Hàng ngày, các em có phải đếm không? Kể một vài tình huống…  - HS dùng thước kẻ có vạch xăng-ti-mét đo chiều cao cửa sổ, cửa ra vào, chiều ngang ngôi nhà và chiều dài mái nhà.  - HS dùng các thẻ số gắn vào các ô ? cho phù hợp.  - GV nhận xét.  **-** GV hỏi: + Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?  + Để có thể đếm đúng số lượng, so sánh chính xác hai số em nhắn bạn điều gì? |

Bổ sung: ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**TOÁN:**

**Bài 55: EM VUI HỌC TOÁN**

**I. MỤC TIÊU:**

**\*Kiến thức, kĩ năng**

- Chơi trò chơi thông qua đó củng cố kĩ năng đọc, viết số có hai chữ số.

- Thực hành lắm ghép, tạo hình bằng các vật liệu khác nhau phát huy trí tưởng tượng trí tuệ sáng tạo của học sinh.

**\* Phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

- Thực hành đo độ dài trong thực tế bằng đơn vị đo không tiêu chuẩn.

- Phát triển năng lực toán học

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Cốc giấy cầm tay học sinh có thể lồng vào nhau ( mỗi HS 1 cốc).

- Đất năn, que tạo hình.

- Một số đồ vật thật có dạng khối hình hộp chữ nhật, hình lập phương.

- Mỗi nhóm có 1 sợi dây dài, một thanh gỗ hoặc 1 thanh nhựa để đo khoảng cách giữa 2 vị trí.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học** | **Hoạt động dạy** |
| **A. Hoạt động 1: Trò chơi “Đọc số”**  -Học sinh quan sát  -Học sinh thực hiện theo nhóm bốn  **B. Hoạt động 2: Tạo hình bằng que và đất nặn**  -HS hoạt động theo nhóm đôi.  -Quan sát GV làm mẫu  -Thực hiện sau đó nói cho nhau nghe về hình vừa tạo được.  - HS trình bày.  - Lắng nghe và giao lưu với nhóm bạn.  **C. Hoạt động 3: Tạo đường viền bằng cách vẽ viền quanh đồ vật.**  - Hoạt động theo nhóm đôi  -Quan sát  - HS thực hiện yêu cầu  -Trình bày và giao lưu giữa các HS  **D. Hoạt động 4: Đo khỏang cách giữa 2 vị trí**  -HS lắng nghe  -Học sinh làm việc theo nhóm 6,  **E. Củng cố dặn dò:**  -Em vui học Toán | - Giáo viên thao tác trên cốc giấy làm theo hướng dẫn như trong bài 1 trang 122 SGK.  - Tổ chức cho học sinh xoay cốc và đố nhau theo mẫu: 54 gồm 5 chục và 4 đơn vị  -Một vài nhóm trình bày trước lớp.  -Gv nhận xét, dẫn dắt vào bài học.  - Tổ chức cho HS hoạt động theo nhóm đôi.  - Giáo viên tạo hình mẫu ( theo SGK)  - Tổ chức làm việc theo nhóm đôi: tạo hình theo trí tưởng tượng của cá nhân.  - Tổ chức cho các nhóm trình bày  -GV nhận xét chuyển hoạt động .  - Tổ chức cho HS hoạt động theo nhóm đôi.  - Giáo viên đưa ra một số hình mẫu  - Tổ chức làm việc theo nhóm đôi: Nói cho nhau nghe về hình dạng của đồ vật trên, vẽ đường viền quanh đáy để tạo hình phẳng, Nói cho nhau nghe về hình dạng của hình vừa tạo được.  - Tổ chức cho các nhóm trình bày  - GV nhận xét chuyển hoạt động .  - Chia lớp thành các nhóm và giao cho nhóm nhiệm vụ: Nhóm 1: đo khoảng cách giữ 2 cái cây. Nhóm 2: Khoảng cách 2 cái cột, Nhóm 3: Chiều dài sân khấu, Nhóm 4: Chiều dài 2 cột cổng trường…..  Chia lớp thành các nhóm 6. Hướng dẫn học sinh thực hiện theo các bước:  Bước 1: Phân công nhiệm vụ các thành viên  -Bước 2: Từng thành viên đo khoảng cách đã được giao bằng sợi dây.  - Bước 3: Dùng thanh gỗ xem sựi dây dài bao nhiêu  - Bước 4: Ghi lại và cử đại diện báo cao  -GV nhận xét, khen học sinh.  - Hôm nay các em học bài gì?  -Dặn học sinh về nhà thực hiện lại các hoặt động cho gia đình xem  - Nhận xét tiết học. |

Bổ sung: ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**TUẦN 26 TOÁN:**

**Bài 56: PHÉP CỘNG DẠNG 14 + 3**

**(tiết 1)**

**I. MỤC TIÊU:**

**\*Kiến thức, kĩ năng**

- Biết được cách tìm kết quả các phép cộng dạng 14 + 3.

**\* Phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép cộng đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển các NL toán học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- 20 chấm tròn đỏ, 10 chấm tròn xanh (trong bộ đồ dùng Toán 1).

- Băng giấy đã kẻ 20 ô vuông có kích thước phù hợp với chấm tròn trong 4 bộ đồdùng để HS có thể đặt được chấm tròn vào mỗi ô.

- Một số tình huống đơn giản có phép cộng dạng 14 + 3

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học** | **Hoạt động dạy** |
| 1. **Hoạt động khởi động**   - HS tham gia  1. HS chơi trò chơi “Truyên điện” ôn lại phép cộng trong phạm vi 10.  2.HS hoạt động theo nhóm đôi và thực hiện lần lượt các hoạt động sau: 3’  - HS quan sát bức tranh trên tivi  - HS thảo luận nhóm đôi;  + Bức tranh vẽ gì?  +Viết phép tính thích hợp vào bảng con.  + Nói với bạn về phép tính vừa viết.   1. **Hoạt động hình thành kiến thức**   1. HS tính 14 + 3 = 17  - Thảo luận nhóm về các cách tìm kết quả phép tính 14 + 3 = ?   1. HS lắng nghe GV hướng dẫn cách tìm kết quả phép tính cộng 14 + 3 và cùng thao tác với GV:   - HS quan sát, làm theo.  - HS đếm cá nhân, đồng thanh.  - Cá nhân, đồng thanh.  - HS chia sẻ.“Tớ nhìn thấy có 14 chong  chóng đỏ, 3 chong chóng xanh, tất cả có 17 chong chóng, tớ viết phép cộng:  14 + 3 = 17”.  - HS nhận xét bạn  - Đại diện nhóm trình bày.  -HS lắng nghe và nhận xét các cách tính các bạn nêu ra.  - HS thực hiện.  - HS giơ bảng, báo cáo. HS khác lắng nghe, nhận xét.   1. **Hoạt động thực hành, luyện tập**   **Bài 1.** Tính  - HS đọc yêu cầu  Tự làm bài cá nhân, sau đó đổi vở đặt câu hỏi cho nhau và nói cho nhau về tình huống đã cho và phép tính tương ứng.  - HS báo cáo  - HS nêu. HS khác nhận xét.  \***Củng cố, dặn dò**  - HS trả lời.  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe. | - Hướng dẫn học sinh cách chơi  - GV viết phép tính lên bảng hoặc máy chiếu 4+3= ; 5+4= ; 9+1= ; 1+6= ; 4+5= ; 3+6=; 4+2= ...  - YC HS giơ bảng và nêu phép tính.  - GV nhận xét. GV hỏi thêm: Em làm thế nào để tìm được kết quả phép tính  14 + 3 = 17?  - GV nhận xét  - GV phân tích cho HS thấy có thể dùng nhiều cách khác khau để tìm kết quả phép tính.  - Tay lấy 14 chấm tròn đỏ (xếp vào các ô trong bằng giấy).  -Miệng nói: Có 14 chấm tròn. Tay lấy 3 chấm tròn xanh. Xếp lần lượt từng chấm tròn xanh vào các ô tiếp theo trong băng giấy.  - YC HS đếm : 15,16,17.  - Nói kết quả phép cộng 14+3=17   1. YC HS trao đổi nhóm thực hiện một số phép tính sau, sau đó viết kết quà vào bảng con: 13+1= ; 12+3= ; 11+8=   - GV nhận xét  -GV chốt lại cách làm bài, có thể làm mẫu 1 phép tính.  Lưu ý: Để HS có thể thực hiện phép tính dạng 14+ 3 bằng cách đếm thêm một cách dễ dàng, GV có thể sử dụng bằng giấy hỗ trợ trực quan thao tác đếm thêm 3 .  – Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?  - Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng dạng 14 +3 để hôm sau chia sẻ với các bạn.  - Nhận xét tiết học. |

Bổ sung: ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**TOÁN:**

**Bài 56: PHÉP CỘNG DẠNG 14 + 3**

**( tiết 2)**

**I. MỤC TIÊU:**

**\*Kiến thức, kĩ năng**

- Biết được cách tìm kết quả các phép cộng dạng 14 + 3.

**\* Phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép cộng đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển các NL toán học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- 20 chấm tròn đỏ, 10 chấm tròn xanh (trong bộ đồ dùng Toán 1).

- Băng giấy đã kẻ 20 ô vuông có kích thước phù hợp với chấm tròn trong 4 bộ đồdùng để HS có thể đặt được chấm tròn vào mỗi ô.

- Một số tình huống đơn giản có phép cộng dạng 14 + 3

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học** | **Hoạt động dạy** |
| **Bài 2.** Tính  HS nêu yêu cầu.   - HS tính rồi viết kết quả phép tính vào vở.  – Đổi vở kiểm tra chéo.  - HS đứng tại chỗ nêu cách làm.  **Bài 3** Chọn kết quả đúng với mỗi phép tính  - Cá nhân HS tự làm bài 3: Chọn kết quả đúng với mỗi phép cộng.  - Thảo luận với bạn về chọn phép tính nào thích hợp: Trong hộp có 12 viên bi xanh , bỏ thêm vào hộp 2 viên bi xanh nữa. Có tất cả 14 viên bi xanh. 12+2=14  - HS nhận xét  **Bài 4**. Nêu phép tính thích hợp với mỗi tranh vẽ  - Đoàn tàu có 15 toa tàu, nối thêm 3 toa tàu nữa. Phép tính tìm tất cả số toa tàu là 15+ 3 = 18.  - HS nhận xét.   1. **Hoạt động vận dụng(4 phút)**   Thi đua theo tổ  - HS thi đua nêu phép tính.   1. **Củng cố, dặn dò(2 phút)**   - HS trả lời.  - HS lắng nghe. | - GV NX,chốt lại cách thực hiện phép tính dạng 14 + 3 bằng cách đếm thêm 3 kể từ 14: 15, 16, 17.  - GV nhận xét.  YC HS quan sát tranh, suy nghĩ và nói cho bạn nghe *tình huống trong mỗi* bức tranh rồi đọc phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp  - YC HS chia sẻ.a,b.  - Mời HS nhận xét bạn.  - GV nhận xét, chốt.  - Các em hãy tìm một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép cộng dạng 14+3  - GV nhận xét.  – Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?  - Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng dạng 14 +3 để hôm sau chia sẻ với các bạn.  - Nhận xét tiết học. |

Bổ sung: ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**PHÉP TRỪ DẠNG 17 - 2**

**(tiết 1)**

**I. MỤC TIÊU:**

**\*Kiến thức, kĩ năng**

- Biết được cách tìm kết quả các phép trừ dạng 17-2

**\* Phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép trừ đã học vào giải quyết mặc. tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển các NL toán học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- 20 chấm tròn đỏ, 20 chấm tròn xanh.

- Băng giấy đã kẻ 20 ô vuông (kích thước phù hợp với chấm tròn trong 1 , dùng để HS có thể đặt được chấm tròn vào mỗi ô).

- Một số tình huống đơn giản có phép trừ dạng 17 – 2.

- Trò chơi, tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước khi vào giờ học **.**

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học** | **Hoạt động dạy** |
| 1. **Hoạt động khởi động**   - HS lắng nghe.  - HS tham gia  - HS thảo luận nhóm bàn:  + Bức tranh vẽ gì?  + Viết phép tính thích hợp (bảng con).  + Nói với bạn về phép tính vừa viết.  - HS giơ bảng, chia sẻ.  - HS nêu: “Tớ nhìn thấy tất cả có 17 chong chóng, 2 chong chóng bạn trai cầm đi, còn lại 15 chong chóng. Tớ viết phép trừ: 17– 2 = 15”.   1. **Hoạt động hình thành kiến thức**   **1. HS tính 17 – 2 = 15**  - Thảo luận nhóm đôi về các cách tìm kết quả phép tính 17 – 2 = ?  - HS nêu.  - HS nhận xét.  - HS thực hiện.  - Đại diện nhóm trình bày.  - HS lắng nghe và nhận xét các cách tính bạn nêu ra.  3. HS thực hiện một số phép tính khác, viết kết quả vào bảng con.  14 – 1 = ; 18 – 3 = ; ...  - HS trình bày.   1. **Hoạt động thực hành, luyện tập**   **Bài 1. Tính**  - HS thực hiện.  - HS đọc  - HS thực hiện.  - HS chia sẻ cách làm.  - HS nhận xét bạn.  **D.Củng cố, dặn dò**  - HS trả lời  - HS lắng nghe. | 1. Trò chơi: “Truyền điện”  - Giúp hs ôn lại phép trừ trong phạm vi 10.  - Gv phổ biến luật chơi, cách chơi.  - Tổ chức chơi: GV viết phép tính lên bảng hoặc máy chiếu:  9-2= ; 8-6= ; 7-2 =; 4-1=; 6- 3= ; 5-4 =..  - GV nhận xét.  2. HS hoạt động theo nhóm (bàn) và thực hiện lần lượt các hoạt động sau:  - YC HS quan sát bức tranh trên tivi  - YC HS giơ bảng, chia sẻ.  + Em làm thế nào để tìm được kết quả phép tính 17 – 2= 15?  - GV nhận xét.  - GV phân tích cho HS thấy có thể dùng nhiều cách khác khau để tìm kết quả phép tính.  2. HS lắng nghe GV hướng dẫn cách tìm kết quả phép trừ 17 – 2 và cùng thao tác với GV:  - Tay lấy 17 chấm tròn đỏ (xếp vào các ô trong băng giấy).  – Miệng nói: Có 17 chấm tròn. Tay bớt đi 2 chấm tròn (làm thao tác gạch bớt) - Đếm: 16, 15.  - Nói kết quả phép trừ 17 – 2 = 15.  - GV nhận xét.  - Cá nhân HS làm bài 1: Tìm kết quả các phép trừ nêu trong bài (HS có thể dùng các chấm tròn và thao tác đếm để tìm kết quả phép tính).  - Gv giao việc: Tự làm bài cá nhân, sau đó đổi vở đặt câu hỏi cho nhau và nói cho nhau về tình huống đã cho và phép tính tương ứng.  -GV nhận xét - chốt lại cách làm, có thể làm mẫu 1 phép tính.( có thể sử dụng băng giấy hỗ trợ).    – Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?  - Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép trừ dạng 17-2 để hôm sau chia sẻ với các bạn.  - Nhận xét tiết học. |

Bổ sung: ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**TUẦN 27** **PHÉP TRỪ DẠNG 17 - 2**

**(tiết 2)**

**I. MỤC TIÊU:**

**\*Kiến thức, kĩ năng**

- Biết được cách tìm kết quả các phép trừ dạng 17-2

**\* Phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép trừ đã học vào giải quyết mặc. tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển các NL toán học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- 20 chấm tròn đỏ, 20 chấm tròn xanh.

- Băng giấy đã kẻ 20 ô vuông (kích thước phù hợp với chấm tròn trong 1 , dùng để HS có thể đặt được chấm tròn vào mỗi ô).

- Một số tình huống đơn giản có phép trừ dạng 17 – 2.

- Trò chơi, tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước khi vào giờ học**.**

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học** | **Hoạt động dạy** |
| **Bài 2. Tính**  - HS đọc yêu cầu  - HS tính rồi viết kết quả phép tính vào vở.  - Đổi vở kiểm tra chéo.  - HS đứng tại chỗ nêu cách làm.  - HS lắng nghe.  **Bài 3. Chọn kết quả đúng với mỗi phép tính**  - Cá nhân HS tự làm bài 3: Chọn kết quả đúng với mỗi phép cộng.  - Thảo luận với bạn về chọn phép tính nào thích hợp. Chia sẻ trước .  **Bài 4. Nêu phép tính thích hợp với mỗi tranh vẽ**  - Quan sát tranh.  - HS thực hiện.  - HS chia sẻ: a) Trong giỏ có 14 quả táo, lấy ra 4 quả táo trong giỏ còn lại là. 14-4=10  - HS nhận xét  b) Có tất cả 18 cây nến, có 6 cây nến đã bị tắt. Phép tính tìm số cây nến còn lại là: 18 – 6= 12.  - HS nhận xét.   1. **Hoạt động vận dụng(4 phút)**   Thi đua theo tổ  - Các em hãy tìm một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép trừ dạng 17-2  - HS thi đua nêu phép tính.   1. **Củng cố, dặn dò(2 phút)**   - HS trả lời  - HS lắng nghe. | - GV NX,chốt lại cách thực hiện phép tính dạng 17-2. Ngoài cách dùng chấm tròn và thao tác đếm, ta có thể tính bằng cách đếm bớt 2 kể từ 17: 16, 15.  - GV nhận xét.  YC HS quan sát tranh, suy nghĩ và nói cho bạn nghe *tình huống trong mỗi* bức tranh rồi đọc phép tính tương ứng và chia sẻ trước lớp  - YC HS chia sẻ.a,b.  - Mời HS nhận xét bạn.  - GV nhận xét, chốt.  - GV nhận xét.  – Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?  - Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép trừ dạng 17-2 để hôm sau chia sẻ với các bạn.  - Nhận xét tiết học. |

Bổ sung: ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**TOÁN:**

**Bài 58: LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU:**

**\*Kiến thức, kĩ năng**

- Thực hiện được cộng, trừ các phép tính dạng 14 + 3 và dạng 17 - 2.

- Nhận biết được bài toán có lời văn gồm các số (điều đã biết) và câu hỏi (điều cần tìm). Nắm bắt được thông tin toán học hữu ích trong mỗi bài toán và lựa chọn đúng phép tính để giải quyết vấn đề.

**\* Phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển các NL toán học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Chuẩn bị một số bài toán gắn với thực tế sử dụng các phép tính cộng, trừ đã học.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học** | **Hoạt động dạy** |
| **A. Hoạt động khởi động (5 phút)**  - HS hát  - HS tham gia chơi và chia sẻ trước lớp cách tìm kết quả.  **B. Hoạt động thực hành, luyện tập(16 phút)**  **Bài 1. Tính**  - HS đọc yêu cầu.  - HS thực hiện.  - HS đổi vở, chấm chéo, đặt câu hỏi và nói cho nhau về kết quả các phép tính  **Bài 2. Số**  - HS đọc yêu cầu.  - HS chỉ vào tranh nói tình huống tranh, mô tả điều gì đã biết, điều gì phải tìm.  - HS nêu.  - HS đọc bài toán (HS nêu số hoặc đặt thẻ số thích hợp vào ô )  HS tự đưa ra một số ví dụ về bài toán có lời văn.  - HS chia sẻ.  - HS nhận xét bạn.  **Bài 3**  - HS đọc đề toán.  HS viết phép tính thích hợp và trả lời: a) Phép tính: 6+ 3 = 9.  Trả lời: Tổ em có tất cả 9 bạn.  b) Phép tính: 5 – 1 = 4.  - HS nhận xét bạn.  - HS đọc bài toán.  - HS thực hiện.  **Bài 4**  - HS chia sẻ.  - HS nhận xét bạn.  - HS thực hiện  - HS viết phép tính thích hợp và trả lời:  Phép tính: 18 – 4= 14.  Trả lời: Trên xe còn lại 14 người.  **C.Hoạt động vận dụng(12 phút)**  - HS thi đua  - Hs nhận xét  **D.Củng cố, dặn dò(2 phút)**  - HS trả lời.  - HS lắng nghe. | + Hát  + chuẩn bị đồ dùng học tập   * Cho học sinh chơi trò chơi truyền điện . HS sẽ trả lời kết quả phép tính, nếu đúng sẽ được mời bạn khác trả lời, nếu sai sẽ mất quyền chơi.   *15 – 5 =*   *18 – 2 = 19 - 8 =*  *17 - 2 = 14 - 1 = 18- ... = 14*  - GV hướng dẫn HS chơi trò chơi, chia sẻ trước lớp. Khuyến khích HS nói, diễn đạt bằng chính ngôn ngữ của các em.  + GV Nhận xét  - Cá nhân HS làm bài 1: Tìm kết quả các phép cộng hoặc trừ nêu trong bài.  - GV nhận xét.  - GV hỏi: Bài toán cho ta biết điều gì? Bài toán hỏi gì? Hãy nói cho bạn nghe suy nghĩ của em.  - YC Cá nhân HS quan sát tranh, nói cho bạn nghe tranh vẽ gì?  - GV giới thiệu bài toán có lời văn. Bài toán gồm hai phần: phần thông tin cho biết, phần thông tin cần tìm (thường ở dạng câu hỏi bắt đầu từ chữ “Hỏi ”).  - YC HS tự đưa ra một số ví dụ về bài toán có lời văn, chia sẻ trong nhóm và cử đại điện trình bày.  - GV nhận xét.  a)YC HS đọc bài toán, suy nghĩ xem bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì?  - YC HS thảo luận nhóm đôi để tìm cách trả lời câu hỏi bài toán đặt ra.  - GV nhận xét.  b)YC HS đọc bài toán, suy nghĩ xem bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì?  - YC HS thảo luận nhóm đôi để tìm cách trả lời câu hỏi bài toán đặt ra.  - GV nhận xét.  Yc HS đọc bài toán, suy nghĩ xem bài toán cho biết gi?  - HS thảo luận nhóm đôi .  - GV nhận xét  Thi đua theo tổ  - Các em hãy tìm một số tình huống trong thực tế gắn với trường lớp, gia đình, cộng đồng sử dụng phép cộng hoặc phép trừ đã học. Có dạng 14+3, 17-2  - GV nhận xét.  – Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?   Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng, phép trừ trong phạm vi 20 và đặt bài toán cho mỗi tình huống đó để hôm sau chia sẻ với các bạn.  - Nhận xét tiết học. |

Bổ sung: ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**TOÁN:**

**Bài 59: CỘNG, TRỪ CÁC SỐ TRÒN CHỤC**

**I. MỤC TIÊU:**

**\*Kiến thức, kĩ năng**

-  Biết được cách tính nhẩm tìm kết quả phép cộng, phép trừ các số tròn chục.

**\* Phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép cộng, phép trừ đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển các NL toán học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Một số thẻ thanh mười (mỗi thẻ gồm 10 khối lập phương rời).

- Một số tình huống đơn giản có phép cộng, phép trừ các số tròn chục tính.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học** | **Hoạt động dạy** |
| **A. Hoạt động khởi động :(2 phút)**  - HS nối tiếp nhau chơi nêu các số tròn chục  - Hs quan sát  - Tranh: có 3 chục quả trứng, 5 chục quả cà chua.  - HS khác nhận xét  - HS nêu đề toán: Có 3 chục quả trứng trên bàn, thêm 5 chục quả cà chua. Hỏi có tất cả bao nhiêu quả trứng và quả cà chua?  -HS khác nhận xét  **B. Hoạt động hình thành kiến thức(12 phút)**  1. HS tính 20 + 10 = 30, 50 – 20 = 30.  - HS thảo luận nhóm về các cách tìm kết quả phép tính  20+10 = ?, 50 – 20 = ?  - Đại diện nhóm trình bày.  - HS lắng nghe và nhận xét các cách tính các bạn nêu ra.  - HS lắng nghe, ghi nhớ  - Hs thực hiện phép tính 50 - 20 = 30  Ta nhẩm 5 chục - 2 chục = 3 chục  - HS khác nhận xét  - Đại diện từng nhóm lên trình bày các phép tính.  - HS nêu: Có 3 chục quả trứng, thêm 5 chục quả cà chua. Như vậy có tất cả 8 chục quả trứng và cà chua, ta lấy 3 chục + 5 chục = 8 chục.  - Hs nhận xét  - Tính  **C. Hoạt động thực hành, luyện tập(14 phút)**  **Bài 1**:  - Đọc đề.  - HS làm bài:  30 + 10 = 40 20 + 20 = 40  40 + 20 = 60 80 + 10 = 90  50 + 40 = 90  20 + 70 = 90  - HS đứng tại chỗ nêu cách làm.  - HS khác nhận xét  - HS đổi vở kiểm tra chéo.  **Bài 2**:  - Tính  - HS tính nhẩm nêu kết quả các phép trừ rồi ghi phép tính vào vở.  - HS đứng tại chỗ nêu cách làm.  - HS đổi vở kiểm tra chéo.  **Bài 3:**  - HS đọc đề.  - Cá nhân HS tự làm bài 3: Tìm số thích hợp trong mỗi ô ? để có được phép tính đúng.  - 1 HS lên bảng làm.  40 + 10 = 50 40 + 30 = 20  30 + 20 = 50 30 - 20 = 10  10 + 60 = 70  20 - 20 = 0  - VD: phép tính 40 +.....=50  Ta lấy 4 chục thêm 1 chục = 5 chục  Như vậy ta có phép tính: 40+ 10 = 50  - Hs nhận xét  **Bài 4:**  - Hs đọc đề.  - HS:  Lớp 1A ủng hộ học sinh có hoàn cảnh khó khăn được 5 chục quyển vở, lớp 1B ủng hộ được 4 chục quyển vở. Hỏi cả hai lớp ủng hộ được bao nhiêu quyển vở?  - HS thảo luận nhóm.  - HS trình bày  + Bài toán cho biết: Lớp 1A ủng hộ học sinh có hoàn cảnh khó khăn được 5 chục quyển vở, lớp 1B ủng hộ được 4 chục quyển vở  + Bài toán hỏi: Hỏi cả hai lớp ủng hộ được bao nhiêu quyển vở?  - HS thảo luận  - HS thực hiện viết:  Phép tính: 50 + 40 = 90  Trả lời: Cả hai lớp ủng hộ được 90 quyển vở.  - HS khác nhận xét  - HS: ta phải đổi 5 chục = 50; 4 chục = 40  - HS lắng nghe  **D. Hoạt động vận dụng(5 phút)**  - HS thực hiện theo nhóm đôi  **E. Củng cố, dặn dò(2 phút)**  - HS: em đã biết cộng, trừ các số tròn chục.  - HS lắng nghe | - Cho HS hát bài  -Tiếp tục cho HS chơi trò chơi “Truyền điện” ôn lại các số tròn chục.  - GV: chúng ta vừa ôn lại các số tròn chục rồi, để biết cách cộng trừ các số tròn chục như thế nào thì chúng ta cùng vào bài học ngày hôm nay nhé  - GV yêu cầu hoạt động theo nhóm đôi lần lượt các hoạt động sau:  + Quan sát tranh  + Thảo luận nhóm đôi: xem tranh vẽ gì    - Gv nhận xét  - GV: Từ bức tranh và những gì các bạn đã biết, bạn nào nêu được đề toán bài này.  - GV nhận xét  - Chuyển ý: Vậy để tìm được phép tính trên thì chúng ta cùng nhau thực hiện các phép cộng trừ ở hai hình phía dưới nhé.  - GV cho HS thảo luận nhóm về các cách tìm kết quả phép tính  20+10 = ?, 50 – 20 = ?    2. GV chốt lại cách tính nhẩm:  - Chẳng hạn: 20 + 10 = ?  Ta nhẩm: 2 chục +1 chục = 3 chục.  Vậy 20 + 10 = 30.  3. HS thực hiện một số phép tính khác.  - GV nhận xét  - Cho HS đố nhau trong bàn tự lấy ví dụ về phép cộng, phép trừ các số tròn chục.  - GV chốt: Như vậy các con đã biết tính nhẩm cộng trừ các số tròn chục rồi vậy bạn nào có thể tính nhẩm cho cô bức tranh đầu mình mới đặt đề toán?  - Gv nhận xét, thuyên dương  - Yêu cầu HS đọc đề  -HS tính nhẩm nêu kết quả các phép cộng rồi ghi phép tính vào vở.  - Mời 1 HS lên bảng làm bài  - GV nhận xét  - GV chấm 1 số bài.  - Yêu cầu HS đọc đề ( Tương tự như bài 1 )  - Mời 1 HS lên bảng làm bài.  - Gv nhận xét.  - Mời 1 HS lên bảng làm bài.  - HS chia sẻ với bạn cách làm  - HS đổi vở kiểm tra chéo.  - GV nhận xét, tuyên dương  - GV cho HS đọc bài toán thảo luận nhóm đôi, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì.  - Đại diện nhóm lên trình bày  - HS thảo luận với bạn cùng bàn về cách trả lời câu hỏi bài toán đặt ra (quyết định lựa chọn phép cộng hay phép trừ để tìm câu trả lời cho bài toán đặt ra, tại sao). HS viết vào bảng con  - GV mời HS lên bảng viết phép tính thích hợp và trả lời:  - HS kiểm tra lại phép tính và câu trả lời.  - GV khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em.  Lưu ý: Khi các con muốn tính kết quả các số tròn chục ta phải làm gì?  - GV chốt: Để biết cả hai lớp đã ủng hộ được bao nhiêu quyển vở mới ta dùng phép tính cộng. Như vậy ta có phép tính 50 + 40 = 90 .  - GV cho HS tìm một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép cộng, phép trừ các số tròn chục.  - Bài học ngày hôm nay, em biết thêm được điều gì?  - Về nhà, các em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng, phép trừ các số tròn chục, đăt ra bài toán cho mỗi tình huống đó để hôm sau chia sẻ với các bạn. |

Bổ sung: ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**TUẦN 28 TOÁN:**

**Bài 60: PHÉP CỘNG DẠNG 25 + 14**

**(tiết )**

**I. MỤC TIÊU:**

**\*Kiến thức, kĩ năng**

- Biết cách đặt tính và thực hiện phép tính cộng trong phạm vi 100 (cộng không nhớ dạng 25 + 14).

**\* Phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép cộng, phép trừ đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển các NL toán học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

 - Các thẻ thanh chục và khối lập phương rời như SGK, các thẻ chục que tính và các thẻ que tính rời trong bộ đồ dùng học toán; bảng con.

- Một số tình huống đơn giản có liên quan đến phép cộng trong phạm vi 100.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học** | **Hoạt động dạy** |
| **A. Hoạt động khởi động**  - HS tham gia  2. HS hoạt động theo nhóm đôi và thực hiện lần lượt các hoạt động sau: 3’  - HS quan sát bức tranh (trong SGK hoặc trên máy chiếu).  - HS thảo luận nhóm đôi;  + Bức tranh vẽ gì?  + Viết phép tính thích hợp vào bảng con.  + Nói với bạn về phép tính vừa viết.  - HS giơ bảng.  **B. Hoạt động hình thành kiến thức**  **1. HS tính 25 + 14 = ?**  - Thảo luận nhóm về cách tìm kết quả phép tính 25 + 14 = ?  (HS có thể dùng que tính, có thể dùng các khối lập phương, có thể tính nhẩm, ...)  - HS nêu  - HS chia sẻ.“Tớ nhìn thấy một bên có 25 khối lập phương, bên kia có 14 khối lập phương, bạn nhỏ đang thực hiện phép tính gộp 25 khối lập phương với 14 khối lập phương , viết được phép cộng:  25 + 14 = ? ”.  - HS giơ bảng nêu phép tính.  - HS nhận xét bạn  - HS quan sát  - Đại diện nhóm trình bày. -HS lắng nghe và nhận xét các cách tính các bạn nêu ra.  - HS đọc yêu cầu: 25 + 14 = ?  - HS lắng nghe và thao tác theo GV.  - HS đổi bảng con nói cho bạn bên cạnh nghe cách đặt tính và tính của mình.  - Một vài HS nêu lại cách tính  - Cá nhân, đồng thanh.  4. HS thực hiện một số phép tính khác để củng cố cách thực hiện phép tính dạng 25 + 14.  **C. Hoạt động thực hành, luyện tập**  **Bài 1.** Tính  - HS đọc yêu cầu  Tự làm bài cá nhân, sau đó đổi vở đặt câu hỏi cho nhau và nói cho nhau về tình huống đã cho và phép tính tương ứng.  - 1 HS làm bảng, báo cáo. HS khác lắng nghe, nhận xét.  - HS lắng nghe  - HS nêu. HS khác nhận xét.  - HS nêu: + Thực hiện tính từ phải sang trái:  • Hàng đơn vị cộng với hàng đơn vị.  • Hàng chục cộng với hàng chục.\*  **D.Củng cố, dặn dò (2 phút)**  - HS trả lời  - HS lắng nghe. | 1. HS chơi trò chơi “Truyên điện” ôn lại phép cộng, trừ các số tròn chục. GV viết phép tính lên bảng hoặc máy chiếu.  40+10= ; 50+20= ; 90-20= ; 50-10= ; 30+60= ; 30+50=; 70+10= ...  - GV nhận xét  - YC HS giơ bảng và nêu phép tính.  - GV nhận xét.  - Nhận xét, tuyên dương  2. GV hướng dẫn cách đặt tính và tính phép cộng dạng 25 +14 = ?  - GV làm mẫu:  + Chúng ta đặt tính thẳng cột: hàng đơn vị thẳng hàng đơn vị, hàng chục thẳng hàng chục.  + Thực hiện tính từ phải sang trái:  • Hàng đơn vị cộng với hàng đơn vị.  • Hàng chục cộng với hàng chục.  - GV chốt lại cách thực hiện, đề nghị một vài HS chỉ vào phép tính nhắc lại cách tính.  3. GV viết một phép tính khác lên bảng, chẳng hạn 24 + 12 = ?  - HS lấy bảng con cùng làm với GV từng thao tác: đặt tính, cộng từ phải sang trái, đọc kết quả.  - GV lấy một số bảng con đặt tính chưa thẳng hoặc tính sai để nhấn mạnh lại cách đặt tính rồi viết kết quả phép tính cho HS nắm chắc.  - Gv giao việc  -GV chốt lại cách làm bài, có thể làm mẫu 1 phép tính.  - YC HS chốt lại quy tắc cộng từ phải sang trái, viết kết quả thẳng cột.  – Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?  - Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng đã học, đặt ra bài toán cho mỗi tình huống đó để hôm sau chia sẻ với các bạn.  - Nhận xét tiết học. |

Bổ sung: ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**TOÁN:**

**Bài 60: PHÉP CỘNG DẠNG 25 + 14**

**(tiết 2)**

**I. MỤC TIÊU:**

**\*Kiến thức, kĩ năng**

- Biết cách đặt tính và thực hiện phép tính cộng trong phạm vi 100 (cộng không nhớ dạng 25 + 14).

**\* Phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép cộng, phép trừ đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển các NL toán học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

 - Các thẻ thanh chục và khối lập phương rời như SGK, các thẻ chục que tính và các thẻ que tính rời trong bộ đồ dùng học toán; bảng con.

- Một số tình huống đơn giản có liên quan đến phép cộng trong phạm vi 100.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học** | **Hoạt động dạy** |
| **Bài 2**. Đặt tính rồi tính  - HS đọc đề bài  - HS tính rồi viết kết quả phép tính vào vở.  - Đổi vở kiểm tra chéo.  - HS đứng tại chỗ nêu cách làm.  - HS khác nhận xét  **Bài 3:** Chọn kết quả đúng với mỗi phép tính  - HS nêu yêu cầu.  - HS thực hiện, 1 học sinh lên chia sẻ  - Hs dò kết quả với bạn, đối chiếu, tìm đúng hộp thư ghi kết quả phép tính.  **Bài 4**  - HS đọc bài toán : Lớp 1A trồng được 24 cây, lớp 1B trồng được 21 cây. Hỏi cả hai lớp trồng được bào nhiêu cây?  - Nói cho bạn nghe bài toán cho biết: Lớp 1A trồng được 24 cây, lớp 1B trồng được 21 cây, bài toán hỏi : Hỏi cả hai lớp trồng được bào nhiêu cây?  - HS thảo luận với bạn cùng cặp hoặc cùng bàn về cách trả lời câu hỏi bài toán đặt ra.  - HS chia sẻ: Lớp 1A trồng được 24 cây, lớp 1B trồng được 21 cây. Cả hai lớp trồng được 45 cây  Ta viết phép tính: 24 + 21 = 45.  - HS kiểm tra lại phép tính và câu trả lời,  - HS khác nhận xét, nhắc lại cách làm  **\* Hoạt động vận dụng**  Thi đua theo tổ: Tổ nêu tình huống, tổ nêu phép tính tương ứng.  Bài toán: Mại có 12 cái kẹo, Nam có 23 cái kẹo. Hỏi cá này vào cả bao nhiêu cái kẹo?  - HS thi đua nêu phép tính: 12 + 23 = 45  **\*Củng cố, dặn dò**  - HS trả lời  - HS lắng nghe. | - GV nhận xét chữa bài, chỉnh sửa các lỗi đặt tính và tính cho HS.  - GV hướng dẫn HS cách làm, hướng dẫn HS tính ra nháp tìm kết quả mỗi phép tính.  - Yêu cầu HS thực hiện, chia sẻ trước lớp  - Lưu ý: GV có thể tổ chức thành trò chơi “Ghép thẻ”. Để hoàn thành bài này, HS có thể có những cách khác để tìm đúng kết quả. GV nên khuyến khích HS chia sẻ cách làm.  - Yêu cầu HS viết phép tính vào bảng con chia sẻ trước lớp  - GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em.  - Gv nhận xét tuyên dương  HS tìm một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép cộng 25 + 14 đã học.  - GV nhận xét.  – Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?  - Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng đã học, đặt ra bài toán cho mỗi tình huống đó để hôm sau chia sẻ với các bạn.  - Nhận xét tiết học. |

Bổ sung: ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**TOÁN:**

**Bài 61: PHÉP CỘNG DẠNG 25 + 14, 25 + 40**

**( tiết 1)**

**I. MỤC TIÊU:**

**\*Kiến thức, kĩ năng**

- Biết cách đặt tính và thực hiện phép cộng trong phạm vi 100 (cộng không nhớ dạng 25 + 4, 25 + 40).

**\* Phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép cộng, phép trừ đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển các NL toán học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Các thẻ thanh chục và khối lập phương rời như SGK hoặc các thẻ chục que tính và các thẻ que tính rời trong bộ đồ dùng học toán; bảng con.

- Một số tình huống đơn giản có liên quan đến phép cộng trong phạm vi 100.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học** | **Hoạt động dạy** |
| **A. Hoạt động khởi động:**  1.HS chơi trò chơi “Truyền điện” củng cố kĩ năng cộng nhẩm hai số tròn chục, cộng dạng 14 + 3.  -Hs quan sát  - Hs thảo luận nhóm đôi  - Bạn nhỏ trong bức tranh đang thực hiện phép tính 25 + 4 = ? bằng cách gộp 25 khối lập phương và 4 khối lập phương.  **B. Hoạt động hình thành kiến thức:**  **1. HS tính 25 + 4 = ?**  - Hs thảo luận | 2.HS hoạt động theo nhóm (bàn) và thực hiện lần lượt các hoạt động sau:  - Y/c HS *quan sát* bức tranh (trong SGK hoặc trên máy chiếu).  - HS thảo luận nhóm bàn:  + Bức tranh vẽ gì?  - Nhận xét.  - Y/c thảo luận nhóm về cách tìm kết quả phép tính 25 + 4 = ? |
| - Có thể dùng que tính, có thể dùng các khối lập phương, có thể tính nhẩm, ...  - Đại diện nhóm nêu cách làm.  **2. GV hướng dẫn cách đặt tính và tính phép cộng dạng 25 + 4 = ?**  - HS đọc yêu cầu: 25 + 4 = ?  - HS quan sát  - Các số viết thẳng hàng nhau.  - Lắng nghe  - Một số Hs nhắc lại.  - Hs lấy bảng con làm.  - HS đổi bảng con nói cho bạn bên cạnh nghe cách đặt tính và tính của mình.  - HS lắng nghe.  **C. Hoạt động thực hành, luyện tập**  **Bài 1: Tính**  - Hs đọc: Tính  - Viết thẳng cột  - Tính từ phải sang trái  - Hs làm vở bài tập  - Đổi chéo vở kiểm tra bài bạn.  - Lắng nghe  **D.Củng cố, dặn dò**  - Trả lời | - GV nhận xét các cách tính của HS.    - GV làm mẫu:  + Đặt tính: Các só được viết như thế nào?  + Thực hiện tính từ phải sang trái:   * 5 cộng 4 bằng 9, viết 9. * Hạ 2, viết 2.   + Đọc kết quả: Vậy 25 + 4 = 29.  - GV chốt: Khi đặt tính các con phải viết các số thẳng hàng với nhau. Rồi thực hiện tính từ phải qua trái.  - Gọi một vài HS chỉ vào phép tính nhắc lại cách tính.  - GV viết một phép tính khác lên bảng,   1. + 5 = ?   -Y/c HS lấy bảng con cùng làm với GV từng thao tác: đặt tính, cộng từ phải sang trái, đọc kết quả.  - Gọi HS đổi bảng con nói cho bạn bên cạnh nghe cách đặt tính và tính của mình.  - GV lấy một số bảng con đặt tính chưa thẳng hoặc tính sai để nhấn mạnh lại cách đặt tính rồi viết kết quả phép tính cho HS nắm chắc.  - HS thực hiện một số phép tính khác để củng cố cách thực hiện phép tính dạng 25 + 4  - Gọi Hs đọc y/c của bài.  - Khi viết kết quả của phép tính hàng dọc, con cần phải viết như thế nào?  - Tính kết quả từ đâu sang đâu?  - Y/c HS tính rồi viết kết quả phép tính vào vở.  - HS đổi vở kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe.  - GV chốt: Khi tính kết quả của phép tính hàng dọc ta cộng từ phải sang trái, viết kết quả thẳng cột.    - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì? Khi đặt tính và tính em nhắn bạn càn lưu ý những gì?  - GV đưa ra các phép tính, chẳng hạn: 24 + 1; 75 + 1; ...  - GV nhắc HS với những phép tính đơn giản có thể nhẩm ngay được kết quả, không nhất thiết lúc nào cũng phải đặt tính rồi tính.  - Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng đã học, đặt ra bài toán cho mỗi tình huống đỏ để hôm sau chia sẻ với các bạn. |

Bổ sung: ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**TUẦN 29 TOÁN:**

**Bài 61: PHÉP CỘNG DẠNG 25 + 14, 25 + 40**

**( tiết 2)**

**I. MỤC TIÊU:**

**\*Kiến thức, kĩ năng**

- Biết cách đặt tính và thực hiện phép cộng trong phạm vi 100 (cộng không nhớ dạng 25 + 4, 25 + 40).

**\* Phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép cộng, phép trừ đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển các NL toán học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Các thẻ thanh chục và khối lập phương rời như SGK hoặc các thẻ chục que tính và các thẻ que tính rời trong bộ đồ dùng học toán; bảng con.

- Một số tình huống đơn giản có liên quan đến phép cộng trong phạm vi 100.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học** | **Hoạt động dạy** |
| **Bài 2: Đặt tính rồi tính.**  - Hs đọc  - Theo hàng dọc  - Viết thẳng hàng nhau  - Tính từ bên phải sang bên trái.  - Hs làm vở  - - HS đổi vở kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe.  **Bài 3: Tính (theo mẫu)**  - Hs quan sát  - Đọc 25 + 40 =?  - Thẳng hàng nhau.  - Lắng nghe  - Hs làm bài  - - HS đổi vở kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe.  **Bài 4: Đặt tính rồi tính**  - HS đặt tính rồi tính  - Hs làm bài vào vở  - HS đổi vở kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe.  **\* Hoạt động vận dụng (5 phút)**  **Bài 5**  - Hs đọc  - HS thảo luận  - Phép tính thích hợp: 25 + 20 = 45  - Trả lời: Mẹ làm được tất cả 45 chiếc bánh.  - Hs đọc: Huyền có 23 quyển truyện, mẹ mua thêm cho Huyền 3 quyển truyện nữa. Hỏi Huyền có tất cả bao nhiêu quyển truyện?  **\*Củng cố, dặn dò(2 phút)**  - Hs trả lời  - HS nêu các cách tính | - Gọi Hs đọc yêu cầu của bài.  - Đặt tính là chúng ta viết phép tính theo hàng nào?  - Các số được viết như thế nào?  - Khi tính kết quả chúng ta từ đâu sang đâu?  - Y/c HS đặt tính rồi tính và ghi kết quả vào vở.  - GV chữa bài, chỉnh sửa các lỗi đặt tính và tính cho HS.  - HS quan sát mẫu, nói cách thực hiện phép tính dạng 25 + 40 trong SGK  - GV hướng dẫn HS theo trình tự mẫu bài  +Gọi Hs đọc yêu cầu?  + Các số được đặt tính như thế nào?  + Thực hiện tính từ phải sang trái:   * 5 cộng 0 bằng 5, viết 5. * 2 cộng 4 bằng 6, viết 6.   + Đọc kết quả: Vậy 25 + 40 = 65.  - GV chốt lại cách thực hiện: Khi tính kết quả hàng dọc cộng từ phải sang trái, các số viết thẳng hàng nhau.  - HS thực hiện các phép tính khác rồi đọc kết quả.  - GV chốt lại quy tắc cộng từ phải sang trái, viết kết quả thẳng cột.  **-** Gọi Hs đọc y/c của bài.  - Y/c Hs làm bài  - GV chữa bài, chỉnh sửa các lỗi đặt tính và tính cho HS.  - Gv: Khi tính kết quả của phép tính hàng dọc nhớ tính từ phải sang trái.  - Y/c HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì.  - Cho HS thảo luận với bạn cùng bàn về cách trả lời câu hỏi bài toán đặt ra : Mẹ làm được tất cả bao nhiêu chiếc bánh?  - Y/c HS viết phép tính thích hợp và trả lời?  - HS kiểm tra lại phép tính và câu trả lời.  - Y/c HS tìm một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép cộng đã học.  - Gv nhận xét.  - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì? Khi đặt tính và tính em nhắn bạn càn lưu ý những gì?  - GV đưa ra các phép tính, chẳng hạn: 24 + 1; 75 + 1; ...  - GV nhắc HS với những phép tính đơn giản có thể nhẩm ngay được kết quả, không nhất thiết lúc nào cũng phải đặt tính rồi tính.  - Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng đã học, đặt ra bài toán cho mỗi tình huống đỏ để hôm sau chia sẻ với các bạn. |

Bổ sung: ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**TOÁN:**

**Bài 62: LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU:**

**\*Kiến thức, kĩ năng**

- Biết tính nhấm phép cộng (không nhớ) các số trong phạm vi 100 ở một số trường hợp đơn giản.

**\* Phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép cộng, phép trừ đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Thực hành viết phép tính cộng phù họp với câu trả lời của bài toán có lời văn và tính đúng kết quả.

- Thực hành vận dụng tính nhẩm trong tình huống thực tiễn.

- Phát triển các NL toán học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Một số phép tính đơn giản để HS tính nhẩm.

- Một số tình huống thực tế đơn giản có liên quan đến cộng nhẩm (không nhớ) các số trong phạm vi 100.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học** | **Hoạt động dạy** |
| **A. Hoạt động khởi động( 5 phút)**  **-** Hs chơi  - Một vài Hs chia sẻ  - Hs trả lời  **B. Hoạt động thực hành, luyện tập(20 phút)**  **\* Bài 1: Tính**  - HS nêu yêu cầu.  - Hs tính  - HS thảo luận tìm kết quả | - Cho Hs chơi trò chơi “Truyền điện” ôn tập cộng nhẩm trong phạm vi 10.  - Y/c HS chia sẻ: + Cách cộng nhẩm của mình.  + Để có thể nhẩm nhanh, chính xác cần lưu ý điều gì?  - GV dần vào: Các em đã biết cộng nhẩm các số trong phạm vi 10, bài hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau cộng nhẩm các số trong phạm vi 100.  - Bài toán y/c gì?  - Cá nhân HS thực hiện các phép tính: 5 + 2 = ?; 65 + 2 = ?  - HS thảo luận nhóm tìm cách tính kết quả |
| - Hs nêu:5 + 2 = 7 nên 65 + 2 = 67  - Hs chia sẻ cho bạn.  - HS nhận xét, bình luận đặt câu hỏi về cách tính của bạn.  - Một vài Hs đọc  - Hs đố bạn.   * HS hoàn thành bài 1. * HS kiếm tra lẫn nhau, nói cho bạn nghe cách làm.   **Bài 2**  - HS đọc.  - Hs làm bài.  **Bài 3**  - Lắng nghe  - Làm vở  - Kiểm tra lẫn nhau, nói cho bạn nghe cách làm.  - Quan sát tranh, nói cho bạn nghe tranh vẽ gì?  - Hỏi nhau về số điểm của hai bạn  Tính số điểm của mỗi bạn rồi nói cho bạn nghe cách tính.  **C. Hoạt động vận dụng****(13 phút)**  **Bài 4**  - Tranh vẽ các bạn học sinh đang biểu diễn văn nghệ.  - Hs trả lời  - Thảo luận tìm phép tính để giải quyết bài toán, nói cho bạn nghe suy nghĩ của mình.  - Viết phép tính và nêu câu trả lời: 31+8 = 39.  Trả lời: Tiết mục văn nghệ đó tó tất cả 39 bạn.  - HS kiểm tra lại phép tính và câu trả lời.  **D. Củng cố, dặn dò(2 phút)**  - Hs trả lời  - HS nêu. | phép tính 65 + 2 = ?  - Đặt tính, rồi nêu kết quả  - Gọi Hs chia sẻ trước lớp.  - GV chốt cách nhẩm  - Gv lấy thêm các ví dụ khác để HS tính nhẩm và trả lời miệng kết quả phép tính (chẳng hạn: 37 + 1; 43 + 2; 71 + 4; ...).   * HS lấy ví dụ tương tự đố bạn tính nhẩm, trả lời miệng.   HS thực hiện các thao tác:   * Tính nhẩm các phép tính. * Chỉ cho bạn xem phép tính tương ứng với kết quả đúng.   **-** Gv nêu y/c của bài: Tính nhẩm rồi nêu kết quả.  - Hs làm vở  \* HS thực hiện theo cặp:  ***Lưu ý:*** HS có thể có những cách tính điểm khác nhau, GV khuyến khích HS chia sẻ cách tính điểm của mình. Khi một HS hoặc một cặp HS chia sẻ, các HS khác có thể nhận xét, hoặc đặt câu hỏi cho bạn.  - Quan sát tranh vẽ, nhận biết bối cảnh bức tranh ?  - HS đọc bài toán, nhận biết bài toán cho gì, hỏi gì.  - Yêu cầu hs thảo luận tìm kết quả.  GV gợi ý cho HS liên hệ tình huống bức tranh với thực tế trường, lóp mình   * Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì? Những điều đó giúp ích gì cho em trong cuộc sống hằng ngày? * Em thích nhất bài nào? |

Bổ sung: ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**TOÁN:**

**Bài 63: PHÉP TRỪ DẠNG 39 - 15**

**(tiết 1)**

**I. MỤC TIÊU:**

**\*Kiến thức, kĩ năng**

- Biết cách đặt tính và thực hiện phép trừ trong phạm vi 100 (trừ không nhớ dạng 39 - 15).

**\* Phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép cộng, phép trừ đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển các NL toán học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

* Các thẻ thanh chục và khối lập phương rời như SGK
* Các thẻ chục que tính và các thẻ que tính rời trong bộ đồ dùng học toán; bảng con.
* Một số tình huống đơn giản có liên quan đến phép trừ trong phạm vi 100.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học** | **Hoạt động dạy** |
| **A. Hoạt động khởi động**  HS chơi trò chơi  - Quan sát  HS thảo luận nhóm  + Nói với bạn về các thông tin quan sát được từ bức tranh. Bạn nhỏ trong bức tranh đang thực hiện phép tính 39 - 15 = ? bằng cách thao tác trên các khối lập phương.   * (HS có thể dùng que tính, có thề dùng các khối lập phương, có thể tính nhẩm, ...). Đại diện nhóm nêu cách làm.   **B. Hoạt động hình thành kiến thức**  ***1. HS tính 39-15 = ?***   * HS đọc yêu cầu: 39 - 15 = ? * Thảo luận nhóm về cách tìm kết quả phép tính 39 - 15 = ?   - Đại diện nhóm trình bày  ***2. GV hướng dẫn cách đặt tính và thực hiện phép cộng dạng 39 - 15 = ?***  - Đọc yêu cầu  - Lắng nghe  - Nhắc lại cách tính  ***3. GV viết một phép tính khác lên bảng. Chẳng hạn: 63 - 32 = ?***  - Thực hiện   * HS đổi bảng con nói cho bạn bên cạnh nghe cách đặt tính và tính của mình.   ***4. HS thực hiện một số phép tính khác để củng cố cách thực hiện phép tính dạng 39 - 15 = ?***  - Thực hiện  HS đổi bảng con nói cho bạn bên cạnh nghe cách đặt tính và tính của mình  **C. Hoạt động thực hành, luyện tập**  **Bài 1**  **-** Lắng nghe   * HS tính rồi viết kết quả phép tính vào vở. * HS đổi vở kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe. * HS nhắc lại   **\*Củng cố, dặn dò(2 phút)**  - Trả lời  - Lắng nghe | 1. HS chơi trò chơi “Truyền điện” củng cố kĩ năng trừ nhẩm trong phạm vi 10, trừ dạng 17-2.  - Nhận xét.  2. HS hoạt động theo nhóm (bàn) và thực hiện lần lượt các hoạt động sau:  - Yêu cầu HS *quan sát* bức tranh (trong SGK hoặc trên máy chiếu).  Yêu cầu HS thảo luận nhóm bàn:  + Bức tranh vẽ gì?  - Nhận xét, giới thiệu bài.    - Yêu cầu hs đọc đề.  - Hướng dẫn đặt tính.  + Đặt tính thẳng cột, hàng đơn vị thẳng hàng đơn vị, hàng chục thẳng hàng chục.  + Thực hiện tính từ phải sang trái:   * Trừ đơn vị cho đơn vị. * Trừ chục cho chục. * GV chốt lại cách thực hiện, đề nghị một vài HS chỉ vào phép tính nhắc lại cách tính.      * Yêu cầu HS lấy bảng con cùng làm với GV từng thao tác: đặt tính, trừ từ phải sang rrái, đọc kết quả. * GV lấy một số bảng con đặt tính chưa thẳng hoặc tính sai để nhấn mạnh lại cách đặt tính rồi viết kết quả phép tính cho HS nắm chắc.     - Nhận xét, kết luận.     * GV hướng dẫn HS cách làm, làm mẫu 1 phép tính. * Yêu cầu HS tính rồi viết kết quả phép tính vào vở. * Yêu cầu HS đổi vở kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe. * Yêu cầu HS nhắc lại cách đặt tính dọc, quy tắc trừ từ phải sang trái, viết kết quả thẳng cột.      * Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì? Khi đặt tính và tính em nhắn hạn cần lưu ý những gì? * Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép trừ đã học, đặt ra bài toán cho mỗi tình huống đó để hôm sau chia sẻ với các bạn. |

Bổ sung: ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

`

**TUẦN 30 TOÁN:**

**Bài 63: PHÉP TRỪ DẠNG 39 - 15**

**(tiết 2)**

**I. MỤC TIÊU:**

**\*Kiến thức, kĩ năng**

- Biết cách đặt tính và thực hiện phép trừ trong phạm vi 100 (trừ không nhớ dạng 39 - 15).

**\* Phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép cộng, phép trừ đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển các NL toán học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

* Các thẻ thanh chục và khối lập phương rời như SGK
* Các thẻ chục que tính và các thẻ que tính rời trong bộ đồ dùng học toán; bảng con.
* Một số tình huống đơn giản có liên quan đến phép trừ trong phạm vi 100.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học** | **Hoạt động dạy** |
| **Bài 2:**  - HS làm bài  - Thực hiện  **Bài 3**  - Chơi trò chơi  - Chia sẻ  **Bài 4**  - Thực hiện   * HS viết phép tính thích hợp và trả lời:   Phép tính: 68 - 15 = 53.  Trả lời: Tủ sách lớp 1A còn lại 53 quyển sách.   * HS kiểm tra lại phép tính và câu trả lời.   **\* Hoạt động vận dụng**  - Thực hiện  - Chẳng hạn: Tuấn có 37 viên bi, Tuấn cho Nam 12 viên bi. Hỏi Tuấn còn lại bao nhiêu viên bi?  - Trả lời  **\* Củng cố, dặn dò**  - Trả lời  - Lắng nghe và thực hiện | * HS đặt tính rồi tính và viết kết quả vào vở. * Đổi vở kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe. * GV chữa bài, chỉnh sửa các lỗi đặt tính và tính cho HS.   - GV quan sát kĩ các thao tác của HS, nếu có HS trừ từ trái sang phải GV nêu trước lớp để nhắc nhở và khắc sâu cho HS.   * GV hướng dẫn HS tính ra nháp tìm kết quả phép tính ghi trên mỗi chiếc khoá. * Đối chiếu tìm đúng chìa khoá kết quả phép tính.   - Tổ chức thành trò chơi ghép thẻ.  - GV nhắc HS thực hiện đặt tính và tính ra nháp rồi kiểm tra kết quả để tránh nhầm lẫn.  - GV khuyến khích HS chia sẻ cách làm khác.   * Yêu cầu HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì. * HS thảo luận với bạn cùng cặp hoặc cùng bàn về cách trả lời câu hỏi bài toán đặt ra (quyết định lựa chọn phép cộng hay phép trừ để tìm câu trả lời cho bài toán đặt ra, tại sao). * Khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em, lưu ý HS tính ra nháp rồi kiểm tra kết quả.   - Yêu cầu HS tìm một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép trừ đã học.  - Nhận xét.   * Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì? Khi đặt tính và tính em nhắn hạn cần lưu ý những gì? * Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép trừ đã học, đặt ra bài toán cho mỗi tình huống đó để hôm sau chia sẻ với các bạn. |

Bổ sung …………………………………………………………………………………………….…………………………………………………………………………………

**TOÁN:**

**Bài 64: PHÉP TRỪ DẠNG 27 - 4, 63 - 40**

**(tiết 1)**

**I. MỤC TIÊU:**

**\*Kiến thức, kĩ năng**

- Biết cách đặt tính và thực hiện phép tính trừ trong phạm vi 100 (trừ không

nhớ dạng 27 - 4, 63 - 40).

**\* Phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép cộng, phép trừ đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển các NL toán học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Các thẻ thanh chục và khối lập phương rời như SGK hoặc các thẻ chục que tính và các thẻ que tính rời trong bộ đồ dùng học toán; bảng con.

- Một số tình huống đơn giản có liên quan đến phép trừ trong phạm vi 100.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học** | **Hoạt động dạy** |
| **A. Hoạt động khởi động.**  HS chơi trò chơi  HS hoạt động theo nhóm  HS hoạt động theo nhóm  Trình bày, nhận xét  **B. Hoạt động hình thành kiến thức mới.**  ***1. H S tính 27 - 4 = ?*** | 1. HS chơi trò chơi “Truyền điện” củng cố kĩ năng trừ nhẩm hai số tròn chục, phép trừ dạng 39 15. 2. HS hoạt động theo nhóm (bàn) và thực hiện lần lượt các hoạt động sau:  * *Quan sát* bức tranh (trong SGK hoặc trên máy chiếu). * Yêu cầu Thảo luận theo nhóm, bàn:   + Bức tranh vẽ gì?  + Nói với bạn về các thông tin quan sát được từ bức tranh. Bạn nhỏ trong bức tranh đang thực hiện phép tính 27 - 4 = ? bằng cách thao tác trên các khối lập phương. |
| * Thảo luận nhóm về cách tìm kết quả phép tính 27 - 4 = ?   ***2. GV hướng dẫn HS cách đặt tính và thực hiện phép trừ dạng 27 - 4 = ?***  - HS đọc yêu cầu: 27 - 4 = ?  - HS quan sát GV làm mẫu  - HS đọc  - Quan sát  ***3. GV viết một phép tính khác lên bảng. Chẳng hạn: 56 - 3 = ?***  - HS làm vào bảng con.   * HS đổi bảng con, nói cho bạn bên cạnh nghe cách đặt tính và tính của mình.   - Chú ý lắng nghe.  ***4. HS thực hiện một số phép tính khác để củng cố cách thực hiện phép tính dạng 27 - 4.***  - Làm vào bảng con.  - Lắng nghe, nhắc lại  **C. Hoạt động thực hành, luyện tập**  **Bài 1**  - Lắng nghe.  - HS làm bài  - Lắng nghe  **\*Củng cố, dặn dò**  - HS trả lời  - Nhận việc | * GV nhận xét các cách tính của HS.      * Gọi HS đọc đề. * GV làm mẫu:   + Đặt tính (thẳng cột).  + Thực hiện tính từ trái sang phải:   * 7 trừ 4 bằng 3, viết 3. * Hạ 2, viết 2.   + Đọc kết quả: Vậy 27 - 4 = 23.   * GV chốt lại cách thực hiện, đề nghị một vài HS chỉ vào phép tính nhắc lại cách tính.      * HS lấy bảng con cùng làm với GV từng thao tác: đặt tính; trừ từ phải sang trái, đọc kết quả. * GV lấy một số bảng con đặt tính chưa thẳng hoặc tính sai để nhấn mạnh lại cách đặt tính rồi viết kết quả phép tính cho HS nắm chắc.     - Yêu cầu HS làm  - Nhận xét.    - GV hướng dân HS cách làm, có thê làm mâu 1 phép tính.   * HS tính rồi viết kết quả phép tính vào vở. * GV nhắc lại quy tắc trừ từ phải sang trái, viết kết quả thẳng cột.      * Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì? Khi đặt tính và tính em nhắn bạn cần lưu ý những gì?   - Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép trừ đã học, đặt ra bài toán cho mỗi tình huống đó để hôm sau chia sẻ với các bạn  - Nhận xét tiết học. |

Bổ sung: ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**TOÁN:**

**Bài 64: PHÉP TRỪ DẠNG 27 - 4, 63 - 40**

**(tiết 2)**

**I. MỤC TIÊU:**

**\*Kiến thức, kĩ năng**

- Biết cách đặt tính và thực hiện phép tính trừ trong phạm vi 100 (trừ không

nhớ dạng 27 - 4, 63 - 40).

**\* Phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép cộng, phép trừ đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển các NL toán học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Các thẻ thanh chục và khối lập phương rời như SGK hoặc các thẻ chục que tính và các thẻ que tính rời trong bộ đồ dùng học toán; bảng con.

- Một số tình huống đơn giản có liên quan đến phép trừ trong phạm vi 100.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học** | **Hoạt động dạy** |
| **Bài 2**  - Đọc đề.  - HS làm bài | - Gọi HS đọc đề.  -Yêu cầu HS làm bài   * GV chữa bài, chỉnh sửa các lỗi đặt tính và tính cho HS. * HS quan sát mẫu, nói cách thực hiện phép tính dạng 63 - 40. * GV hướng dẫn HS:   + Đọc yêu cầu: 63 - 40 = ?  + Đặt tính (thẳng cột).  + Thực hiện tính từ phải sang trái:   * 3 trừ 0 bằng 3, viết 3. * 6 trừ 4 bằng 2, viết 2.   + Đọc kết quả: Vậy 63 - 40 = 23.   * GV chốt lại cách thực hiện, một vài HS chỉ vào phép tính nhắc lại cách tính. * GV nhắc lại cách đặt tính dọc, quy tắc trừ từ phải sang trái, viết kết quả thẳng cột.   -Yêu cầu HS làm bài   * GV chữa bài, chỉnh sửa các lỗi đặt tính và tính cho HS. * HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì.   - HS thảo luận với bạn cùng cặp hoặc cùng bàn về cách trả lời câu hỏi bài toán đặt ra (quyết định lựa chọn phép cộng hay phép trừ để tìm câu trả lời cho bài toán đặt ra, tại sao).  -Yêu cầu HS làm bài   * GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em, lưu ý HS tính ra nháp rồi kiểm tra kết quả. * Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì? Khi đặt tính và tính em nhắn bạn cần lưu ý những gì?   - Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép trừ đã học, đặt ra bài toán cho mỗi tình huống đó để hôm sau chia sẻ với các bạn  - Nhận xét tiết học. |
| HS đổi vở kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe.  - Lắng nghe, nhắc lại  **Bài 3**  - Quan sát  - Lắng nghe, nhắc lại   * HS thực hiện các phép tính khác rồi đọc kết quả. * Đối vở kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe.   **Bài 4**   * HS đặt tính rồi tính và viết kết quả vào vở. * Đổi vở kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe.   **D. Hoạt động vận dụng(5 phút)**  **Bài 5**  - HS đọc  - HS hoạt động theo nhóm.  - HS viết phép tính thích hợp và trả lời:  Phép tính: 36 - 6 = 30.  Trả lời: Trang còn lại 30 tờ giấy màu.   * HS kiểm tra lại phép tính và câu trả lời.  1. **Củng cố, dặn dò(2 phút)**   - HS trả lời  - Nhận việc |